

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÀI LIỆU
HỘI THẢO THI TỐT NGHIỆP THPT 2025
Môn Ngữ văn
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bình Dương, tháng 3/2025

CHUYÊN ĐỀ

ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT MÔN NGỮ VĂN - PHẦN ĐỌC HIỂU

GV báo cáo: Trần Thị Hồng

Đơn vị: Trường THPT Dầu Tiếng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm học 2024-2025 là năm đầu tiên học sinh lớp 12 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chương trình mới đưa ra nhiều thay đổi về cách thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Phần Đọc hiểu không chỉ yêu cầu học sinh hiểu nội dung văn bản mà còn phải vận dụng các kỹ năng phân tích, đánh giá và liên hệ thực tiễn. Đây là những kỹ năng đòi hỏi học sinh phải chuẩn bị kỹ lưỡng để có thể đáp ứng được các yêu cầu của kỳ thi.

Kiến thức cần ôn tập cho phần Đọc hiểu rất đa dạng, từ văn bản văn học đến văn bản thông tin, văn bản nghị luận. Việc ôn tập đọc hiểu không chỉ giúp học sinh làm quen với cấu trúc đề thi mà còn giúp học sinh tự tin hơn khi đối mặt với các bài thi. Học sinh sẽ cảm thấy bớt lo lắng và có khả năng xử lý tình huống tốt hơn khi đã chuẩn bị kỹ càng. Trong khi đó, thời lượng ôn tập ít (2 tiết/ tuần), thời gian ôn tập ngắn (khoảng 10 tuần).

Đối với học sinh lớp 12, kỳ thi tốt nghiệp THPT là một mốc quan trọng trong quá trình học tập. Phần Đọc hiểu trong đề thi chiếm tỷ lệ điểm lớn (4/10 điểm). Việc ôn tập kỹ lưỡng sẽ giúp học sinh nâng cao khả năng làm bài và đạt điểm số cao, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kỳ thi.

Vì là năm đầu thực hiện chương trình 2018 đối với lớp 12, việc dạy và học đọc hiểu gặp không ít khó khăn và thử thách. Do chương trình mới chỉ vừa được áp dụng, sách giáo khoa và tài liệu hỗ trợ còn thiếu tính đồng bộ và chưa thật sự phù hợp với yêu cầu đổi mới của chương trình. Điều này khiến giáo viên gặp khó khăn trong việc lựa chọn tài liệu giảng dạy sao cho phù hợp với trình độ và nhu cầu của học sinh.

Chương trình 2018 yêu cầu học sinh phát triển kỹ năng đọc hiểu toàn diện, không chỉ là hiểu nội dung văn bản mà còn phải phân tích, tổng hợp và đưa ra những quan điểm phản biện. Tuy nhiên, vì là năm đầu triển khai, nhiều học sinh chưa quen với yêu cầu cao về phân tích và suy luận, dẫn đến gặp khó khăn trong việc thực hành các kỹ năng đọc hiểu này. Học sinh còn thiếu các kỹ năng tự học và không biết cách phát triển khả năng đọc hiểu của bản thân một cách hiệu quả.

II. PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

Thực hiện ôn tập phần Đọc hiểu với 3 kiểu văn bản: Văn bản văn học, văn bản thông tin và văn bản nghị luận:

Kiểu văn bản	Loại hình	Thể loại
--------------	-----------	----------

Văn bản văn học	Truyện	Truyện hiện đại: Truyện ngắn hiện đại, tiểu thuyết hiện đại/ hậu hiện đại, truyện kí,...
	Thơ	Thơ trữ tình hiện đại
	Kí	Tùy bút, tản văn, phóng sự, nhật kí, hồi kí...
	Kịch	Hài kịch, bi kịch
Văn bản thông tin		
Văn bản nghị luận		

Thực hiện ôn tập theo thể loại, kiểu văn bản với tiến trình như sau:

- *Liệt kê các dạng câu hỏi có thể xuất hiện tương ứng với thể loại, kiểu văn bản ôn tập*

- *Hệ thống hóa những đơn vị kiến thức có liên quan đến các dạng câu hỏi*

- *Định hướng cách tìm và viết câu trả lời cho các dạng câu hỏi*

- *Thực hành*

- *Vận dụng*

1. Liệt kê các dạng câu hỏi theo 3 mức độ tư duy

Để liệt kê các dạng câu hỏi theo các mức độ tư duy, GV có thể tham khảo những nguồn tài liệu uy tín khác nhau, tuy nhiên cần chú trọng bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018.

1.1. Truyện

Mức độ tư duy	Lệnh hỏi	Các nội dung hỏi
Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định</i> - <i>Chỉ ra</i> - <i>Nêu</i> - <i>Liệt kê</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôi kể/ dấu hiệu nhận biết ngôi kể - Điểm nhìn/ điểm nhìn trung tâm/ Sự thay đổi điểm nhìn - Nhân vật (chính, trung tâm) - Đề tài, câu chuyện - Cốt truyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu - Bối cảnh không gian, thời gian - Đặc điểm ngôn ngữ - Lời người kể chuyện, lời nhân vật, sự nối kết giữa

		lời người kể chuyện và lời nhân vật - Các thủ pháp nghệ thuật - Yếu tố phi hư cấu + hư cấu (trong truyện kí) - Đặc điểm nhận diện phong cách hiện thực, lãng mạn -...
Thông hiểu	- <i>Phân tích</i> - <i>Nêu</i> - <i>Trình bày</i> ...	- Đặc điểm tính cách/ Tâm lí và diễn biến tâm lí của nhân vật/ Ý nghĩa, vai trò của nhân vật chính - Vai trò của chi tiết tiêu biểu - Đặc điểm của cốt truyện - Chủ đề/ Chủ đề chính, chủ đề phụ, tư tưởng, thông điệp - Sự phù hợp/ Tác dụng của ngôi kể, điểm nhìn/ sự thay đổi điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề - Tác dụng của sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật - Ý nghĩa của tình huống truyện - Ý nghĩa nhan đề/ Cách đặt nhan đề - Tác dụng của thủ pháp nghệ thuật, biện pháp tu từ - Giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh - Sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo - Tác dụng của việc kết hợp phi hư cấu với hư cấu (trong truyện kí) - ...
Vận dụng	- <i>Từ..., hãy ...</i> - <i>Qua... hãy...</i> - <i>Nhận xét</i> ...	- Trình bày suy nghĩ về... - Rút ra bài học về... - Ấn tượng về ... - Đồng tình/ Không đồng tình... - Liên hệ/ so sánh điểm tương đồng/ khác biệt với một văn bản khác cùng đề tài, cùng thể loại. * Câu hỏi vận dụng thường yêu cầu: 1. Nhận xét, đánh giá giá trị tác phẩm/ đoạn trích (giá

		<p>trị nội dung/ giá trị nghệ thuật) theo quan điểm cá nhân</p> <p>2. Liên hệ, phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm đối với đời sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc cá nhân đối với vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu tác động đối với người đọc: tác động đến quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc như thế nào? - Nêu tác động đối với tiến bộ xã hội: có ý nghĩa lâu bền không? <p>3. So sánh với tác phẩm khác cùng đề tài, cùng thể loại để thấy được nét riêng</p> <p>→ Yêu cầu vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử VHVN để trả lời câu hỏi</p>
--	--	--

1.2. Thơ

Mức độ tư duy	Lệnh hỏi	Các nội dung hỏi
Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định</i> - <i>Chỉ ra</i> - <i>Nêu</i> - <i>Liệt kê</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ/ Dấu hiệu nhận biết thể thơ - Chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình - Từ ngữ, hình ảnh/ hình tượng/ biểu tượng, vần, nhịp, đối - Biện pháp tu từ - Yếu tố tượng trưng, siêu thực - Đặc điểm nhận diện phong cách (cổ điển, lãng mạn) - Đề tài, chi tiết - Yếu tố tự sự -
Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhận xét</i> - <i>Phân tích</i> - <i>Nêu</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình/ nhân vật trữ tình - Sự vận động/ Sự chuyển biến trong cảm xúc của

	<p>- <i>Trình bày</i></p> <p>...</p>	<p>chủ thể trữ tình/ nhân vật trữ tình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm hứng chủ đạo - Tác dụng của biện pháp tu từ - Cấu tứ - Ý nghĩa của từ ngữ, chi tiết, hình ảnh/ hình tượng/ biểu tượng - Đặc điểm của ngôn từ, giọng điệu - Vai trò của yếu tố tượng trưng/ yếu tố siêu thực - Nội dung của dòng thơ/ đoạn thơ/ bài thơ - Đặc điểm của đối tượng trữ tình - Tác dụng của thể thơ - Giá trị thẩm mỹ của hình thức bài thơ - Tác dụng của sự kết hợp yếu tố tự sự và trữ tình trong thơ - Chủ đề, tư tưởng, thông điệp - Giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh - Ý nghĩa nhan đề - ...
<p>Vận dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Từ..., hãy ...</i> - <i>Qua... hãy...</i> - <i>Nhận xét</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày suy nghĩ về... - Rút ra bài học về... - Ấn tượng về câu thơ/ chi tiết/ hình ảnh/ nét độc đáo... - Đồng tình/ Không đồng tình... - Liên hệ/ so sánh điểm tương đồng/ khác biệt với một văn bản khác cùng đề tài, cùng thể loại. <p>* Câu hỏi vận dụng thường yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận xét, đánh giá giá trị tác phẩm/ đoạn trích (giá trị nội dung/ giá trị nghệ thuật) theo quan điểm cá nhân 2. Liên hệ, phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm đối với đời sống <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc cá nhân đối với vấn đề đặt ra trong văn bản.

		<p>- Nêu tác động đối với người đọc: tác động đến quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc như thế nào?</p> <p>- Nêu tác động đối với tiến bộ xã hội: Có ý nghĩa lâu bền không?</p> <p>3. So sánh với tác phẩm khác cùng đề tài, cùng thể loại để thấy được nét riêng</p> <p>→ Yêu cầu vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử VHVN để trả lời câu hỏi.</p>
--	--	---

1.3. Kí

Cấp độ tư duy	Lệnh hỏi	Các nội dung hỏi
Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định</i> - <i>Chỉ ra</i> - <i>Nêu</i> - <i>Liệt kê</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố tự sự, trữ tình - Kết cấu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật - Sự hiện diện của cái “tôi” tác giả/ cái tôi trữ tình - Tính phi hư cấu - Chi tiết quan trọng - Sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết - Thủ pháp nghệ thuật: miêu tả, trần thuật - Biện pháp tu từ ...
Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Phân tích</i> - <i>Nêu</i> - <i>Trình bày</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng của sự kết hợp yếu tố tự sự với trữ tình - Vẻ đẹp của cái “tôi” tác giả/ cái tôi trữ tình - Tác dụng của biện pháp tu từ - Vai trò của chi tiết quan trọng - Chủ đề, tư tưởng, thông điệp - Sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo - Ý nghĩa sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết

		<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh - ...
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Từ..., hãy ... - Qua... hãy... - Nhận xét ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày suy nghĩ về... - Rút ra bài học về... - Ấn tượng về chi tiết/ nét độc đáo... - Liên hệ/ so sánh điểm tương đồng/ khác biệt với một văn bản khác cùng thể loại. <p>* Câu hỏi vận dụng thường yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận xét, đánh giá giá trị tác phẩm/ đoạn trích (giá trị nội dung/ giá trị nghệ thuật) theo quan điểm cá nhân 2. Liên hệ, phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm đối với đời sống <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc cá nhân đối với vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu tác động đối với người đọc: tác động đến quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc như thế nào? - Nêu tác động đối với tiến bộ xã hội: Có ý nghĩa lâu bền không? 4. So sánh với tác phẩm khác cùng đề tài, cùng thể loại để thấy được nét riêng <p>→ Yêu cầu vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử VHVN để trả lời câu hỏi.</p>

1.4. Kịch

Cấp độ tư duy	Lệnh hỏi	Các nội dung hỏi
Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định - Chỉ ra - Nêu - Liệt kê ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài, câu chuyện, sự kiện chính, chi tiết tiêu biểu - Tình huống kịch - Xung đột cơ bản - Kết cấu - Nhân vật chính

		<ul style="list-style-type: none"> - Hành động, lời thoại (ngôn ngữ đối thoại, độc thoại) - Thủ pháp nghệ thuật - Hiệu ứng thanh lọc - ...
Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Phân tích</i> - <i>Nêu</i> - <i>Trình bày</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của tình huống, xung đột, ngôn ngữ, hành động - Tác dụng của các thủ pháp nghệ thuật - Vai trò của chi tiết tiêu biểu - Đặc điểm của nhân vật - Chủ đề, tư tưởng, thông điệp - Sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo - Cách miêu tả, sử dụng ngôn ngữ... - Giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ - Giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh - ...
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Từ..., hãy ...</i> - <i>Qua... hãy...</i> - <i>... của văn bản gợi...</i> - <i>Nhận xét</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày suy nghĩ về... - Rút ra bài học về... - Ấn tượng về chi tiết/ nét độc đáo... - Liên hệ/ so sánh điểm tương đồng/ khác biệt với một văn bản khác cùng thể loại. <p>* Câu hỏi vận dụng thường yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận xét, đánh giá giá trị tác phẩm/ đoạn trích (giá trị nội dung/ giá trị nghệ thuật) theo quan điểm cá nhân 2. Liên hệ, phân tích ý nghĩa, tác động của tác phẩm đối với đời sống <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc cá nhân đối với vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu tác động đối với người đọc: tác động đến quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc như thế nào? - Nêu tác động đối với tiến bộ xã hội: Có ý nghĩa lâu

		bèn không? 4. So sánh với tác phẩm khác cùng thể loại để thấy được nét riêng → Yêu cầu vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử VHVN để trả lời câu hỏi.
--	--	--

1.5. Văn bản nghị luận

Cấp độ tư duy	Lệnh hỏi	Các nội dung hỏi
Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định</i> - <i>Chỉ ra</i> - <i>Nêu</i> - <i>Liệt kê</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng - Các thao tác nghị luận - Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh,... - Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng - Biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định - ...
Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Phân tích</i> - <i>Nêu</i> - <i>Trình bày</i> - ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung và ý nghĩa của văn bản - Mức độ phù hợp giữa nội dung và nhan đề/ Đề xuất một nhan đề mới - Nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng - Mối quan hệ giữa luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề - Tác dụng của việc sử dụng các thao tác nghị luận - Vai trò/ Ý nghĩa của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng - Ý nghĩa cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng - Vai trò của yếu tố biểu cảm - Tác dụng của việc sử dụng kết hợp các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh - Nội dung tư tưởng/ Mục đích, quan điểm, thái độ, tình cảm của người viết - Hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định

		<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm - ...
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Từ..., hãy ...</i> - <i>Qua... hãy...</i> - <i>Nhận xét</i> - 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày suy nghĩ về... - Đồng tình hay không đồng tình,... <p>* Câu hỏi vận dụng thường yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá văn bản nghị luận dựa trên trải nghiệm và quan điểm cá nhân 2. Thể hiện quan điểm, suy nghĩ của cá nhân đối với quan điểm của người viết. <ul style="list-style-type: none"> - Nêu tác động đối với người đọc: tác động đến quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc như thế nào?

1.6. Văn bản thông tin

Cấp độ tư duy	Lệnh hỏi	Các nội dung hỏi
Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định</i> - <i>Chỉ ra</i> - <i>Nêu</i> - <i>Liệt kê</i> ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách trình bày dữ liệu, thông tin - Yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận - Sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ - Bố cục/ Kiểu bố cục, tính mạch lạc - Các yếu tố hình thức - Cách chọn lọc, sắp xếp thông tin - Dữ liệu/ dữ liệu sơ cấp/ dữ liệu thứ cấp - Nhan đề - Đề tài - Chi tiết - Nội dung chính của sa pô - ...
Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Phân tích</i> - <i>Nêu</i> - <i>Trình bày</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả của việc kết hợp phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ - Tác dụng của các yếu tố hình thức - Mục đích/ Tác dụng của việc kết hợp các phương

	...	<p>thức biểu đạt: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng của cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày thông tin - Sự phù hợp giữa nhan đề và nội dung/ Cách đặt nhan đề/ Đề xuất nhan đề khác - Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin - Mối liên hệ giữa các chi tiết/ Vai trò của các chi tiết - Mục đích, thái độ, quan điểm của người viết - Giá trị của đề tài, ý nghĩa của thông tin - Tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ - Tác dụng của loại dữ liệu/ của việc sử dụng dữ liệu, thông tin - Mối quan hệ giữa nhan đề, nội dung sa pô và hình ảnh minh họa - Ý nghĩa của sa pô - ...
Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Từ..., hãy ...</i> - <i>Qua... hãy...</i> - <i>Nhận xét...</i> - ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày suy nghĩ về... - Đồng tình hay không đồng tình,... <p>* Câu hỏi vận dụng thường yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đánh giá văn bản thông tin dựa trên trải nghiệm và quan điểm cá nhân. 2. Thể hiện quan điểm, suy nghĩ của cá nhân đối với nội dung văn bản và quan điểm của người viết. 3. So sánh hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.

2. Hệ thống hóa tri thức Ngữ văn

Trong quá trình ôn tập, lập bảng hệ thống hóa kiến thức, GV cần chỉ cho học sinh một số dấu hiệu nhận biết, một số “mẹo” để học sinh có thể tìm câu trả lời nhanh hơn. GV cũng cần chú ý giúp học sinh phân biệt những khái niệm gần nhau nhưng rất thường gặp trong câu hỏi đọc hiểu như: *đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp, thái độ, quan điểm,...*

Thể loại, kiểu văn bản	Các đơn vị kiến thức
Truyện	<ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện - Thông điệp của tác phẩm văn học - Tư tưởng của tác phẩm văn học - Đặc điểm, tính cách nhân vật - Người kể chuyện Điểm nhìn - Truyện ngắn - Cốt truyện của truyện ngắn hiện đại - Điểm nhìn ngôi thứ ba (toàn tri, hạn tri) và sự thay đổi điểm nhìn - Nhân vật trong truyện ngắn - Truyện kí - Sự kết hợp giữa phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí - Phong cách hiện thực - Tính chính thể của tác phẩm - Sự kiện trong tác phẩm truyện - Các giá trị của tác phẩm văn học (- Truyện truyền kì - Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, truyện dân gian) - Tiểu thuyết - Tiểu thuyết hiện đại - Ngôn ngữ tiểu thuyết - Nhân vật tiểu thuyết
Thơ	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ thể trữ tình - Vận và nhịp - Từ ngữ, hình ảnh trong thơ - Tình cảm, cảm xúc trong thơ - Cảm hứng chủ đạo trong thơ - Tượng trưng

	<ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình - Hình thức và cấu tứ trong thơ trữ tình - Phong cách - Phong cách cổ điển - Phong cách lãng mạn - Lịch sử/ tiến trình lịch sử văn học - Yếu tố siêu thực trong thơ trữ tình - Hình tượng và biểu tượng
Kí	<ul style="list-style-type: none"> - Tùy bút - Tản văn - Yếu tố tự sự trong tùy bút, tản văn - Yếu tố trữ tình trong tùy bút, tản văn - Cái “tôi” tác giả trong sáng tác văn học - Ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ trong tùy bút, tản văn - Phóng sự - Nhật kí - Tính phi hư cấu trong phóng sự, nhật kí - Chi tiết, sự kiện hiện thực
Kịch	<ul style="list-style-type: none"> - Bi kịch - Hành động trong bi kịch - Cốt truyện bi kịch - Xung đột bi kịch - Nhân vật chính của bi kịch - Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch - Chủ đề chính và chủ đề phụ - Hài kịch - Cốt truyện hài kịch - Xung đột trong hài kịch - Hành động trong hài kịch - Nhân vật hài kịch

	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng cười trào phúng - Ngôn ngữ và hiệu ứng “chữa trị” của hài kịch
Văn bản nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghị luận - Bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội trong văn bản nghị luận - Mục đích và quan điểm của người viết - Yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận - Tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận - Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận - Nhan đề của văn bản nghị luận - Thao tác nghị luận trong văn bản nghị luận - Ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận
Văn bản thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông tin tổng hợp - Bản tin - Quan điểm của người viết - Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ - Văn bản thông tin - Các yếu tố hình thức trong văn bản thông tin - Dữ liệu trong văn bản thông tin - Thái độ, ý kiến, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin - Thông tin cơ bản của văn bản - Cách trình bày ý tưởng và thông tin, dữ liệu - Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin - Dữ liệu nghiên cứu - Tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản
Tiếng Việt	<ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp tu từ: + Tiểu học, THCS: <i>So sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm, nói tránh, đảo ngữ, câu hỏi tu từ, chơi chữ, điệp thanh, điệp vần, điệp từ, điệp ngữ</i> + THPT: <i>Chêm xen, liệt kê, lặp cấu trúc, đối, nói mỉa, nghịch ngữ</i> - Hiện tượng phá vỡ các quy tắc thông thường của ngôn ngữ: Hiện

	<p>tương đảo trật tự từ, Hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ, Hiện tượng tách biệt,...</p> <p>- Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ trang trọng</p> <p>- Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thân mật</p> <p>...</p>
--	---

Định dạng đề thi tốt nghiệp môn Ngữ văn, phần Đọc hiểu sẽ có ít nhất 01 câu hỏi tiếng Việt (có thể ở mức độ nhận biết/ thông hiểu/ vận dụng), trong đó chú trọng các đơn vị kiến thức ở lớp 12 nhưng có thể liên quan đến kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở lớp dưới. Do đó, GV cũng cần chú ý hệ thống kiến thức tiếng Việt cho học sinh.

GV căn cứ các dạng câu hỏi đã được liệt kê ở phần 2 để lựa chọn trong số các kiến thức ở bảng trên những đơn vị kiến thức cơ bản, trọng tâm của một số thể loại cần hệ thống, ôn tập cho học sinh (Vì thời gian ôn tập ngắn nên tránh việc ôm đồm nhiều kiến thức). Chú trọng kiến thức trong chương trình Ngữ văn lớp 12 nhưng cũng cần chú ý đến đường phát triển năng lực ở một số thể loại có sự nâng dần lên theo từng khối lớp. Chú trọng đến những thể loại, kiểu văn bản trọng tâm nhưng không có nghĩa là bỏ những thể loại, kiểu văn bản còn lại.

GV định hướng cho học sinh tự ôn tập ở nhà. Hướng dẫn học sinh trong quá trình ôn tập có thể tham khảo kiến thức ở các bộ sách khác nhau (*Chân trời sáng tạo, Kết nối tri thức với cuộc sống, Cánh diều*) và các tài liệu tin cậy khác.

3. Định hướng **cách tìm** và **viết** câu trả lời

3.1. Đối với câu hỏi nhận biết

a. Dạng câu hỏi nhận biết về đặc trưng thể loại như thể thơ, chủ thể trữ tình, ngôi kể, điểm nhìn, ... có thể thực hiện như sau:

- * *Bước 1:* Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi (Hỏi về yếu tố đặc trưng nào?)
- * *Bước 2:* Huy động kiến thức nên có liên quan (tri thức về thể loại, kiểu văn bản và tiếng Việt)
- * *Bước 3:* Đọc lướt + đọc quét văn bản → tìm dữ liệu (dấu hiệu nhận biết) để xác định câu trả lời
- * *Bước 4:* Viết câu trả lời
 - Viết theo hình thức gạch đầu dòng.
 - Bám sát từ khóa trọng tâm.
 - Câu trả lời gồm 2 phần: *Phần dẫn* + *Phần trả lời*
 - + Phần dẫn: Nhắc lại nội dung hỏi (bỏ lệnh hỏi hoặc từ để hỏi)
 - + Phần trả lời: **Chỉ ra** (Không cần lí giải)

Ví dụ 1: Câu hỏi 1 trong Đề tham khảo Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025

(Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của đoạn trích)

* *Bước 1:* Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi: Dấu hiệu nhận biết thể thơ.

* *Bước 2:* Huy động tri thức nền về thể thơ

- Thơ tự do: số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau

- Thơ lục bát: dòng thơ 6 chữ và dòng thơ 8 chữ luân phiên

- Thơ bảy chữ: số chữ trong các dòng thơ đều có 7 chữ ...

* *Bước 3:* **Đọc lướt → tìm dữ liệu** bằng cách đếm số chữ từng dòng thơ để xác định thể thơ

* *Bước 4:* Viết câu trả lời:

Dấu hiệu nhận biết thể thơ của đoạn trích: Các dòng thơ có số chữ không bằng nhau là căn cứ để xác định thể thơ tự do của đoạn trích/ *Dấu hiệu nhận biết thể thơ tự do của đoạn trích là:* Các dòng thơ có số chữ không bằng nhau/ Các dòng thơ có số chữ không bằng nhau là căn cứ để xác định thể thơ tự do của đoạn trích.

b. Dạng câu hỏi nhận biết từ ngữ, hình ảnh, chi tiết,... về một đối tượng trong văn bản (A), có thể thực hiện như sau:

* *Bước 1:* Đọc câu hỏi, xác định nội dung hỏi và đối tượng (A)

* *Bước 2:* Đọc lướt văn bản, tìm A

* *Bước 3:* **Đọc quét → tìm dữ liệu:** lần theo A (chú ý tìm trước A, sau A và có thể xuất hiện rải rác trong văn bản)

* *Bước 4:* Viết câu trả lời

+ Phần dẫn: Nhắc lại nội dung hỏi (bỏ lệnh hỏi hoặc từ để hỏi)

+ Phần trả lời: **Chỉ ra** (Không cần lí giải)

+ Trích đủ, tránh thiếu hoặc dư

+ Từ ngữ, hình ảnh, chi tiết trích từ trong văn bản phải đặt trong ngoặc kép.

Ví dụ 2: Câu hỏi 2 trong Đề tham khảo Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025
(Xác định hình ảnh được sử dụng để so sánh với *cây liễu xưa* trong đoạn trích)

* *Bước 1:* Xác định nội dung hỏi (hình ảnh so sánh), xác định A (*cây liễu xưa*)

* *Bước 2:* Đọc lướt văn bản, tìm câu thơ có hình ảnh *cây liễu xưa*

* *Bước 3:* Lần theo hình ảnh *cây liễu xưa* → xác định câu trả lời: “*một bóng người Hy Lạp cổ*” (xuất hiện ngay sau hình ảnh *cây liễu xưa*)

* *Bước 4:* Viết câu trả lời

Hình ảnh được sử dụng để so sánh với “cây liễu xưa” là: “một bóng người Hy Lạp cổ”

3.2. Đối với câu hỏi thông hiểu

a. Dạng thông hiểu về tác dụng/ ý nghĩa/ vai trò... của các yếu tố thuộc hình thức nghệ thuật của văn bản

* *Bước 1*: Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi.

* *Bước 2*: Huy động kiến thức nền có liên quan

* *Bước 3*: **Đọc lướt + đọc quét** văn bản → **tìm dữ liệu** (các dấu hiệu nhận biết) → **suy luận** để tìm câu trả lời (đặt câu hỏi để trả lời: ...có tác dụng/ ý nghĩa gì về mặt nghệ thuật và nội dung?)

* *Bước 4*: Viết câu trả lời

- Có thể viết theo hình thức gạch đầu dòng hoặc đoạn văn.

- Câu trả lời gồm 2 nội dung: **(Chỉ ra) → Phân tích, lí giải**

+ **Chỉ ra**: Phân dẫn + Phần trả lời

+ **Phân tích, lí giải**: Phân dẫn + Phần trả lời (bám sát yêu cầu câu hỏi)

Ví dụ 3: Câu hỏi 3 trong Đề tham khảo Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 (Trình bày hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của anh với em trong đoạn trích)

* *Bước 1*: Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi: Tác dụng của hình thức lời tâm sự...

* *Bước 2*: Huy động kiến thức nền có liên quan: yếu tố tự sự trong thơ trữ tình và tác dụng của chúng.

* *Bước 3*: Đọc lướt + đọc quét văn bản → tìm dữ liệu (các dấu hiệu của hình thức lời tâm sự) → suy luận để tìm câu trả lời (sử dụng hình thức lời tâm sự như vậy có tác dụng gì về mặt nghệ thuật và nội dung?)

* *Bước 4*: Viết câu trả lời

- Đoạn trích đã sử dụng hình thức lời tâm sự của “anh” với em: Trong đoạn thơ xuất hiện những dòng thơ là gọi nhắc của *anh* hướng đến *em*: “Chắc em sẽ không quên”, “Chắc em nhớ hoài”, ..., cùng với đó những điều tâm sự về những kỷ niệm đã qua: “chúng mình chỉ về những ngày rất vội”, “Anh đã đi qua những thành phố biếc xanh”, “Có những khi anh lặng nhìn”...

- Tác dụng của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của *anh* với *em* trong đoạn trích là: Tạo giọng điệu tâm tình, tha thiết, sâu lắng. Từ đó, thể hiện tình cảm gắn bó sâu sắc của nhân vật trữ tình “anh” với Hà Nội”.

b. Dạng thông hiểu về các yếu tố thuộc phương diện nội dung của văn bản

* *Bước 1*: Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi: chủ đề/ tư tưởng/ thông điệp/ cảm xúc/ cảm hứng chủ đạo/ nội dung văn bản/...

* *Bước 2*: Huy động kiến thức nền có liên quan.

* *Bước 3*: **Đọc lướt + đọc quét** văn bản → **tìm dữ liệu** → **suy luận** (đặt ra các câu hỏi và trả lời) để tìm câu trả lời, chẳng hạn:

- Đối với câu hỏi về nội dung: Viết về ai/ cái gì/ vấn đề gì? ... hiện lên như thế nào? Qua đó, tác giả muốn thể hiện tình cảm, thái độ gì?

- Đối với câu hỏi về chủ đề: Văn bản tập trung vào khía cạnh nào của đề tài?...

- Đối với câu hỏi về thông điệp: Qua văn bản tác giả muốn gửi gắm đến người đọc điều gì?

- Đối với câu hỏi về tư tưởng: Tác giả nhận thức, quan niệm và có thái độ như thế nào về vấn đề đó?

- Đối với câu hỏi về mạch cảm xúc trong thơ trữ tình:

+ Bài thơ có mấy phần? Nội dung của từng phần là gì? (Căn cứ vào thời gian nghệ thuật/ không gian nghệ thuật/ đối tượng trữ tình,... để chia bố cục bài thơ)

+ Từ ngữ nào trực tiếp thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình? Cách cảm nhận về đối tượng trữ tình gián tiếp bộc lộ cảm xúc gì của nhân vật trữ tình? (Tìm những từ ngữ, chi tiết trực tiếp bộc lộ cảm xúc hoặc qua cách cảm nhận về đối tượng trữ tình của chủ thể trữ tình trong từng đoạn)

+ Bài thơ có mấy sắc thái cảm xúc? Đó là những cảm xúc nào? (Căn cứ vào các yếu tố trên để “gọi tên” sắc thái cảm xúc của mỗi phần)

* *Bước 4*: Viết câu trả lời

- Có thể viết theo hình thức gạch đầu dòng hoặc đoạn văn.

- Câu trả lời có thể gồm 2 nội dung: **(Chỉ ra) → Phân tích, lí giải**

+ **Chỉ ra**: Phần dẫn + Phần trả lời

+ **Phân tích, lí giải**: Phần dẫn + Phần trả lời (bám sát yêu cầu câu hỏi)

Ví dụ 4: Câu hỏi 4 trong Đề tham khảo Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 (Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình *anh* trong đoạn trích)

* *Bước 1*: Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi: sự vận động cảm xúc...

* *Bước 2*: Huy động kiến thức về cảm xúc và sự vận động/ chuyển biến của cảm xúc trong thơ trữ tình.

* *Bước 3*: Đọc lướt văn bản và chia bố cục bài thơ theo dòng tâm sự của nhân vật trữ tình (Phần 1: 3 khổ đầu là lời gọi nhắc về kỉ niệm trong quá khứ; Phần 2: khổ thơ cuối là cảm xúc trong hiện tại) → Đọc quét (đọc kĩ) từng phần để tìm các từ ngữ, chi tiết... bộc lộ cảm xúc (Phần 1: những từ ngữ, chi tiết thể hiện cảm xúc như “chắc em sẽ không quên”, “chắc em nhớ hoài,...; Phần 2: “bỗng thấy lòng mình yên tĩnh quá”, “... như điều kì lạ”, “ngỡ... chưa thấy bao giờ”) → Xác định có 2 sắc thái tâm trạng của nhân vật trữ tình: Nhớ về kỉ niệm trong quá khứ và cảm giác bình yên trong hiện

tại.

* *Bước 4:* Viết câu trả lời

Sự vận động cảm xúc của chủ thể trữ tình “anh” được thể hiện trong đoạn trích: Bài thơ mở ra với nỗi nhớ da diết về Hà Nội trong quá khứ và những thành phố “anh” đã đi qua, những nơi “anh” lớn lên, những năm còn trẻ. Khép lại bài thơ là cảm giác bình yên trong tâm hồn khi nhân vật trữ tình “anh” được đi giữa lòng Hà Nội trong hiện tại.

3.3. Đối với câu hỏi vận dụng

* *Bước 1:* Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi

* *Bước 2:* Huy động kiến thức nền có liên quan (nếu có)/ **Những hiểu biết, những trải nghiệm của bản thân.**

* *Bước 3:* **Đọc quét** văn bản → **tìm dữ liệu** (nếu cần/nếu có) → **suy luận mức độ 1** (Phân tích, lí giải nếu cần/ nếu có) → **suy luận mức độ 2** (Liên hệ, đánh giá) để tìm câu trả lời.

* *Bước 4:* Viết câu trả lời

- Có thể viết theo hình thức gạch đầu dòng hoặc đoạn văn ngắn (5-7 dòng)

- Câu trả lời có thể gồm 3 nội dung: **Chỉ ra** (nếu cần/ nếu có) → **Phân tích, lí giải** (nếu cần/ nếu có) → **Đánh giá, liên hệ**

+ **Chỉ ra** (nếu có/ nếu cần): Phần dẫn + phần trả lời

+ **Phân tích, lí giải** (nếu có/ nếu cần): Phần dẫn + phần trả lời

+ **Đánh giá, liên hệ:** Phần dẫn + phần trả lời (giá trị, ý nghĩa, tác động,...)

Ví dụ 5: Từ tâm trạng của nhân vật trữ tình *anh* khi ở giữa lòng Hà Nội chiều nay, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ về chốn bình yên trong tâm hồn mỗi người (trình bày từ 5-7 dòng) (Đề tham khảo thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025)

* *Bước 1:* Đọc câu hỏi, xác định nội dung được hỏi: ...bày tỏ suy nghĩ về...

* *Bước 2:* Huy động kinh nghiệm đọc và trải nghiệm của bản thân.

* *Bước 3:* Đọc quét văn bản → tìm đến đoạn thơ có chi tiết “ở giữa lòng Hà Nội chiều nay” để nhận diện từ ngữ, chi tiết thể hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình “anh” → suy luận mức độ 1 (Phân tích, lí giải: Tâm trạng của nhân vật anh là gì? Vì sao nhân vật trữ tình anh lại có tâm trạng như vậy?) → suy luận mức độ 2 (Liên hệ, đánh giá: Tâm trạng của nhân vật trữ tình *anh* giúp bản thân nhận thức được điều gì về chốn bình yên trong tâm hồn mỗi người?...)

* *Bước 4:* Viết câu trả lời

- *Tâm trạng của nhân vật trữ tình “anh” khi “ở giữa lòng Hà Nội chiều nay” được thể hiện qua chi tiết: “thấy tâm hồn yên tĩnh quá”.*

- Đó là cảm giác bình yên trong tâm hồn khi nhân vật trữ tình anh được trở về Hà Nội, được cùng “em” đi trên con đường quen thuộc, với những hàng cây thân thương.

- *Tâm trạng của nhân vật trữ tình anh gợi lên trong người đọc nhiều suy nghĩ về chốn bình yên trong tâm hồn mỗi người*: Chốn bình yên chỉ đơn giản là nơi con người được chở che, được yêu thương, là nơi con người được sống là chính mình...

**** Lưu ý**: Nếu điều kiện cho phép, GV nên xây dựng “Công thức chung” để trả lời những dạng câu hỏi có khả năng xuất hiện cao trong đề thi, nhất là đối với câu hỏi thông hiểu và vận dụng. Chẳng hạn:

Đối với dạng câu hỏi: **Nêu tác dụng của yếu tố phi ngôn ngữ trong đoạn trích (văn bản thông tin). GV có thể định hướng cách trả lời như sau:**

- *Yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản là*: hình ảnh về.../ số liệu/ bảng biểu/ lược đồ/ sơ đồ/ biểu đồ/ đồ thị...

- *Tác dụng của các yếu tố phi ngôn ngữ trên là*:

+ Bổ sung thông tin, làm rõ hơn các thông tin của bài viết về... Đồng thời, góp phần chuyển tải được ý tưởng, quan điểm của người viết về vấn đề...

+ Làm cho việc cung cấp thông tin trong văn bản trở nên trực quan, sinh động. Từ đó, làm tăng tính hấp dẫn và thuyết phục cho văn bản.

Đối với dạng câu hỏi: **Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung và nhan đề của văn bản (Văn bản nghị luận). GV có thể định hướng cách trả lời như sau:**

- *Nội dung của văn bản*: Bàn về vấn đề...

- *Nhan đề của văn bản*: “...”

- *Mức độ phù hợp giữa nội dung và nhan đề*: Nội dung văn bản và nhan đề có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung của văn bản, vì nhan đề đã khái quát được nội dung chính của văn bản, đó là... Tất cả các nội dung của văn bản đều hướng đến làm rõ vấn đề..., góp phần làm tăng tính thuyết phục cho nhan đề.

Đối với dạng câu hỏi: **Anh/Chị đồng tình/ không đồng tình với...không?. GV có thể định hướng cách trả lời như sau:**

- Tôi đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm cho rằng: :...” (Thể hiện quan điểm của bản thân)

- Sở dĩ tôi đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần là vì (Lí giải vì sao đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần):

Đối với dạng câu hỏi: **Nêu ý nghĩa của tình huống truyện. Có thể định hướng cách trả lời:**

- *Tình huống truyện*: Đoạn trích xoay quanh tình huống.../ Nhân vật... được đặt vào tình huống tâm lí đầy thử thách.../...

- Ý nghĩa của tình huống:

+ Tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn người đọc

+ Tạo điều kiện đi sâu khám phá tâm lí nhân vật... Từ đó, làm nổi bật vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật..., một người... Thông qua đó, giúp người đọc nhận thức một cách thấm thía ý nghĩa của câu chuyện:...

4. Tổ chức thực hành trên lớp

4.1. Lựa chọn ngữ liệu

- Lựa chọn ngữ liệu: ưu tiên chọn ngữ liệu của các tác giả có tác phẩm/ đoạn trích trong chương trình học.

- Ngữ liệu có độ dài phù hợp và mang những dấu hiệu đặc trưng cho thể loại.

- Ngữ liệu đáng tin cậy (có nguồn dẫn đầy đủ, chính xác)

- Ngữ liệu phải phù hợp với thuần phong mỹ tục, với đặc điểm lứa tuổi

- Nếu là đoạn trích thì đoạn trích đó phải hội tụ được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Hạn chế đọc hiểu văn bản thơ dịch, nếu thơ chữ Hán cần nêu cả phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ. (Dựa vào bản dịch nghĩa để hỏi)

4.2. Xây dựng câu hỏi

- Với mỗi thể loại, ở điều kiện lí tưởng nhất, khi có nhiều thời gian, GV có thể:

Thứ nhất, chọn 1 đến 2 ngữ liệu nhưng khai thác tối đa ngữ liệu bằng cách, với mỗi ngữ liệu sẽ xây dựng tất cả các dạng câu hỏi có thể ra và cho học sinh thực hành. Đặc biệt chú ý xây dựng những câu hỏi về các nội dung mà học sinh hay dễ nhầm lẫn như: đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,... Cách làm này sẽ giúp HS dễ dàng nhận ra sự khác nhau của những khái niệm gần giống nhau.

Thứ hai, tùy thời gian ôn tập mà có thể chọn ít hay nhiều ngữ liệu và thực hiện xây dựng 5 câu hỏi theo 3 cấp độ tư duy (bám sát đề tham khảo) để học sinh thực hành. Lệnh hỏi phải rõ ràng, nội dung hỏi phải tường minh và đảm bảo tính khoa học.

- Câu dẫn sử dụng 1 trong 2 hình thức sau:

+ **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới**; các yêu cầu đọc hiểu đều phải diễn đạt bằng câu hỏi (dùng từ để hỏi và có dấu chấm hỏi).

+ Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu bên dưới; các yêu cầu có thể diễn đạt bằng câu hỏi hoặc câu lệnh.

4.3. Tổ chức hoạt động học tập

- Tổ chức các hoạt động học tập đa dạng, linh hoạt, kích thích được hứng thú học tập, sự tích cực của học sinh.

- Chú ý tính hiệu quả của mỗi hoạt động

- Chú trọng sửa bài thực hành cho học sinh.
- + Nếu có thể nên xây dựng bảng kiểm
- + Cho HS đánh giá chéo sản phẩm của nhau dựa trên những hướng dẫn của GV
- + Phải căn cứ trên bài làm của học sinh, so với yêu cầu cần đạt để đưa ra những nhận xét có tính định lượng và thực hiện sửa bài, rút kinh nghiệm sau mỗi giờ thực hành.

- Trong điều kiện thời gian cho phép, cần chú ý đến sự đa dạng của câu hỏi để học sinh được thực hành nhiều nhất có thể các dạng câu hỏi liên quan đến thể loại, kiểu văn bản. Tuy nhiên cũng cần phải đảm bảo rằng, với mỗi dạng câu hỏi, học sinh phải được làm đi làm lại nhiều lần để có thể học thuộc được cách trả lời cho dạng câu hỏi đó. Nếu trong điều kiện thời gian hạn hẹp, GV nên chọn những đơn vị kiến thức và dạng câu hỏi có khả năng xuất hiện cao để tổ chức cho học sinh ôn tập trên lớp. Các dạng câu hỏi còn lại, GV sẽ hướng dẫn cho học sinh vận dụng ở nhà. Giải pháp tối ưu nhất trong trường hợp này đó là, GV sẽ dựa vào tài liệu của các tác giả uy tín để xây dựng đề cương ôn tập cho học sinh. Trong đó, gợi ý “Công thức chung” để tìm và viết câu trả lời cho mỗi dạng câu hỏi.

5. Vận dụng

- Thực hiện việc chọn ngữ liệu và xây dựng câu hỏi tương tự như hoạt động 4.
- Học sinh thực hiện ở nhà và nộp sản phẩm trên các nền tảng học trực tuyến.
- GV tổ chức cho HS đánh giá chéo sản phẩm lẫn nhau.
- GV nhận xét, sửa bài, rút kinh nghiệm cho học sinh.

III. KẾT LUẬN

Ôn tập phần Đọc hiểu là một hoạt động dạy học quan trọng giúp học sinh củng cố và nâng cao kỹ năng phân tích, suy luận và tư duy phản biện. Qua quá trình ôn tập, học sinh không chỉ nắm vững kiến thức về nội dung văn bản mà còn học cách áp dụng các kỹ năng để giải quyết các bài tập đọc hiểu một cách hiệu quả. Để đạt được kết quả tốt trong phần này, giáo viên cần cung cấp phương pháp ôn tập hợp lý, từ việc hướng dẫn học sinh đọc kỹ, tìm hiểu các yếu tố trong văn bản, đến việc phát triển khả năng trả lời câu hỏi, phân tích sâu sắc vấn đề. Đồng thời, học sinh cần chủ động trong việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu qua nhiều dạng bài tập và thực hành, từ đó nâng cao khả năng tư duy độc lập và sáng tạo.

Chương trình giáo dục hiện hành đã đặt ra yêu cầu cao về năng lực đọc hiểu cho học sinh. Vì vậy, việc hướng dẫn ôn tập một cách bài bản và khoa học không chỉ giúp học sinh làm quen với các dạng bài thi mà còn phát triển khả năng nhận thức và phản biện xã hội. Để đạt được điều này, sự kết hợp giữa giáo viên, học sinh và tài liệu hỗ trợ sẽ đóng vai trò then chốt trong quá trình ôn tập phần Đọc hiểu hiệu quả.

1.1.1. Một số lưu ý cho GV khi hướng dẫn HS ôn tập và khi ra đề viết đoạn văn nghị luận xã hội

- Đối với quá trình ôn tập, GV cần nhắc nhở HS lưu ý:

+ HS cần nắm và bám theo các tiêu chí trong *Hướng dẫn chấm* đoạn văn nghị luận trong quá trình tạo lập đoạn văn để đạt được điểm tối ưu nhất.

+ Đọc kĩ đề, cần phân biệt: *phần dẫn* và *phần lệnh* trên đề để có thể rút ra Vấn đề nghị luận chính xác.

+ Tập trung vào các vấn đề XH liên quan đến tuổi trẻ, cần chú ý bối cảnh chính trị xã hội của đất nước.

- Đối với quá trình ra đề, người ra đề cần lưu ý:

+ Đề NLXH chỉ hướng đến một vấn đề xã hội duy nhất có thể liên quan hoặc không liên quan đến ngữ liệu Đọc – hiểu.

+ Câu dẫn trong đề NLXH phải gợi được cảm hứng, cảm xúc cho HS; ưu tiên những câu dẫn có nguồn (chính danh); thông điệp nội dung câu dẫn cần thống nhất với câu lệnh, liên quan chặt chẽ với câu lệnh.

+ Câu lệnh cần rõ ràng, tránh mơ hồ về nghĩa, tránh sử dụng 2 – 3 từ ngữ làm lệnh đề.

+ Cần xác định phần Viết có liên đới với Đọc - hiểu hay không? Hạn chế tối đa câu lệnh trong phần viết trùng với một số đặc điểm ở phần Đọc – hiểu.

- Hướng dẫn chấm theo năng lực chú trọng 2 yêu cầu:

+ Cách/ hướng giải quyết vấn đề (câu hỏi/ nhiệm vụ) nêu lên trong đề.

+ Phân tích/ đánh giá cần cụ thể, nội dung thể hiện được suy nghĩ đa diện (đưa ra được nhiều gợi ý) nhưng không lan man, ôm đồm.

1.2. Đoạn văn nghị luận văn học

Theo định hướng ôn tập, sẽ có 5 dạng cơ bản sau:

- Phân tích ngắn gọn đặc điểm của nhân vật trong một đoạn trích/tác phẩm.
- Phân tích một nét đặc sắc về nội dung hoặc hình thức trong một đoạn trích/tác phẩm.
- Phân tích về một đặc trưng thể loại đã học trong một đoạn trích/tác phẩm.
- Đánh giá về một đặc trưng thể loại đã học trong một đoạn trích/tác phẩm.
- So sánh/đánh giá về một đặc điểm (nội dung hoặc hình thức); một đặc điểm của hai nhân vật trong hai đoạn trích/tác phẩm (thơ/truyện/kí/kịch).

1.2.1. Đoạn văn phân tích ngắn gọn đặc điểm của nhân vật trong một đoạn trích/tác phẩm.

Định hướng chung:

MỞ ĐOẠN:

- Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, đoạn trích
- Nêu vấn đề nghị luận: đặc điểm [...] của nhân vật trong truyện ngắn.

THÂN ĐOẠN:

- **Bước 1 - Nêu vấn đề:** đặc điểm nhân vật qua các biểu hiện (lựa chọn):

+ Số phận, hoàn cảnh sống.

+ Ngoại hình.

+ Hành động.

+ Diễn biến tâm lí.

+ Tính cách, phẩm chất

+ ...

- **Bước 2 – Phân tích + Chứng minh:**

+ Nêu dẫn chứng: từ ngữ, hình ảnh, chi tiết thể hiện đặc điểm của nhân vật trích từ ngữ liệu.

+ Đặc điểm nhân vật (tính cách, phẩm chất...) hiện lên cụ thể như thế nào qua các dẫn chứng vừa nêu

+ Nêu nghệ thuật xây dựng nhân vật: ngôi kể, điểm nhìn, mạch trần thuật, ngôn ngữ, giọng điệu, ...

- **Bước 3 – Đánh giá:** Nêu ý nghĩa của nhân vật: Nhân vật đại diện cho cuộc đời, số phận của đối tượng nào trong xã hội?

KẾT ĐOẠN:

- Khẳng định nét độc đáo của nhân vật, giá trị của tác phẩm.

NGŨ LIỆU THAM KHẢO:

Đề bài: Hãy viết đoạn văn phân tích số phận bất hạnh của nhân vật bà lão trong truyện ngắn “Bà lão lòa” của nhà văn Vũ Trọng Phụng.

[...] Hai mươi năm về trước, bà lão lòa này còn là người có của trong làng. Con trai bà nó chơi, nó phá, nó bán ruộng, cầm nhà rồi nó bỏ bà nó đi, chẳng biết đi đâu, lòng mẹ đối với con tuy có giận mà vẫn có thương, bà khóc lóc một mình đến nổi lòa cả mắt. Cũng vì xưa kia đã nhiều phen ngửa tay nhận lấy đồng tiền cứu giúp của bà, bác đánh giậm đành cắn răng, vuốt bụng, nhắm mắt nuôi cô trong lúc hoạn nạn. Một buổi chiều trời nổi cơn giông to, đưa cháu nhỏ nhắc bố nó ...]

- Kìa thày! Thế bà ở ngoài đầu đê...

Nó chưa nói hết câu, bố nó đã như bị một luồng điện giật, nảy người ra, mắt tròn xoe, mãi mới nói được.

- Chết chửa! Biết làm thế nào bây giờ? U mày đau bụng, kêu rói rít lên, làm tao cũng quên bẵng đi mất...

- Thế thì chắc bà chết rét mất rồi... Còn gì nữa...

Bác đánh giậm hôm ấy dậy rất sớm, đóng khóa, cài ổ, vác vọt ra đi... bác thấy giữa ruộng, trong một đám mạ xanh tươi tốt, một đàn quạ, con bay con liệng, kêu sào sạc rồi đậu xúm xít vào một chỗ. Bụng tưởng hẳn là một tổ rắn chi đây, bác ta vác ngay một vọt tre lên mặt rồi phăm phăm chạy lại... Chao ôi! Bước vừa đến nơi thì bỗng bác ta rú lên một tiếng, trợn mắt rít răng mà ngã phục xuống cạnh một cái xác, cái xác một người đã bị quạ mổ nát như, xác bà lão lòa bị gió thổi xuống ruộng đêm hôm trước. [...]

(Vũ Trọng Phụng, Trích truyện ngắn “Bà lão lòa”)

Định hướng tham khảo:

- **Bước 1 - Nêu vấn đề:** Nhân vật bà lão lòa hiện lên với số phận bất hạnh qua chuỗi bi kịch trong đời.

- **Bước 2 - Phân tích + Chứng minh:**

- Trích dẫn một số chi tiết, từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu.

+ Hoàn cảnh sống nghèo khổ, éo le: từng giàu có nhưng vì con trai mà trở nên nghèo khó, ăn nhờ ở đậu nhà đứa cháu; hàng ngày phải đi ăn xin.

+ Là người mẹ hết lòng vì con, khóc thương con đến lòa đôi mắt.

+ Bị chính cháu mình đã từng cưu mang bỏ rơi, lạnh nhạt, tàn nhẫn.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật

+ Ngôi kể thứ ba; điểm nhìn đa dạng

+ Mạch trần thuật hấp dẫn có đan xen các trục thời gian giữa quá khứ và hiện tại.

+ Ngôn ngữ độc đáo; giọng điệu thương cảm, xót xa.

- **Bước 3 - Đánh giá:**

+ Nhân vật bà lão đại diện cho những người già nghèo khổ, không nơi nương tựa.

+ Nhà văn lên án thói vô ơn, vô cảm của con người trong xã hội đương thời.

Đoạn văn tham khảo

[MĐ] (Dẫn dắt) Xưa nay, nghệ thuật luôn là cái bóng được hắt chiếu hiện thực. (GT tác giả, tác phẩm) Thấy vậy, nhà văn Vũ Trọng Phụng đã “thôi miên” người đọc qua truyện ngắn “Bà lão lòa”. (GT VĐNL) Nhân vật bà lão trong truyện ngắn là một điển hình cho số phận con người cay đắng, bất hạnh. [TĐ] (Nêu vấn đề) Tác phẩm là câu chuyện cuộc đời dài dặc, nhiều biến cố và đầy bất hạnh của bà lão. (Phân tích kết hợp Chứng minh bằng dẫn chứng) Khi xưa, bà giàu có nhưng do thằng con trai phá phách mà bà lâm vào tình cảnh nghèo khó, phải sống nhờ nhà đứa cháu và đi xin ăn. Tuy vậy, bà lão vẫn hết lòng, hết dạ với đứa con “lòng mẹ đối với con tuy có giận mà vẫn có thương, bà khóc lóc một mình đến nỗi lòa cả mắt.”. Nhưng cuộc đời chật hẹp, lòng người khó lường, khi bà cơ nhờ thì chẳng ai thương cả. Người ta “quên băng đi mắt” sự hiện diện của bà, cuộc đời bà đặt dấu chấm hết bằng cái chết lạnh lẽo, bị bỏ rơi trong một cơn mưa bão. (Phân tích) Bằng ngòi kể thứ ba, điểm nhìn đa dạng, ngôn ngữ sắc lạnh, giọng điệu thương cảm, xót xa, Vũ Trọng Phụng đã thể hiện tài năng xây dựng nhân vật bậc thầy của mình. (Đánh giá) “Bà lão lòa” có lẽ là câu chuyện số phận bất hạnh của vô vàn những con người già cả. Đồng thời, nhà văn đã lên án mạnh mẽ thói vô ơn bạc bẽo, vô cảm của con người trong xã hội đương thời. [KĐ] (Khẳng định nét độc đáo) Vũ Trọng Phụng đã đưa nhân vật từ cuộc đời bước vào trang sách và lại từ trang sách bước vào trái tim và suy tư của mỗi con người, khiến tác phẩm sống mãi với thời gian.

1.2.2. Đoạn văn phân tích một nét đặc sắc về nội dung/ hình thức trong một đoạn trích/tác phẩm.

Định hướng chung:

MỞ ĐOẠN:

- Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, đoạn trích
- Nêu vấn đề nghị luận: Nêu nét đặc sắc về nội dung hoặc hình thức mà đoạn văn sẽ phân tích (gắn với yêu cầu đề bài).

THÂN ĐOẠN:

- **Bước 1 - Nêu vấn đề:**
 - + Nêu rõ nét đặc sắc ấy thể hiện ra sao trong văn bản? (VD: nội dung thể hiện tư tưởng gì, hình thức có gì đặc biệt?).
- **Bước 2 – Phân tích + Chứng minh:**
 - + Nêu dẫn chứng: từ ngữ, hình ảnh, chi tiết thể hiện nét đặc sắc ấy.
 - + Nếu là đặc sắc nội dung: Ý nghĩa, tư tưởng, cảm xúc của tác phẩm được tác giả được thể hiện như thế nào?
 - + Nếu là đặc sắc hình thức:
 - ++ Văn bản thơ: Cách sử dụng biện pháp tu từ, hình ảnh, nhịp điệu, vần điệu, giọng thơ có gì độc đáo?
 - ++ Văn bản truyện/ kí/ kịch: Cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn, ... có gì độc đáo?
- **Bước 3 – Đánh giá:**

- + Nêu lên tác dụng của nét đặc sắc đó đối với nội dung toàn bài.
- + Đánh giá phong cách sáng tác của tác giả (nếu có).

KẾT ĐOAN:

- Khẳng định lại giá trị của nét đặc sắc vừa phân tích.

NGŨ LIỆU THAM KHẢO

Đề bài: Anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận về hình ảnh trăng qua bài thơ dưới đây:

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng Trăng!

Ai mua trăng tôi bán trăng cho

Không bán đoàn viên, ước hẹn hò...

Bao giờ đậu trạng vinh quy đã

Anh lại đây tôi thối chữ thơ.

Không, Không, Không! Tôi chẳng bán hòn Trăng.

[...] Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi

Tôi lán cho trăng một tràng chuỗi

Trăng mới là Trăng của Rạng Ngời

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!

(Hàn Mặc Tử, *Trăng vàng trăng ngọc*)

Định hướng tham khảo:

- **Bước 1 - Nêu vấn đề:** Hình ảnh “trăng” là hình ảnh xuất hiện xuyên suốt bài thơ, chứa đựng nhiều giá trị tư tưởng sâu sắc.

- Bước 2 - Phân tích + Chứng minh:

- + Trích dẫn một số chi tiết, từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu.
- + Trăng là người bạn tâm giao, tri kỉ, trăng là nơi chia sẻ đối với thi sĩ
- + Điệp từ “trăng”: khiến không gian như giăng mắc, ngập tràn, ánh chiếu bởi thứ ánh sáng lung linh, ma mị của tự nhiên.
- + Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh đặc sắc: trăng hiện lên gần gũi, thân thuộc và tràn ngập khắp mọi ngõ ngách, không gian như tấm áo lớn, có thể hữu hình, trong tầm với “hòn trăng”; có thể cảm nắm, bán mua: “Ai mua trăng tôi bán trăng cho”.

- Bước 3 - Đánh giá:

- + Hình ảnh trăng thể hiện rõ tình yêu thiên nhiên, khát vọng giao hòa với thế giới của cái đẹp.
- + Hình ảnh trăng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo làm nên thế giới thơ riêng của nhà thơ Hàn Mặc Tử.

1.2.3. Viết đoạn văn phân tích/ đánh giá về một đặc trưng thể loại trong một đoạn trích/ tác phẩm.

Định hướng chung:

MỞ ĐOẠN:

- Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, đoạn trích
- Nêu vấn đề nghị luận: Nêu đặc trưng thể loại sẽ phân tích (gắn với yêu cầu đề bài).

THÂN ĐOẠN:

- **Bước 1 - Nêu vấn đề:** Đặc trưng ấy thể hiện ra sao trong văn bản?
- **Bước 2 – Phân tích + Chứng minh:**
 - + Nêu dẫn chứng: từ ngữ, hình ảnh, chi tiết thể hiện đặc điểm ấy.
 - + Dẫn chứng vừa nêu thể hiện đặc điểm nào của đặc trưng thể loại?
 - + Có sử dụng hình thức nghệ thuật nào nổi bật không? Có tác dụng gì trong việc truyền tải nội dung của văn bản và dẫn dắt ý đồ nghệ thuật của tác giả?

- **Bước 3 – Đánh giá:**

- + Sự tài năng, thành công của tác giả trong sáng tác gắn với thể loại.
- + Tác phẩm đã khiến cho kho tàng văn học (gắn với thể loại) trở nên phong phú, đa dạng.

KẾT ĐOẠN:

- Khẳng định lại giá trị của đặc trưng thể loại vừa phân tích, góp phần làm nên thành công cho tác phẩm.

NGŨ LIỆU THAM KHẢO

Đề bài: Hãy viết đoạn văn phân tích điểm nhìn trần thuật sử dụng trong đoạn trích từ truyện ngắn “Đêm làng Trọng Nhân” của nhà văn Sương Nguyệt Minh.

[Lược dẫn: Tường là bộ đội xuất ngũ, anh đi xa quê hương chiến đấu nhiều năm, mắt liên lạc với gia đình. Người thân không rõ anh sống chết ra sao. Trên đường về quê, Tường ghé một hàng nước nhỏ đầu làng hỏi han chuyện quê, Tường xót xa khi mọi thứ đổi thay quá nhiều. Anh ngậm ngùi, mặc cảm bởi dấu vết chiến tranh in hằn trên gương mặt. Tường mang cảm xúc hỗn độn ấy, vừa ngậm ngùi vừa háo hức về nhà gặp cha mẹ và vợ của mình [...]

- Chị Thương! Có tắm thì ào đi còn ăn cơm. Bà ấy không về đâu. Tường bưng tỉnh. Đúng là tiếng bố rồi.

- Thầy cứ uống rượu trước đi. U cũng bảo con vài hôm u mới về. Tiếng nói của Thương vẫn như xưa, dịu dàng và đầm ấm.

- Bố rất quý cái nét anh giáo Mười. Anh giáo với con ở đây bố mẹ yên tâm lúc tuổi già. Anh giáo cũng giản dị, đã đi lính rồi nên dễ thông cảm.

Tại Tường ù đi. Chiến tranh. Xa cách. Mất mát. Chia ly và chiến thắng. Anh rùng mình nhớ lại: ánh mắt trở ra kinh ngạc của cô gái, lời bà Còm, tiếng kêu kinh ngạc của thằng bé, cái mặt ông ác, tiếng nói của cha. Lòng anh quặn lại. Ngôi nhà bỗng trở nên xa lạ...

Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường. Tường vấp ngã. Anh luống cuống ngồi dậy. Nước mắt tự nhiên ứa ra. Anh cứ đi, bước thấp, bước cao, hững hờ. [...]

(Sương Nguyệt Minh, Trích *Đêm làng Trọng Nhân*, NXB QĐND, 1998)

Định hướng tham khảo:

- **Bước 1 - Nêu vấn đề:** Truyện ngắn “Đêm làng Trọng Nhân” sử dụng điểm nhìn trần thuật từ nhiều góc độ để lột tả được diễn biến câu chuyện và tâm lí nhân vật.

- Bước 2 - Phân tích + Chứng minh:

+ Trích dẫn một số chi tiết, từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu.

+ Điểm nhìn trần thuật tiêu biểu: Điểm nhìn ngôi thứ 3 hạn tri: người kể chuyện nhập thân vào nhân vật Tường để miêu tả những diễn biến trong thế giới nội tâm của nhân vật một cách sâu sắc.

- Bước 3 - Đánh giá:

+ Mỗi điểm nhìn tạo ra một góc quan sát quan trọng giúp miêu tả, phân tích sâu sắc thế giới tinh thần nhân vật; từ đó thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

+ Thay đổi điểm nhìn thể hiện tài năng của nhà văn.

Bảng kiểm đoạn văn nghị luận phân tích/ đánh giá tác phẩm văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Giới thiệu khái quát về tác phẩm (tên tác phẩm, tác giả, ...).		
	Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần phân tích.		
Thân đoạn	Phân tích được các biểu hiện khác nhau của vấn đề.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ tác phẩm.		
	Đánh giá được nét đặc sắc của tác phẩm.		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về tác phẩm.		
Kết đoạn	Khẳng định những giá trị và nét độc đáo ở tác phẩm.		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và bảo đảm mạch lạc cho đoạn văn.		

1.2.4. Đoạn văn so sánh/ đánh giá về một đặc điểm (nội dung/ hình thức); một đặc điểm của hai nhân vật trong hai đoạn trích/tác phẩm (thơ/truyện/kí/kịch)

* Lưu ý: Chuyên đề tập trung vào đoạn văn triển khai thao tác so sánh.

Định hướng chung:

MỞ ĐOẠN:

- Giới thiệu tên 2 tác giả, 2 tác phẩm/ đoạn trích.
- Nêu vấn đề nghị luận; Khẳng định có điểm tương đồng và khác biệt (*căn cứ đề bài, chỉ tập trung làm rõ vấn đề mà đề bài yêu cầu*).

THÂN ĐOẠN:

- Phân tích làm rõ điểm tương đồng: nội dung/ nghệ thuật.
- Phân tích làm rõ điểm khác biệt: nội dung/ nghệ thuật.

Trong mỗi ý phân tích cần có đủ cú pháp 3 phần: Câu nêu vấn đề (*điểm tương đồng/ khác biệt về ...*) + Dẫn chứng (*Thể hiện qua ...*) + Phân tích (*Dẫn chứng trên có sử dụng các yếu tố... nhằm thể hiện/ truyền tải...*)

KẾT ĐOẠN:

- Khẳng định nét riêng độc đáo của 2 tác giả/ đóng góp cho văn học...

NGŨ LIỆU THAM KHẢO

Đề bài: Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) so sánh hình tượng đất nước được thể hiện qua hai đoạn trích sau:

Xin cảm ơn đất nước

Bom đạn mấy mươi năm vẫn lúa reo, sóng hát

Còn vọng vang với những câu Kiều

Trong từng ngân áy những thương yêu

Tiếng mẹ ru hời

Điệu hò thánh thót

Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người

(Huỳnh Thanh Hồng, *Cảm ơn đất nước - Trích Bến quê*, NXB Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2006)

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

(Nguyễn Khoa Điềm, *Đất Nước - Trích Trường ca Mặt đường khát vọng*, NXBGDVN, 2000)

Định hướng tham khảo:

* **Nêu vấn đề 1:** điểm giống nhau là hai tác phẩm đều khắc hoạ hình tượng đất nước bằng những hình ảnh gần gũi, thân thuộc.

- **Phân tích + Chứng minh:**

+ Trích dẫn một số chi tiết tiêu biểu từ hai tác phẩm.

++ *Cảm ơn đất nước:* lúa reo, sóng hát, tiếng mẹ ru, điệu hò, ...

++ *Đất nước:* miếng trầu, tre, tóc mẹ, cái kèo, cái cột, hạt gạo, ...

→ Cả hai thi nhân đều sử dụng những ảnh thân thương, là những hình ảnh điển hình cho cảnh sắc, con người, văn hoá Việt Nam.

* **Nêu vấn đề 2:** điểm khác nhau về cách cảm nhận đất nước ở hai người nghệ sĩ.

- **Phân tích + Chứng minh:** trích dẫn một số chi tiết tiêu biểu từ hai tác phẩm.

++ *Cảm ơn đất nước:* bom đạn, những câu Kiều, tiếng mẹ ru hời, điệu hò thánh thót → Hình tượng đất nước được cấu thành từ nhiều phương diện khác nhau như: lịch sử, thơ ca, văn hoá, ...

++ *Đất nước:* miếng trầu bây giờ bà ăn, trồng tre mà đánh giặc, gừng cay muối mặn, cái kèo, cái cột, ... → Hình tượng đất nước được cảm nhận chủ yếu qua văn hoá dân gian, qua những câu chuyện truyền thuyết, ca dao, tục ngữ, phong tục tập quán của con người.

Bảng kiểm đoạn văn nghị luận so sánh hai tác phẩm văn học

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đoạn	Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, ...).		
	Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh.		
Thân đoạn	Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm.		
	Phân tích, so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm.		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về hai tác phẩm.		
Kết đoạn	Khẳng định những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm.		
Kỹ năng trình bày, diễn đạt	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng và bảo đảm mạch lạc cho đoạn văn.		

1.2.5. Một số lưu ý cho GV khi hướng dẫn HS ôn tập và khi ra đề viết đoạn văn nghị luận văn học

- Đối với quá trình ôn tập, GV cần nhắc nhở HS lưu ý:

+ HS cần nắm và bám theo các tiêu chí trong *Hướng dẫn chấm* đoạn văn nghị luận trong quá trình tạo lập đoạn văn để đạt được điểm tối ưu nhất.

+ HS cần nắm vững lý thuyết về các dạng viết đoạn văn nghị luận văn học để có được định hướng làm bài chính xác.

+ HS cần lưu ý các thao tác nghị luận trong đoạn văn nghị luận văn học có sự liên đới với nhau nên quá trình tạo lập đoạn văn cần vạch ra hướng triển khai thống nhất mới có thể làm sáng tỏ vấn đề nghị luận (VD: Nêu vấn đề → chọn dẫn chứng tiêu biểu của vấn đề → phân tích, làm sáng tỏ vấn đề trên chính dẫn chứng đã nêu...)

- Đối với quá trình ra đề, người ra đề cần lưu ý:

+ Chọn ngữ liệu và ra đề phải dựa trên 3 căn cứ: *Yêu cầu cần đạt* của thể loại, xác định viết đoạn độc lập hay liên đới với ngữ liệu đọc, ngữ liệu được chọn phải mang đặc trưng điển hình của thể loại.

+ Lệnh hỏi cần rõ ràng và chỉ lấy 1 khía cạnh cụ thể để phân tích/ đánh giá.

+ Ngữ liệu viết đoạn cần ngắn gọn, không dài dòng, ôm đồm.

+ Ngữ liệu trong đề so sánh cần ngắn gọn, tương ứng với nhau về dung lượng. Ngữ liệu dịch thơ phải gắn với dịch nghĩa và phiên âm, hạn chế lấy ngữ liệu là văn bản dịch, phải bám sát phiên âm và dịch nghĩa để hiểu đúng, chính xác nguyên tác.

+ Nguyên tắc không ghi nhan đề khi trích dẫn ngữ liệu là đoạn thơ, chỉ trích dẫn nguồn dưới đoạn trích.

- Hướng dẫn chấm theo năng lực chú trọng 2 yêu cầu:

+ Cách/ hướng giải quyết vấn đề (câu hỏi/ nhiệm vụ) nêu lên trong đề.

+ Phân tích/ đánh giá cần cụ thể, nội dung thể hiện được suy nghĩ đa diện (đưa ra được nhiều gợi ý) nhưng không lan man, ôm đồm.

II. KẾT LUẬN

Một trong những nội dung then chốt của đổi mới căn bản, toàn diện của CT GDPT 2018 đó là chuyển đổi từ giáo dục trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và sự vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học.

Đối với chuyên đề này, tổ Ngữ văn trường THPT Nguyễn Trãi mong muốn củng cố cho HS kỹ năng viết đoạn văn nghị luận nói chung để các em có thể có tâm thế vững vàng, tự tin, làm chủ tri thức, phát huy được phẩm chất và năng lực vận dụng kiến thức nhằm giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, trong học tập, cũng như các kì thi để đạt được kết quả tốt nhất. Tuy nhiên, trong điều kiện thời gian ngắn, chương trình học còn nhiều điều mới mẻ, chuyên đề sẽ không tránh khỏi những hạn chế. Rất mong các ý kiến đóng góp của quý đồng nghiệp để nội dung chuyên đề thêm hoàn thiện. Xin trân trọng cảm ơn!

I. ĐỀ THI MINH HỌA



Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	4,0
	1	Số chữ trong các dòng không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của đoạn trích.	0,5
	2	Hình ảnh được sử dụng để so sánh với <i>cây liễu xưa: một bóng người Hy Lạp cổ</i> .	0,5
	3	Hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của <i>anh</i> với <i>em</i> : - Tạo giọng điệu tâm tình tha thiết, sâu lắng. - Thể hiện tình cảm gắn bó sâu sắc của nhân vật trữ tình <i>anh</i> với Hà Nội	1,0
	4	Sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình <i>anh</i> : - Nhớ về Hà Nội trong quá khứ và những thành phố <i>anh</i> đã đi qua, những nơi <i>anh</i> lớn lên, những năm còn trẻ; - Tìm thấy được sự bình yên trong tâm hồn khi đi giữa Hà Nội ở hiện tại.	1,0
	5	Từ tâm trạng của nhân vật trữ tình <i>anh</i> khi ở <i>giữa lòng Hà Nội chiều nay</i> , thí sinh trình bày suy nghĩ của bản thân về chốn bình yên trong tâm hồn mỗi người. Có thể theo hướng: nơi con người được chở che yêu thương; nơi được sống là chính mình,...	1,0
II		Viết	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích hình ảnh Hà Nội qua cảm nhận của nhân vật trữ tình <i>anh</i> trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Hình ảnh Hà Nội qua cảm nhận của nhân vật trữ tình <i>anh</i> .	0,25
		c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Hà Nội cổ kính, thâm trầm, thơ mộng, êm đềm (<i>phố dài, mái ngói, cây liễu xưa, màu lá xanh như ngọc, con chim ăn trái xanh, cây com nguội ửng hồng, ...</i>). - Hà Nội khơi gợi cảm giác bình yên, thanh thản (<i>lòng mình yên tĩnh, nỗi yên</i>).	1,0
		d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu	0,25

	trong đoạn văn.	
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: Hiện nay, nhiều người hào hứng đón nhận lợi ích của trí tuệ nhân tạo nhưng không ít người lo lắng về sự phụ thuộc của con người vào nó.	4,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Thái độ khác nhau của con người đối với trí tuệ nhân tạo: hào hứng đón nhận lợi ích; lo lắng về sự phụ thuộc của con người vào nó.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: Trí tuệ nhân tạo là công nghệ cho phép máy tính và máy móc mô phỏng trí thông minh và khả năng giải quyết vấn đề của con người. - Bàn luận: + Con người hào hứng đón nhận trí tuệ nhân tạo bởi những ứng dụng rộng rãi và ưu thế vượt trội của nó. + Con người lo lắng về sự phụ thuộc vào trí tuệ nhân tạo bởi dễ đánh mất khả năng tự chủ trong tư duy, dễ bị máy móc thay thế. + Người trẻ vốn nhanh nhạy với cái mới nhưng còn thiếu kinh nghiệm, dễ lệ thuộc nên cần chủ động, tích cực, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

-----HẾT-----

MỘT SỐ LƯU Ý RÚT RA TỪ HƯỚNG DẪN CHẤM

1. Cần đảm bảo về bố cục và dung lượng của bài viết.
2. Nắm chắc đặc trưng của các thể loại.
3. Trình bày đủ các bước nghị luận.
4. Rèn luyện thêm về diễn đạt: hình thức trình bày đoạn văn, diễn đạt sáng rõ vấn đề, khắc phục các lỗi chính tả, chữ viết...
5. Chuẩn bị các câu danh ngôn về tuổi trẻ, lí luận văn học.

THÔNG NHẤT YÊU CẦU VỀ ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

I. QUAN ĐIỂM

1. Nhất quán: Mục tiêu của CT 2018 là phát triển phẩm chất (PC) và năng lực (NL), trong đó NL là điểm mới. Nội dung CT đã thiết kế theo hướng phát triển NL (đọc, viết, nói và nghe) và PPDH đã chuyển từ dạy học theo ND sang dạy học phát triển NL thông qua các HĐ. Vì thế kiểm tra, đánh giá (đề thi- kiểm tra) phải đáp ứng yêu cầu đánh giá NL. Đề thi NL thì đáp án và HD chấm phải theo hướng NL.

2. Đánh giá đúng năng lực: Năng lực NV theo CT 2018 bao gồm NL ngôn ngữ và NL văn học thể hiện qua các sản phẩm giao tiếp ngôn ngữ. Đề thi kiểm tra theo hướng NL của môn NV không thể không đánh giá NL đọc hiểu (tiếp nhận vb) và NL viết (tạo lập vb). Đánh giá NL đòi hỏi thí sinh phải biết vận dụng những gì đã học vào một bối cảnh/ tình huống mới, tương tự những gì đã học.

3. Thực hiện đáp án năng lực: Đánh giá NL đọc hiểu tập trung vào xem xét HS có hiểu VB không, vì thế chỉ chú trọng thông tin đúng. HS cần trả lời thẳng vào câu hỏi mà đề nêu lên, không cần viết dài dòng thành đoạn văn và trả lời rộng sang cả các yêu cầu không liên quan. Các câu hỏi mở cần có đáp án mở. Đáp án mở chỉ nêu lên hướng giải quyết vấn đề và gợi ý một số nội dung cụ thể minh họa cho cách giải quyết ấy; cho phép HS có thể nêu cách hiểu, cách diễn đạt khác miễn là đúng và có sức thuyết phục.

4. Coi trọng cả ý và văn: Đề viết 1 vb cần tập trung vào 2 yêu cầu quan trọng: **Một là** HS nêu được hệ thống ý; **Hai là** HS biết diễn đạt, trình bày ý tưởng một cách sáng sủa, hấp dẫn. Như thế đáp án phần viết cần chú ý đánh giá cả ý và văn; xem xét cả nội dung và hình thức. Cần khắc phục hiện tượng chỉ tập trung vào ý, đếm ý cho điểm. Cụ thể cần thống nhất quan niệm: một bài viết tốt phải vừa có ý, vừa không mắc lỗi (diễn đạt lủng củng, mơ hồ, tối nghĩa; viết câu sai, dùng từ sai, chữ viết cẩu thả...). Vì thế đáp án cần nêu rõ yêu cầu về hình thức diễn đạt, trình bày và các chỉ dẫn về trừ điểm nếu bài viết mắc quá nhiều lỗi... Lâu nay trong đáp án và hướng chấm cũng đã có yêu cầu xem xét lỗi và trừ điểm. Tuy nhiên quy định quá nhẹ (thường là 0,25 điểm), không đúng với tầm quan trọng và ý nghĩa của yêu cầu tạo lập, không đủ sức tác động lớn tới thực tiễn dạy học viết bài văn.

5. Bám sát yêu cầu CT: Cần lưu ý, CT mới đã nêu yêu cầu về đánh giá NL viết từ 2018 là: **“Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...(CT 2018).**

II. NGUYÊN TẮC

1. Đề thi, đáp án và hướng dẫn chấm bám sát CT 2018 và các yêu cầu về phạm vi, mức độ, cấu trúc... mà Bộ đã nêu (12-2023).

2. Đề thi và đáp án, hướng dẫn chấm theo yêu cầu năng lực: Cần xác định được cách làm, cách đọc (cách hiểu/ giải mã văn bản), cách viết (cách nghĩ), cách diễn đạt và trình bày một vấn đề văn học, xã hội...Phân biệt với đề thi, đáp án và HD chấm nội dung.

3. Tiếp nối, kế thừa nội dung và hình thức đề thi, đáp án, hướng dẫn chấm của Bộ trong các lần công bố trước; từ đó điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện thêm, hợp lý hơn...
4. Không có cách trình bày (phương án) nào tuyệt đối hợp lý, không có hạn chế; chỉ có thể lựa chọn phương án tốt hơn, tốt nhất trong các cách có thể.

III. MỘT SỐ YÊU CẦU CỤ THỂ

1. Về đề thi

1.1. Về văn bản và yêu cầu đọc hiểu: Cấu trúc, phạm vi, mức độ tuân thủ các yêu cầu trong đề tham khảo Bộ đã công bố. Câu hỏi/Yêu cầu tuân thủ quy định về 3 mức độ nhận thức:

- Số lượng: 5 câu (2 câu *nhận biết*, 2 câu *thông hiểu*, 1 câu *vận dụng*), trong đó có ít nhất 01 câu tiếng Việt.

- Câu hỏi tiếng Việt chú ý các đơn vị kiến thức TV học ở lớp 12, có thể liên quan đến kiến thức cơ bản về tiếng Việt lớp dưới, câu tiếng Việt có thể ở một trong các mức độ (biết-hiểu-vận dụng).

- Các câu hỏi/ yêu cầu đọc hiểu bám sát đặc trưng thể loại của các loại VB được nêu trong khung YCCĐ (lớp 12), có cả yêu cầu về nội dung, hình thức và liên hệ vận dụng của VB... (Hạn chế đọc hiểu thơ dịch, nếu thơ chữ Hán cần nêu cả phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ; dựa vào bản dịch nghĩa để hỏi ...)

- Câu dẫn sử dụng 1 trong 2 hình thức sau:

+ **Đọc VB và trả lời các câu hỏi bên dưới;** các yêu cầu đọc hiểu đều phải diễn đạt bằng câu hỏi dung từ để hỏi và có dấu chấm hỏi.

+ **Đọc VB và thực hiện các yêu cầu bên dưới;** các yêu cầu có thể diễn đạt bằng câu hỏi hoặc câu lệnh.

1.2 Về câu hỏi phân viết

a) Yêu cầu viết đoạn NLXH

- Vấn đề có liên quan (link) và không link với VB đọc hiểu; nêu hoặc không nêu trong câu lệnh và cách giải quyết trong đáp án.

- Câu dẫn và câu lệnh: Câu dẫn trong đề NLXH gợi được cảm hứng, cảm xúc cho HS; ưu tiên những câu dẫn có nguồn (chính danh); thông điệp nội dung câu dẫn cần thống nhất với câu lệnh, liên quan chặt chẽ với câu lệnh...

- Tập trung vào yêu cầu các vấn đề XH liên quan đến tuổi trẻ, cần chú ý bối cảnh chính trị xã hội của đất nước...

b) Yêu cầu viết đoạn NLVH:

- Đối tượng NLVH gồm các thể loại đã học ở lớp 12: thơ, truyện, kí, kịch

- Vấn đề NL có thể link và không link với VB đọc hiểu;

c) Yêu cầu viết bài NLXH

- Vấn đề nghị luận: Bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, một vấn đề đang được quan tâm.

- Yêu cầu nghị luận: **Viết bài văn nghị luận/** Viết thư trao đổi/ Viết bài phát biểu...

d) Yêu cầu viết bài NLVH

- Vấn đề nghị luận: vấn đề văn học liên quan đến các thể loại văn học được học trong chương trình, ngữ liệu ngoài sách giáo khoa (3 bộ)

- Yêu cầu nghị luận:

+ Phân tích và đánh giá một văn bản.

+ So sánh hai văn bản.

+ Phân tích làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản.

Lưu ý: Yêu cầu phân tích, so sánh... đa dạng, phù hợp với thời lượng làm bài; Hạn chế yêu cầu phân tích tác phẩm dịch (thơ), trừ thơ chữ Hán...

2. Về đáp án và hướng dẫn chấm qua 01 đề cụ thể.

Đề bài

I/ Đọc hiểu

Đọc đoạn trích:

Tóm tắt bối cảnh: Tuổi thơ của nhân vật xưng tôi lớn lên ở bến đò Cốc. Âm ảnh nhất với chú bé là truyền thuyết về con trâu đen: “phi trên mặt nước như phi trên cạn”, “nước dãi của nó tựa như trứng cá”, “ai may mắn hớp được bọt ấy sẽ có sức lực phi thường, bơi lặn dưới nước giỏi như tôm cá”. Với hi vọng được nhìn thấy con trâu đen, chú bé thường năn nỉ được đi cùng với những người đánh cá đêm nhưng phần lớn đều bị từ chối hoặc bị đuổi xuống giữa chùng.

Cũng có một lần tôi theo trọn vẹn buổi đánh cá đêm. Lúc ấy tôi ngồi thuyền của trùm Thịnh.

Lão già chột mắt này rất nổi tiếng vì những câu chuyện rùng rợn trong cuộc đời mình. [...]

Tôi hỏi trùm Thịnh:

– Bác ơi, thể chuyện trâu đen có thực hay không?

Trùm Thịnh bật cười, lão ngả người ra sau lái, tia sáng từ trong hốc con mắt lạnh nhay nháy:

– Tao đã đánh cá trên khúc sông này sáu chục năm trời. Tao thuộc từng lạch một... Chuyện con trâu đen chỉ là chuyện đồn nhảm nhí... Mà hãy tin tao, ở bến Cốc này thì chuyện giết người ăn cướp có thực, ngoại tình có thực, cờ bạc có thực, còn chuyện trâu đen là giả.

Tôi lén một tiếng thở dài. Con thuyền bồng bênh trôi xuôi.

Lược 1 đoạn: Trùm Thịnh và những người đánh cá phát hiện ra luồng cá. Một cuộc giành giật diễn ra. Chú bé bị hất rơi xuống nước, chân cứng đờ. Chú hoảng sợ vì những người đánh cá có lẽ không cứu những ai chết đuối... Chú ngất lịm đi và chìm xuống.

Khi tôi tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm trên con đò ngang. Ngồi bên cạnh tôi là một phụ nữ khăn trùm kín mặt. Đôi mắt to đen nhìn tôi mừng rỡ. [...]

– Chị cứu em à? - Tôi hỏi.

– Ủ... chị nghe thấy em kêu cứu

– Bọn đánh cá đêm ác lắm chị ạ - Tôi buồn rầu nói - Họ nghe thấy em kêu cứu mà cứ lờ đi....

– **Đừng trách họ thế - Người phụ nữ an ủi tôi, giọng nói ngân nga như hát - có ai yêu thương họ đâu... Họ đói mà ngu muội lắm...***

Tôi ngạc nhiên nghe lời chị, chưa ai đi nói với tôi những điều như thế. [...]

Thế là từ đấy tôi quen chị Thắm. Chị Thắm nhà trong bến Cốc. Nhà chị nghèo lắm. Suốt ngày ở trên con đò ngang, một tấm khăn vuông đen trùm kín mặt.

Có lần tôi hỏi chị Thắm về chuyện trâu đen. Chị bảo:

– Trâu đen có thực! Nó ở dưới nước. Khi nó lên bờ là nó mang cho người ta sức mạnh... Nhưng nhìn thấy nó, được nó ban điều kỳ diệu phải là người tốt.

Tôi tin lời chị. Lòng tôi vẫn hằng ấp ủ trông thấy điều kỳ diệu ấy.

Mùa hè năm ấy nhà tôi chuyển về thành phố. Thế là tôi xa bến Cốc, xa chị Thắm. Khi tôi ra đi, chị Thắm gọi tôi xuống đò cho ăn cháo cá... Tôi cũng không ngờ đó là bát cháo cá mòi cuối cùng tôi ăn trong thời trai trẻ. Một cuộc sống mới mở oà trước mặt tôi. Thành phố cũng bán cá mòi nhưng là thứ cá đã được ướp khô, rút ruột.

Tôi cũng chẳng biết tôi hoà cùng với nhịp sống thành phố từ khi nào nữa. Tôi lớn dần lên, hăm hở đuổi theo bao điều phù du. Kỷ niệm về mùa cá mòi và chuyện trâu đen trong thời thơ ấu của tôi phai nhạt dần đi.

Năm ngoái, bỗng nhiên tôi có dịp trở về bến Cốc. Bây giờ tôi đã trưởng thành. Tôi làm công chức ở Sở, lấy vợ, đẻ một đàn con đông đúc. Cuộc sống trưởng giả no đủ bao bọc lấy tôi. Có lẽ tôi cũng chẳng có gì phàn nàn cuộc sống. Ước mơ tuổi trẻ nhường chỗ cho bao nhu cầu thiết thực.

Bến Cốc vẫn hết như xưa. Cá mòi phơi trắng trên bờ. Bến đò rất ít những người qua lại. Cây gạo vẫn đứng cô đơn chón cũ, màu hoa rực đỏ xao xuyến bồn chồn. Tôi bước xuống đò mà lòng bồi hồi khôn tả.

Trên đò, một bà cụ già đang ngồi tư lự. Tôi bước lại gần khẽ hỏi:

– Cụ ơi, chị Thắm lái đò còn ở đây không?

– Thắm ư? - Bà cụ thoáng nổi ngạc nhiên. Tôi đứng lặng người khi nhận ra con đò cũ. Kỷ niệm ấu thơ bỗng vụt hiện về.

– Ông quen nhà Thắm ư ông? – Bà cụ hỏi tôi, giọng nói nghẹn ngào - Bao nhiêu năm nay chẳng hề có ai hỏi thăm nhà Thắm... Nhà Thắm chết đuối hai chục năm rồi!

Tôi oà lên khóc nức nở. Xung quanh sông nước nhoà đi. Bà cụ lái đò vẫn đang rầu rầu kể lể:

– Khốn nạn! nhà Thắm cứu được không biết bao người ở khúc sông này... Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu...

Bên sông lại vẳng tiếng hát thuở nào tê tái:

“Chảy đi sông ơi

Băn khoăn làm gì?

Rồi sông đã hết

Anh hùng còn chi?...”

Tôi muốn gào lên chua xót. Tôi bỗng nhiên thấy cuộc sống hiện giờ của tôi vô nghĩa xiết bao. Con trâu đen, con trâu đen trong thời thơ ấu của tôi nay ở đâu rồi?

Bên sông có tiếng gọi đến là ráo riết:

– Đò ơi...oi đò! Đò ơi! Oi đò!

(Nguồn: *Chảy đi sông ơi* (1985), trích từ sách *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn học & nhà sách Đông A, xuất bản lần thứ hai, 2021, tr.65 – 74)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Chỉ ra 2 biện pháp tu từ trong câu: “Mày hãy tin tao, ở bến Cốc này thì chuyện giết người ăn cướp có thực, ngoại tình có thực, cờ bạc có thực, còn chuyện trâu đen là giả.”

Câu 2. Xác định nhân vật trung tâm của câu chuyện.

Câu 3. Lí giải vì sao trùm Thịnh và chị Thắm có cái nhìn khác nhau đối với truyền thuyết về con trâu đen.

Câu 4. Câu nói của chị Thắm (in đậm trong đoạn trích), đưa lại cho anh/ chị nhận thức gì về những người đánh cá ở bến Cốc?

Câu 5. Cái chết của chị Thắm trong phần kết truyện gợi cho anh/chị suy nghĩ gì? (Trình bày tối đa khoảng 5-7 dòng).

II/ Viết

4.8_3_2_1. (2 điểm) (Viết đoạn)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật *tôi* khi trở lại bến Cốc trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

5.11_3_2_1. (4 điểm) (Viết bài)

Dù đời sống đương đại có những biến chuyển đa chiều và phức tạp, có nhiều câu chuyện buồn đến đâu đi nữa, nhưng vẫn luôn còn những tấm lòng cao cả. *(có thể có hoặc không)*

Từ kết quả đọc hiểu trích đoạn trên kết hợp với trải nghiệm cá nhân, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày những suy nghĩ của mình về “những tấm lòng cao cả” trong cuộc sống đời thường.

--- Hết đề ---

2.1. Đáp án và hướng dẫn chấm phần đọc hiểu

- Đáp án nêu ngắn gọn, chỉ cần gạch đầu dòng các ý, coi trọng thông tin đúng, không cần viết thành đoạn văn, tránh diễn đạt trình bày dài dòng...

- HS có thể trình bày, diễn đạt theo cách riêng, miễn là đúng hoặc tương tự như đáp án.

<i>Câu</i>	<i>Đáp án</i>	<i>Hướng dẫn chấm</i>
1	- Có thể nêu 2 trong 3 biện pháp sau: + Liệt kê + Lặp cấu trúc + Tương phản (Thực và giả)	- Không cần nêu đặc điểm và tác dụng của 2 biện pháp tu từ. - Cho 0,5 điểm nếu nêu đúng 2 biện pháp trở lên; 0,25 điểm nếu chỉ nêu được 1 biện pháp; 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm.
2	- Nhân vật trung tâm là <i>tôi</i> , hoặc - <i>Tôi</i> là nhân vật trung tâm.	- Không cần lí giải vì sao. - Cho 0,5 điểm: nêu đúng nhân vật <i>tôi</i> ; 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm.
3	- Sự khác nhau: trùm Thịnh cho rằng trâu đen là nhảm nhí, là giả; chị Thắm cho rằng trâu đen là có thật... - Lí giải: xuất phát từ trải nghiệm, lựa chọn và quan điểm cá nhân. Trùm Thịnh là người tàn nhẫn, luôn chỉ nhìn thấy và sống với mặt trái của cuộc sống; chị Thắm là người có thiện tâm, luôn cứu người nên tin vào điều tốt.	- Cho 0,25 điểm: Nói được ý 1 - Cho 0,75 điểm: Nói được ý 2 - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm.
4	- Trước khi xuất hiện câu nói của chị Thắm, cộng đồng những người đánh cá hiện lên trong sự độc ác, nhẫn tâm. Câu nói của chị Thắm giúp ta hiểu thêm một khía cạnh khác: đó là những con người bị bỏ rơi, không được yêu thương, sống trong tăm tối... - Chính điều này đã khiến họ hành xử một cách nhẫn tâm, độc ác.	- Nói được ý 1: 0,75 - Nói được ý 2: 0,25 - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm.
	Có thể tham khảo một số gợi ý sau: - Gợi lên sự xót xa, cay đắng về sự bất hạnh của những con người lương thiện.	- Cho 0,75 điểm nếu HS nêu được suy nghĩ của cá nhân với 1 trong

5	<ul style="list-style-type: none"> - Sự tồn tại của cái thiện trong cuộc sống là không dễ dàng. - Cuộc đời không phải là chuyện cô tịch, ở hiền không dễ gặp lành. - Đây là một nghịch lý khiến chúng ta phải suy ngẫm, trăn trở. 	<p>các ý trên và trình bày nhiều nhất trong 5-7 dòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho 1 điểm nếu HS nêu được trên 2 ý như nêu ở đáp án. - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm.
---	--	---

2.2. Đáp án và hướng dẫn chấm phần viết

a) Đáp án năng lực cần nêu được 2 yêu cầu:

- Cách/ hướng giải quyết vấn đề (câu hỏi/ nhiệm vụ) nêu lên trong đề
- Nội dung gợi ý cụ thể (càng nhiều khả năng càng tốt)

b) Cách trình bày (sẽ tách đáp án và hướng dẫn chấm ra sau); ví dụ:

II	1.	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật Tôi trong đoạn trích.	2.0
	1.1.	<p><i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ cộng trừ 100 chữ) của đoạn văn. - Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo lối diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, song hành, móc xích... 	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật tôi</i></p>	0,25
		<p><i>c. Viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu: Chỉ ra sự biến đổi trong tâm lí của nhân vật.</i></p> <p style="background-color: yellow;">HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau miễn là hợp lí và thuyết phục; cần xem xét trừ điểm các lỗi về hình thức và diễn đạt. Tham khảo cách triển khai và một số nội dung cụ thể sau:</p> <p>c.1 Nêu được tâm lí nhân vật tôi <i>trước khi</i> trở về bến Cốc. Tham khảo gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật tôi đã trưởng thành, mãn nguyện với cuộc sống hiện tại trường giả, no đủ, hình ảnh của con trâu đen và ước mơ tuổi trẻ đã phai nhạt. <p>c.2: Chỉ ra được những biểu hiện tâm lí của của nhân vật tôi <i>sau khi</i> trở lại bến Cốc để làm rõ sự biến đổi tâm lí của nhân vật này. Có thể nêu một số biểu hiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi hồi khi thấy cảnh vật của bến Cốc vẫn như xưa - Đau đớn khi biết tin chị Thắm đã mất - Thất vọng về sự ra đi cay đắng của những điều tốt đẹp - Cảm thấy cuộc sống hiện tại của mình thật “vô nghĩa” <p>c3. Nêu được ý nghĩa của sự thay đổi nêu trên. Tham khảo gợi ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự phản tỉnh của nhân vật với thực trạng đời sống: no đủ, trường giả với mình và đau khổ, bất hạnh với người. - Thức tỉnh về giá trị sống: từ thất vọng, chán chường đến khao khát tìm lại những giá trị đẹp đẽ thời tuổi thơ. <p style="background-color: yellow;">HƯỚNG DẪN CHẤM:</p>	1.50

		<p>HS có thể trình bày và diễn đạt giống đáp án hoặc tương tự, miễn là thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. - Cho 0,25 điểm nếu nêu được ý c1. - Cho 0,75 nếu viết được ý c2 với từ 3 biểu hiện trở lên; cho 0,5 điểm nếu chỉ viết được 1-2 biểu hiện nêu trên. - Cho 0,25 điểm cho ý c3: chỉ cần nêu được 1 trong 2 biểu hiện (phản tình, hoặc thức tỉnh) - Cho 0,25 điểm nếu diễn đạt hay và có ý sáng tạo. - Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt lủng củng, sai chính tả, dùng từ và chấm câu sai, chữ viết cầu thả): trừ 0,5 điểm nếu đoạn văn mắc từ 5-7 lỗi; mắc từ 8-10 lỗi trừ 0,75 điểm; mắc trên 10 lỗi không cho vượt quá nửa số điểm cả câu. 	
II	2.	Từ kết quả đọc hiểu trích đoạn trên kết hợp với trải nghiệm cá nhân, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày những suy nghĩ của mình về “những tấm lòng cao cả” trong cuộc sống đời thường.	4.0
	2.1.	<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng bài văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của kiểu bài nghị luận xã hội và dung lượng bài văn (khoảng 600 chữ, cộng trừ 200 chữ) 	0,25 Biết
		<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của những tấm lòng cao cả trong cuộc sống.</p>	0,25 Hiểu
		<p>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu.</p> <p>HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau miễn là hợp lý và thuyết phục; cần xem xét trừ điểm các lỗi về hình thức và diễn đạt. Tham khảo cách triển khai và một số nội dung cụ thể sau:</p>	3,5 đ Vận dụng
		<p>1. Mở bài. Giới thiệu được vấn đề nghị luận: ngợi ca những tấm lòng cao cả trong cuộc sống.</p>	0,25 đ
		<p>2. Thân bài.</p> <p>2.1. Biết giải thích thế nào là tấm lòng cao cả?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tấm lòng cao cả là cụm từ chỉ những con người có những hành động, lời nói, việc làm vị tha, nhân hậu, bao dung, sẵn sàng giúp đỡ và hi sinh vì người khác, không tính toán vụ lợi cho mình... <p>2.2. Nêu được những biểu hiện của tấm lòng cao cả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao cả về những việc làm lớn lao, sẵn sàng hi sinh cả tính mạng của cá nhân mình vì tổ quốc, nhân dân, vì người khác... <p>Dẫn ra và phân tích các bằng chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao cả không chỉ thể hiện ở những việc lớn lao mà còn thể hiện ngay trong những hành vi, lời nói, hành động bình thường như một lời động viên, chia sẻ; sẵn sàng bảo vệ kẻ yếu, bảo vệ lẽ phải, chống lại cái ác, phản đối phê phán cái xấu... giúp cho xã hội ngày một tốt hơn. Dẫn ra và phân tích các bằng chứng <p>2.3. Chỉ ra được ý nghĩa (vai trò, tác dụng) của tấm lòng cao cả</p>	3.0 đ

	<p>- Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn, bớt đi những cái xấu, cái ác... giúp đỡ những người khó khăn vượt qua hoạn nạn... Dẫn ra và phân tích các bằng chứng</p> <p>- Đem lại lòng tin yêu đối với cuộc sống, lan tỏa những giá trị nhân văn, nhân ái... truyền cảm hứng và thúc đẩy người khác làm việc tốt, tạo ra một cộng đồng yêu thương và trách nhiệm. Dẫn ra và phân tích các bằng chứng</p> <p>2.4. Biết mở rộng, nâng cao vấn đề</p> <p>- Phê phán những cách sống ích kỉ, hạn hẹp, ngược lại với những tâm lòng cao cả, nêu các biểu hiện và bằng chứng ...</p> <p>- Đề xuất những giải pháp để nâng lên những tâm lòng cao cả trong cuộc sống và hạn chế cách sống vị kỉ, thấp hèn...</p> <p>3. Kết bài: Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.</p> <p>Hướng dẫn chấm</p> <p>HS có thể trình bày và diễn đạt giống đáp án hoặc tương tự, miễn là thuyết phục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. - Cho 0,25 điểm nếu mở bài và kết bài đúng yêu cầu. - Cho 0,5 điểm: nêu và làm rõ được yêu cầu 2.1). - Cho 0,5 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.2); cho 0,25 điểm: nếu chỉ viết được 1 ý. - Cho 1,0 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.3); cho 0,5 điểm: nếu nêu được 1 ý của c). - Cho 0,5 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.4); cho 0,25 điểm: nếu nêu được 1 ý của d). - Cho 0,5 điểm: diễn đạt hay và có ý sáng tạo. <p>- Trừ điểm mắc lỗi (diễn đạt lủng củng, sai chính tả, dùng từ và chấm câu sai, chữ viết cẩu thả): trừ 0,5 điểm nếu bài văn mắc từ 6-9 lỗi; trừ 1.0 điểm nếu mắc từ 10-13 lỗi; mắc trên 13 lỗi không cho vượt quá nửa số điểm cả câu.</p>	0,25 đ
--	---	--------

IV. ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP

- 1/ GV nghiên cứu kĩ định dạng đề thi tham khảo, phần Đáp án và HDC mới;
- 2/ Xác định trọng tâm, trọng điểm Yêu cầu cần đạt của chương trình 12, có liên hệ với YCCĐ trong chương trình 11, 10 khi ôn tập về thể loại, tri thức tiếng Việt;
- 3/ Hướng dẫn HS ôn tập theo các chuyên đề

- Đọc hiểu (Đặc trưng thể loại (nội dung, hình thức, liên hệ so sánh), các dạng câu hỏi ở các mức độ tư duy, cách trả lời đúng vào trọng tâm các từ khoá quan trọng)

(Tham luận của trường THPT Dầu Tiếng)

- Viết đoạn:
 - + Đoạn văn NLXH (các dạng)
 - + Đoạn văn NLVH (các dạng)

(Tham luận của trường THPT Nguyễn Trãi)

- Viết bài : Viết đúng bố cục, dàn ý của các kiểu bài
 - + Kiểu bài viết nghị luận xã hội
 - + Kiểu bài viết nghị luận văn học

(Tham luận của trường THPT Bình Phú)

4/ Hướng dẫn học sinh thực hành, nhận xét và cho điểm cụ thể dựa vào HDC mới, định hướng HS rèn luyện tìm ý và diễn đạt, HDC coi trọng yêu cầu về ý và tập trung xem xét về văn (chất văn) qua cách diễn đạt, trình bày,... quy định rõ mức độ trừ điểm nếu bài viết mắc quá nhiều lỗi...

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

TM tổ Ngữ văn – HĐCMNVCC

Tổ trưởng

Võ Thị Hải Chi

*** Tham luận được biên soạn lại từ tài liệu của thầy Đỗ Ngọc Thống tại đợt tập huấn xây dựng câu hỏi thi, đề thi phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT tại thành phố Cần Thơ (2/2025)**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÀI LIỆU
ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP THPT 2025
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Bình Dương, tháng 3/2025

BỘ ĐỀ THAM KHẢO NGŨ VĂN 12 (Thời gian làm bài 120 phút)
ĐỀ SỐ 1

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nhưng vấn đề là, khi ta sống mà quá cố gắng chiều theo yêu cầu của người khác, ta sẽ bỏ bê những cảm xúc và nguyện vọng của chính mình. Nếu không xem trọng mà lơ đãng những gì mình đang cảm nhận thì khi trưởng thành ta sẽ không biết mình muốn làm gì, bản thân mình là ai. Hơn nữa (1) khi bị đối xử bất công hay gặp những người làm ta khốn đốn, ta sẽ không thể giải tỏa nỗi oan ức hay phần nộ mà mình đang cảm nhận, những cảm xúc đáng lẽ phải bộc lộ với đối phương lại bị dồn nén bên trong ta và dần dần sẽ công kích chính bản thân ta. Và ta không khỏi tự hỏi “Tại sao mình cứ như một kẻ ngốc, không biết nói chuyện thẳng thắn cũng không biết nổi giận với người khác?”

Đầu tiên, bạn cần ghi nhớ điều này: (2) Những cảm xúc mà ta đang cảm nhận không phải là những thứ vụn vặt có thể làm lơ, ngược lại chúng vô cùng quan trọng và luôn cần được quan tâm tới. Hơn nữa, những cảm xúc đó sẽ không biến mất dễ dàng cho dù ta có đè nén hay lơ chúng đi. Rất nhiều vấn đề về tâm lý nảy sinh bắt nguồn từ thói quen tự đè nén cảm xúc khiến năng lượng của những cảm xúc bị đè nén không được giải phóng khỏi tâm trí một cách lành mạnh. (3) Cảm xúc cũng giống như dòng nước, nếu không chảy thoát được sẽ ứ đọng lại một chỗ và bốc mùi khó chịu.

(Trích Yêu những điều không hoàn hảo, Hae Min, Dịch giả Nguyễn Việt Tú Anh, NXB Thế giới, 2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định vấn đề xảy ra với những cảm xúc và nguyện vọng của chính mình khi ta sống mà quá cố gắng chiều theo yêu cầu của người khác.

Câu 2. Chỉ ra yếu tố khẳng định, phủ định trong câu văn in đậm (2) trong đoạn trích.

Câu 3. Việc sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong đoạn đầu có tác dụng gì?

Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn in đậm (3) trong đoạn trích

Câu 5. Từ suy nghĩ của tác giả câu văn in đậm (1) trong đoạn trích, anh/ chị rút ra những bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của việc tôn trọng những cảm xúc và nguyện vọng của bản thân.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá tư tưởng chủ đề được thể hiện qua hai đoạn truyện sau:

NHÀ MẸ LÊ¹

Thạch Lam²

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bế trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. [...] Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa.

¹ **Nhà mẹ Lê:** là tác phẩm phản ánh hiện thực xã hội đầy bất công

² **Thạch Lam** nổi tiếng với những tác phẩm ngắn nhẹ nhàng, tinh tế, tràn đầy chất thơ như: *Dưới bóng hoàng lan, Hai đứa trẻ, Gió lạnh đầu mùa,...*

Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hi mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.

(Trích *Nhà mẹ Lê*, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 28-29)

LÀM MẸ³

Nguyễn Ngọc Tư⁴

(**Lược phần đầu:** Di Diệu và chú Đức lấy nhau đã nhiều năm nhưng không có con vì năm cưới chú, việc cắt khối u buồng trứng đã khiến di không thể tự sinh con. Bởi niềm khao khát về đứa con chưa lúc nào nguôi nên di bàn với chú Đức tìm người mang thai hộ. Chị Lành gánh nước thuê vì hoàn cảnh gia đình ngặt nghèo nên nhận lời giúp chú di. Em bé trong bụng chị Lành ngày một lớn đem đến niềm vui vô bờ cho chú di, và cũng đẩy lên tình mẫu tử ở chị Lành.)

Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:

- Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.

Di Diệu hớn hở vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chồi đạp rớt rít. Chị Lành cười giòn:

- Nó mạnh quá chị ha....

Di Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim di riết lại một nỗi đau. Di thêm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thêm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẩy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mượn được: cảm giác làm mẹ. Di bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Di Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông chừng bao giờ đến. Di Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc goe goe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương di Diệu. Chị rít rít ăn, rít rít ngủ vì biết rằng mai này rồi chẳng còn nhau...

(Trích *Làm mẹ*, Nguyễn Ngọc Tư, in trong *Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, NXB Trẻ, 5/2024)

- HẾT -

³ *Làm mẹ* xoay quanh một quãng đời của nhân vật chính là di Diệu nhưng khái quát lên được vẻ đẹp của lòng người nhân ái giữa muôn vàn khó khăn của cuộc sống.

⁴ Nguyễn Ngọc Tư là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Chị thường viết về những mảnh đời éo le, bất hạnh trong cuộc sống thường nhật với giọng văn giản dị, giàu cảm xúc, đậm chất Nam bộ.

ĐỀ SỐ 1 - ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Vấn đề xảy ra với những cảm xúc và nguyện vọng của chính mình khi ta sống mà quá cố gắng chiều theo yêu cầu của người khác là: ta sẽ bỏ bê những cảm xúc và nguyện vọng của chính mình.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai: 0 điểm 	0,5
	2	<ul style="list-style-type: none"> - Yếu tố khẳng định, phủ định trong câu văn là: - Yếu tố khẳng định: (Vế 2) chúng vô cùng quan trọng và luôn cần được quan tâm tới. - Yếu tố phủ định: (Vế 1) Những cảm xúc mà ta đang cảm nhận không phải là những thứ vụn vặt có thể làm lơ <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS nêu đúng được 2 đến 3 nhân vật: 0,25 điểm - HS nêu đúng được 1 nhân vật, trả lời sai: 0 điểm 	0,5
	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thao tác lập luận bác bỏ trong đoạn đầu: Bác bỏ lối sống chạy theo yêu cầu của người khác mà bỏ bê cảm xúc của mình và luôn phải kìm nén cảm xúc của mình. - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Nhấn mạnh tác hại của việc: con người đánh mất mình và không còn niềm tin tưởng vào chính mình. + Từ đó khẳng định sự cần thiết của việc phải quan tâm tới cảm xúc chính mình và sống thực với con người bên trong của mình. + Tạo sự liên kết, chặt chẽ, mạch lạc, tăng tính thuyết phục cho lập luận của văn bản. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - HS trả lời chỉ nêu được mâu thuẫn giữa hai tuyến nhân vật: 0,5 điểm. - HS trả lời sai chấm 0 điểm 	1,0
	4	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp so sánh: <i>cảm xúc cũng giống như dòng nước.</i> - Việc sử dụng biện pháp so sánh có tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Nhấn mạnh những dòng cảm xúc cũng mang những đặc điểm của dòng nước, nếu không được khơi thông thì sẽ ứ đọng, tắc nghẽn và bốc mùi khó chịu. Từ đó khắc họa rõ nét tác hại của việc để cảm xúc dồn nén tâm hồn của mỗi người và hướng tới thuyết phục người đọc hãy từ bỏ lối sống che giấu cảm xúc. + Giúp cụ thể hóa được vấn đề trừu tượng, giúp người đọc dễ dàng hình dung, tưởng tượng về một vấn đề thuộc tình cảm, nội tâm khó nắm bắt. + Khiến đoạn văn sinh động, hấp dẫn; lập luận chặt chẽ, thuyết phục người đọc. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm 	1,0

		- HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - HS trả lời sai: 0 điểm	
	5	- Suy nghĩ của tác giả: Cảm giác bất lực khi bị bắt công, oan ức nhưng phải cố kìm nén xúc cảm và tự trách giận bản thân. - Bài học: + Cần khéo léo hóa giải những xung khắc. + Chọn cách sống buông bỏ để giải thoát mình khỏi những ám ức, tức giận không đáng có. + Biết yêu thương chính mình bằng cách tự nuôi dưỡng bản thân bằng những xúc cảm tốt đẹp. + Hãy sống thật với chính mình. + Tìm cách chữa lành cho tâm hồn bằng những ý nghĩ và hành động tích cực hướng tới những điều nhân văn cao cả, có giá trị với cuộc sống. Hướng dẫn chấm: - HS nêu được suy nghĩ hợp lí, thuyết phục: 1,0 điểm. - HS nêu suy nghĩ chung chung: 0,5 điểm - HS trả lời sai: 0 điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bàn về vai trò của việc tôn trọng những cảm xúc và nguyện vọng của bản thân.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vai trò của việc tôn trọng những cảm xúc và nguyện vọng của bản thân.	0,25
		c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: Vai trò của việc tôn trọng những cảm xúc và nguyện vọng của bản thân : - Giúp con người tìm thấy động lực để cố gắng, sức mạnh để vượt qua nghịch cảnh, được tự do vẫy vùng trong bầu trời của riêng mình. - Là cơ sở vững chắc nhất để mỗi người được sống là chính mình, sống cuộc đời mà mình hằng mong ước. - Giúp con người xây dựng mối quan hệ tốt đẹp hơn. - Giúp con người có cơ hội được đóng góp sức mình cho cộng đồng, xã hội, đối với quê hương, đất nước cho nhân loại theo cách riêng của chính mình.	1,0
	d. <i>Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25	

	<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh tư tưởng chủ đề được thể hiện qua hai đoạn truyện <i>Nhà mẹ Lê</i> (Thạch Lam) và <i>Làm mẹ</i> (Nguyễn Ngọc Tư).	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học (so sánh)	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> tư tưởng chủ đề được thể hiện qua hai đoạn truyện <i>Nhà mẹ Lê</i> (Thạch Lam) và <i>Làm mẹ</i> (Nguyễn Ngọc Tư).	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Thân bài: - Điểm giống nhau: Cả hai tác phẩm đều xoay quanh chủ đề về người mẹ và tình mẫu tử, thể hiện sự hi sinh, tình yêu thương vô bờ bến của người mẹ dành cho con cái. Qua đó đều thể hiện tư tưởng nhân văn sâu sắc, cao đẹp, niềm cảm thông, yêu thương và trân trọng ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam, trân trọng niềm khao khát tình yêu thương dành cho những đứa con thơ của mình. - Điểm khác nhau: + <i>Nhà mẹ Lê</i> : Phản ánh chân thực cuộc sống nghèo khổ, vất vả của những người phụ nữ Việt Nam qua cuộc sống của gia đình bác Lê, một gia đình đông con ở Hà Nội vào những năm 1930. Hình ảnh mẹ Lê hiện lên vô cùng cơ cực, vất vả. Nhân vật mẹ Lê trở thành biểu tượng của những người phụ nữ nghèo làm lụi, vất lộn bên lề cuộc sống. Thạch Lam đã miêu tả hình ảnh mẹ Lê với những chi tiết đơn giản nhưng sâu sắc từ đó tái hiện một hiện thực khốc liệt của xã hội đương thời. + <i>Làm mẹ</i> : Tư tưởng của truyện là niềm trân trọng, ngợi ca khát khao được “làm mẹ” đến cháy bỏng của dì Diệu và tình yêu thương của chị Lành dành cho hình hài bé nhỏ đang mỗi ngày lớn lên. Nhân vật dì Diệu không chỉ là hình mẫu của người mẹ, mà còn là biểu tượng cho những người phụ nữ Việt Nam nói chung. Qua hình ảnh dì, tác giả muốn phản ánh hiện thực xã hội, những khó khăn mà phụ nữ phải đối mặt và đồng thời khẳng định sức mạnh và sự bền bỉ của họ trong hành trình làm mẹ. - Lí giải và nêu ý nghĩa của điểm giống và khác nhau về tư tưởng chủ đề + Lí giải: Hai đoạn trích có cùng chung đề tài về người mẹ. Cả hai nhà văn đều có quan điểm sáng tác văn chương tiến bộ, đều có trái tim luôn hướng về con người. Bên cạnh đó Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư đều là những nhà văn có cá tính sáng tạo vì thế hai nhà văn đã “không lặp lại người	2,5

	<p>khác và không lặp lại chính mình”. Điều đó đã tạo nên dấu ấn riêng về tư tưởng chủ đề của hai tác phẩm.</p> <p>+ Điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn trích có ý nghĩa quan trọng đối với dòng chảy văn học hiện đại Việt Nam nói chung và thể loại truyện ngắn viết về đề tài mẫu tử nói riêng.</p> <p>* Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TÁC ĐẤT THÀNH CỔ

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời cũng tự trong xanh và lộng gió
Đầu ồn ào đừng lay mạnh hàng cây*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Thành Cổ rộng sao đồng đội tôi nằm chặt
Mỗi tác đất là một cuộc đời có thật
Cho hôm nay tôi đến nghẹn ngào*

*Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi một ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông*

*Thấp một nén nhang và khóc ít thôi
Tôi thăm nhủ lòng mình như vậy
Để một phút lắng lòng nghe bạn gọi
Bạn nằm lại nơi nào bạn ơi?*

*Bạn nằm lại nơi đồng đất quê hương
Nơi chiến tuyến lẫn ranh sông Bến Hải
Súng trong tay và đôi mắt rực lửa
Trút hận xuống đầu thù rồi ngã xuống bình yên*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời Quảng Trị trong xanh và lộng gió
Ru mãi bài ca bất tử đến vô cùng.*

Tháng 7-2002

(Phạm Đình Lân, “Tác đất Thành cổ”- GOCNHIN.NET- Văn hóa Việt Nam,
<https://www.gocnhin.net/cgi-bin/viewtem.pl?6931>)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản.

Câu 2. Hãy tìm những từ ngữ, hình ảnh trong văn bản gợi nhắc đến vùng đất Quảng Trị.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp cấu trúc trong văn bản.

Câu 4. Nêu cảm xúc của tác giả trong những dòng thơ sau:

*Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi một ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông.*

Câu 5. Rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất từ văn bản trên, giải thích lí do về sự lựa chọn đó.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nhận xét tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Trăng* của Xuân Diệu¹.

TRĂNG

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,

*Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ...
Im lìm, không dám nói năng chi.*

*Bâng khuâng chân tiếc dậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỗ nhịp trăng đang.*

*Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa cành;
Cho gió đượm buồn, thổi náo động
Linh hồn yếu điệu của đêm thanh.*

*Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá!
Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ.*

(Xuân Diệu, *Thơ mới 1932-1945 tuyển chọn*, NXB Văn học, 2004, tr. 113)

Chú thích

¹Xuân Diệu (1916 – 1985), còn có bút danh là Trảo Nha, tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu. Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho, quê ở làng Trảo Nha (nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Xuân Diệu được mệnh danh là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh). Ông đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm hứng mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ, cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. Ông là nhà thơ của mùa xuân, của tình yêu và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết.

Xuân Diệu là cây bút có sức sáng tạo mãnh liệt, dồi dào, bền bỉ, có đóng góp to lớn trên nhiều lĩnh vực của văn học Việt Nam hiện đại. Ông xứng đáng với danh hiệu một nhà thơ lớn, một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa lớn.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về chủ đề: “Lòng biết ơn của thế hệ trẻ hiện nay”.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 2 – ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật trữ tình trong bài thơ: <i>Tôi</i> Hướng dẫn chấm: – Trả lời như đáp án: 0,5 điểm – Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh gợi vùng đất Quảng Trị: <i>Thành Cổ, dòng Thạch Hãn, tám mươi một ngày đêm, sông Bến Hải, trời Quảng Trị.</i> Hướng dẫn chấm: – Trả lời được 3 ý trở lên: 0,5 điểm – Trả lời được 1 đến 2 ý: 0,25 điểm – Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	– Bài thơ sử dụng phép điệp cấu trúc qua dòng thơ “ <i>Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi</i> ” được lặp lại 3 lần ở khổ thơ thứ nhất, thứ hai và thứ 6. - Tác dụng: + Nhấn mạnh nội dung biểu đạt và tạo nhịp điệu, liên kết các câu thơ. + Nhấn mạnh thái độ kính cẩn, nghiêng mình trước sự hi sinh của đồng đội. Hướng dẫn chấm: * Chỉ ra được vị trí của biện pháp tu từ điệp cấu trúc trong văn bản: 0,5 điểm * Phân nêu tác dụng: – Trả lời như đáp án hoặc tương đương đáp án: 0,5 điểm – Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm – Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	4	Cảm xúc của tác giả: - Xót xa, trăn trở, đau đớn, căm phẫn; - Những câu thơ đã gợi lên nỗi lòng của tác giả về mảnh đất đã ghi dấu bao sự hi sinh, mất mát của bạn bè, đồng đội. Tái hiện những ngày tháng ác liệt – tám mươi một ngày đêm – giặc Mĩ rải bom dày đặc trên đất trời Thành Cổ, làm thay đổi cả thiên nhiên – những điều tưởng như bất biến, cát như được rang vàng, dòng sông như nghiêng lệch hẳn đi; nhân vật trữ tình thể hiện tâm trạng đau đớn trước những đau thương, mất mát mà cả thiên nhiên và con người phải gánh chịu, thể hiện niềm căm phẫn trước tội ác của giặc Mĩ. Hướng dẫn chấm: * Gọi tên được đầy đủ các từ ngữ bộc lộ cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ: 0,5 điểm * Phân lí giải các cung bậc cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ: – Trả lời như đáp án hoặc tương đương đáp án: 0,5 điểm – Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm – Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	– Nêu được thông điệp.	1,0

		<p>– Giải thích lí do. Hướng dẫn chấm: – Nêu được thông điệp rõ ràng nhưng không giải thích: 0,5 điểm – Nêu được thông điệp rõ ràng, giải thích hợp lí: 1,0 điểm – Nêu được thông điệp rõ ràng nhưng giải thích chung chung: 0,75 điểm – Thông điệp chưa rõ, giải thích chung chung: 0,25 điểm – Không nêu được thông điệp hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là giải thích hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)</p>	
II		VIẾT	6,0
		Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nhận xét tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ Trăng của Xuân Diệu.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ Trăng của Xuân Diệu.</i>	0,25
	1	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: Cảm xúc của nhân vật trữ tình – “tôi”/chàng trai đang yêu: - Xao xuyến, băng khuâng, ngượng ngùng, chăm chú lắng nghe những rung động của tạo vật và tâm hồn lứa đôi, có chút cô đơn mơ hồ. + Con người tinh tế, nhạy cảm, yêu, nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên. + Con người cô đơn, bơ vơ, lạc lõng giữa cuộc đời + Khát vọng giao hòa với thiên nhiên, con người. - Nhận xét: + Đó là những cảm xúc rất mơ hồ, khó nắm bắt nhưng được tác giả gọi tả một cách tinh tế. + Thể hiện một cái tôi nhạy cảm, luôn khát khao giao cảm với tạo vật và con người nhưng luôn có cảm giác cô đơn.	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị với chủ đề: “Lòng biết ơn của thế hệ trẻ hiện nay”.	4,0
	2	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: “Lòng biết ơn của thế hệ trẻ hiện</i>	0,5

	nay”.	
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài: - Giải thích lòng biết ơn là sự trân trọng, ghi nhớ những gì nhận được từ người khác. Biết ơn những hi sinh và thành quả lao động của thế hệ trước. - Bàn luận: biểu hiện của lòng biết ơn; vai trò ý nghĩa của lòng biết ơn. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác: một bộ phận giới trẻ không có lòng biết ơn; cần phê phán, lên án lối sống vong ơn, bội nghĩa; rút ra bài học nhận thức, hành động * Khẳng định lại quan điểm cá nhân.</p>	2,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 3

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Lược dẫn: “Mảnh trăng cuối rừng” lấy bối cảnh thời kì kháng chiến chống Mĩ của dân tộc ta. Câu chuyện được tường thuật qua lời kể của nhân vật chính là anh chiến sĩ lái xe tên Lâm. Chị Tính (chị gái của Lâm) đã làm mối cho anh với Nguyệt - cô gái cùng đơn vị thanh niên xung phong với chị. Mấy năm trời, vì cảm mến mà Nguyệt tình nguyện đính ước và chờ đợi Lâm dù hai người chưa gặp gỡ và anh chưa viết thư hay hứa hẹn điều gì với cô. Một hôm, sau khi trả hàng xong, Lâm rẽ đến thăm chị gái và Nguyệt. Trên đường đi, Lâm cho cô công nhân giao thông tên Nguyệt đi nhờ đến cầu Đá Xanh. Cô gái đó cùng tên với Nguyệt – người chị Tính giới thiệu. Cô tình nguyện dẫn đường để Lâm lái xe vượt qua đoạn đường nguy hiểm.)

... Qua tấm kính mờ sương, mảnh trăng nằm giữa những đám mây hiện ra nhợt nhạt, ánh sáng chập chờn, mỗi khi xe xóc hay lượn một vòng, mảnh trăng rung rinh rung rinh, có khi rơi xuống chừng xấp xỉ. Bóng tối của rừng già như một trò chơi của trái tim. Khoảng khuya, trên các ngọn rừng, gió Tây Nam cuốn những đám mây xám xịt về một góc và thổi bay đi. Gió thổi lộng lộng những cành lá ngụy trang trên nóc xe hoeen rí. Trên đầu chúng tôi, bầu trời đêm phía trên trở nên trong vắt, cao vời vợi, trong sâu thẳm mơ hồ vọng lên tiếng chim kêu. Nhưng ở phía sau rừng, sương trắng cứ tuôn ra từ hư không. Dòng sông bên trái đường bỗng biến mất, chỉ còn lại một màn sương trắng phủ kín, chỉ thỉnh thoảng thấy một ngọn rừng, ngọn núi đá bên kia sông nhô lên, đen kịt giữa một màu trắng xóa.

Xe tôi chạy trên lớp sương bèn bồng. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trắng. Không hiểu sao, lúc ấy, như có một niềm tin vô cớ mà chắc chắn từ trong không gian ủa tới tràn ngập cả lòng tôi. Tôi tin chắc chắn người con gái đang ngồi cạnh mình là Nguyệt, chính người mà chị tôi thường nhắc đến. Chốc chốc, tôi lại đưa mắt liếc về phía Nguyệt, thấy từng sợi tóc của Nguyệt đều sáng lên. Mái tóc thơm ngát, dày và trẻ trung làm sao! Bất ngờ, Nguyệt quay về phía tôi và hỏi một câu gì đó. Tôi không kịp nghe rõ vì đôi mắt tôi đã choáng ngợp như vừa trông vào ảo ảnh. Trăng sáng soi thẳng vào khuôn mặt Nguyệt làm cho khuôn mặt tươi mát ngời lên và đẹp lạ thường! Tôi vội nhìn thẳng vào đoạn đường đầy ổ gà, không dám nhìn Nguyệt lâu. Từng khúc đường trước mặt cũng thếp từng mảnh ánh trăng...

- Anh nhỉ? Có phải không nhỉ...

- Cô hỏi gì?

- Em hỏi có phải các anh lái xe đi nhiều nơi, chắc hẳn quen biết nhiều người lắm?

- Đời lái xe chúng tôi như vạc ấy, cô ạ! Nay rừng này, mai qua suối kia, nhưng tháng này sang tháng khác vẫn làm bạn với đường, với trăng thôi.

Chẳng biết lúc ấy ai mới mồm miệng cho mà tôi bỗng trở nên ăn nói văn vẻ đến thế! Quá nửa đêm, chúng tôi đến gần cầu Đá Xanh thì trăng lặn. Chúng tôi không nói chuyện nữa. Mảnh trăng đã khuất hẳn xuống khu rừng ở sau lưng. Tôi bật chiếc bóng đèn quả dưa cho sáng hơn và bảo Nguyệt:

- Cô chú ý nghe hộ, từ đây đường thường có máy bay.

Nguyệt vẫn thản nhiên ngồi nhìn ra ngoài:

- Anh cứ yên tâm, đoạn này, em quen lắm! ”

(Trích *Mảnh trăng cuối rừng*, Nguyễn Minh Châu, in trong *Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*, NXB Văn học, Hà Nội, 2003, tr. 54-55)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định ngôi kể trong văn bản.

Câu 2. Theo đoạn trích, qua tấm kính mờ sương, mảnh trăng hiện lên như thế nào?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ tu từ so sánh trong đoạn văn: “Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trắng”.

Câu 4. Về đẹp của nhân vật Nguyệt qua điểm nhìn của nhân vật “tôi” hiện lên như thế nào?

Câu 5. Về đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ được nói đến trong văn bản đã gọi

cho anh/ chị suy nghĩ gì về trách nhiệm đối với Tổ quốc của tuổi trẻ hôm nay?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về nỗi nhớ của nhân vật trữ tình trong văn bản sau:

*Nắng hè đỏ hoa gạo
Nước sông Thương trôi nhanh
Trên đường quê rảo bước
Gió nam giỡn lá cành.*

*Bỗng tiếng chim tu hú
Đưa từ vườn vải xa
Quả bắt đầu chín lự
Ngọt như nỗi nhớ nhà.*

*Cha già thêm tóc bạc
Chống gậy bước lên đồi
Thương một mùa vải đỏ
Má hồng con đang tươi.*

*Có chàng qua dặm ngõ
Bỗng khói lửa ngút trời
Con đi đêm súng nổ
Vải rụng bên sông trôi...*

*Rồi tiếng chim tu hú
Vang suốt những mùa hè
Con đi dài thương nhớ
Mười năm chữa về quê.*

[...]

(Trích *Tiếng chim tu hú*, Anh Thơ, Theo *Thơ Bắc Giang thế kỉ XX*, NXB Hội Nhà văn, 2002, tr.53)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện.*

- HẾT -

ĐỀ SỐ 3 - ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể: ngôi thứ nhất <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời đúng đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Theo đoạn trích, qua tầm kính mờ sương “mảnh trăng nằm giữa những đám mây hiện ra nhợt nhạt, ánh sáng chập chờn, mỗi khi xe xóc hay lượn một vòng, mảnh trăng rung rinh rung rinh, có khi rơi xuống chùng xấp xỉ”. <i>Hướng dẫn chấm:</i> - Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời đúng từ 1- 2 ý: 0,25 điểm - Trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	0,5
	3	- Biện pháp tu từ so sánh: <i>Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc</i> - Tác dụng: + Tăng tính gợi hình, gợi cảm, tạo sự hấp dẫn cho đoạn văn. + Làm nổi bật vẻ đẹp trong sáng của ánh trăng rừng, qua đó gián tiếp làm nổi bật vẻ đẹp của cô gái tên Nguyệt (trăng). <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS chỉ ra được hình ảnh có chứa phép tu từ so sánh: 0,25 điểm - HS nêu được tác dụng về mặt nghệ thuật: 0,25 điểm - HS nêu được tác dụng về mặt nội dung: 0,5 điểm - HS trình bày đầy đủ như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm.	1,0
	4	Vẻ đẹp của nhân vật Nguyệt qua điểm nhìn của nhân vật “tôi”: trẻ trung, xinh đẹp, đầy sức sống, năng động, nhiệt tình,... <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS trình bày đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - HS trình bày được khá đầy đủ vẻ đẹp của nhân vật: 0,75 điểm - HS trình bày được 1-2 ý: 0,5 điểm - HS trình bày được 1 ý như đáp án: 0,25 điểm - HS trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1,0
	5	HS cần làm bật các ý sau: - Vẻ đẹp của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ: có lí tưởng sống cao đẹp, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc, dũng cảm, kiên cường, không khuất phục trước hiểm nguy; đoàn kết, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn gian khổ; lạc quan yêu đời,... - Trách nhiệm đối với Tổ quốc của tuổi trẻ hôm nay: cần nâng cao ý thức học tập và rèn luyện bản thân, đem sức lực, tài năng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc,... <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS trình bày cảm nhận của cá nhân ngắn gọn nhưng tinh tế, sâu sắc: 0,75 – 1,0 điểm - HS trình bày cảm nhận của cá nhân chung chung, sơ sài: 0,25 – 0,5 điểm - HS trả lời sai/ Không trả lời: 0 điểm	1,0
II		VIẾT	6,0

1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/ chị về nỗi nhớ của nhân vật trữ tình trong văn bản.	2,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Cảm nhận về nỗi nhớ của nhân vật trữ tình trong văn bản.	0,25
	<i>c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Nỗi nhớ quê hương với không gian rộng, có dòng sông, triền đê và tiếng chim tu hú còn vang vọng trong tiềm thức. - Nỗi nhớ hiện lên cụ thể và không gian hẹp hơn - nhớ gia đình, nơi còn người cha tóc bạc, đang từng ngày “chống gậy bước lên đồi”, hướng ánh nhìn về vùng kháng chiến, nơi ấy có người con gái thương yêu, người con gái bé bỏng “má hồng con đang tươi”. - Nỗi nhớ quê hương hòa quyện với ý thức về sứ mệnh của người chiến sĩ cách mạng.	1,0
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ .	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: <i>Tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện.</i>	4,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện.	0,5

	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài:</p> <p>- Giải thích: + Tư duy phản biện là một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. + Người có tư duy phản biện là người biết đặt câu hỏi, phát hiện vấn đề, đưa ra lập luận để phân tích, đánh giá vấn đề một cách khách quan....</p> <p>- Bàn luận: + Vì sao tuổi trẻ cần rèn luyện tư duy phản biện? . Tư duy phản biện giúp con người nói chung và tuổi trẻ nói riêng có kiến thức, sự tự tin, nhận thức đúng đắn, dám nghĩ, dám làm; không ỷ lại, nói theo; có suy nghĩ độc lập và sáng tạo; . Tuổi trẻ là tương lai của đất nước, sức mạnh của dân tộc,... Tuổi trẻ cần có tư duy phản biện để khắc phục những hạn chế của người đi trước, khám phá cái mới, vượt qua cái cũ, cái lạc hậu để đất nước ngày một phát triển,...;</p> <p>+ Tuổi trẻ cần làm gì để rèn luyện tư duy phản biện? . Để rèn luyện tư duy phản biện tuổi trẻ cần trau dồi kiến thức bản thân; . Luôn đặt câu hỏi và đưa ra giả định; . Thảo luận với mọi người để rèn tư duy phản biện; . Tập cách nhìn nhận lại bản thân mình,....</p> <p>+ Lấy dẫn chứng từ thực tế đời sống để làm rõ vấn đề. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác.</p> <p>* Kết bài: - Khẳng định sự cần thiết phải rèn luyện tư duy phản biện đối với tuổi trẻ - Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động. Lưu ý: HS có thể trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	2,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 4

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ÁO TRẮNG

Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
Hôm xưa em đến, mắt như lòng
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.

Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;
Em duyên đôi má nắng hoe tròn.
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thối lại phòng anh cả núi non.

Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.

Đôi lúa thân tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.

(In trong *Lửa thiêng*, Huy Cận, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940, tr.74)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định chủ thể trữ tình trong văn bản trên.

Câu 2. Dấu hiệu của hình ảnh nữ sinh được thể hiện qua những từ ngữ nào trong văn bản?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *Dịu dàng áo trắng trong như suối*.

Câu 4. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ trên là gì?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tình yêu chân chính trong cuộc đời mỗi người?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích một đặc điểm tính cách của nhân vật bác Lê trong đoạn trích sau:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chờng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đây nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chờng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hi mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có

cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình ấp ủ cho nó.”

(Trích *Nhà mẹ Lê*, Thạch Lam, NXB Đời nay, 1937)

Câu 2 (4,0 điểm)

Mỗi cuộc đời đẹp sẽ xây dựng một xã hội văn minh. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về lối sống đẹp.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 4 – ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phân	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Chủ thể trữ tình: “anh”.	0,5
	2	Dấu hiệu của hình ảnh nữ sinh được thể hiện qua những từ ngữ là: <i>áo trắng, gót ngọc, bàn tay ngón ngón thon, đôi má nắng hoe tròn.</i> Hướng dẫn chấm: - Trả lời được 3-4 từ ngữ chỉ hình ảnh nữ sinh: 0,5 điểm. - Trả lời được 1-2 từ ngữ chỉ hình ảnh nữ sinh: 0,25 điểm - Trả lời không đúng Đáp án: không cho điểm.	0,5
	3	Hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “ <i>Dịu dàng áo trắng trong như suối</i> ” - Biện pháp tu từ so sánh, hình ảnh “áo trắng” được so sánh với “ <i>trong như suối</i> ”. - Hiệu quả: + Nhấn mạnh sự trong trắng, tinh khôi áo trắng của nữ sinh; đồng thời gợi tả vẻ đẹp trong trẻo, thanh khiết trong tâm hồn người thiếu nữ. + Làm cho câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn, gợi hình, gợi cảm. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng ba ý như Đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời đúng từ hai đến ba ý như Đáp án: 0,75 điểm. - Trả lời đúng một ý như Đáp án: 0,5 điểm. - Trả lời còn chung chung, chưa thuyết phục: 0,25 điểm - Trả lời không đúng, không thuyết phục: không cho điểm. <i>Lưu ý: Học sinh có thể có cách diễn đạt tương đương</i>	1,0
	4	Cảm hứng chủ đạo: - Ca ngợi tình yêu tuổi học trò lung linh, say đắm, hồn nhiên, trong sáng. - Trân trọng và nâng niu tâm hồn trong trắng của tuổi học trò. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng từ hai ý trở lên như đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời đúng một ý như đáp án: 0,5 điểm. - Trả lời chung chung, chưa thuyết phục: 0,25 điểm. - Trả lời không đúng, không thuyết phục: không cho điểm. <i>Lưu ý: Học sinh có thể có cách diễn đạt khác tương đương</i>	1,0
	5	Ý nghĩa của tình yêu chân chính trong cuộc sống của mỗi con người: - Tình yêu chân chính: đúng đắn, trong sáng. - Ý nghĩa: giúp mỗi con người hoàn thiện bản thân, đem lại hạnh phúc, tiếp thêm sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn thử thách. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm. - Trả lời được một ý của đáp án: 0,5 điểm. - Trả lời không đúng: không cho điểm. <i>Lưu ý: Học sinh có thể có cách diễn đạt tương đương.</i>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích một đặc điểm tính cách của nhân vật bác Lê trong đoạn trích <i>Nhà mẹ Lê</i>.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch,	0,25

	quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đặc điểm tính cách của nhân vật bác Lê trong đoạn trích <i>Nhà mẹ Lê</i></p>	0,25
	<p><i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Một số đặc điểm tính cách của nhân vật bác Lê: là người chịu thương chịu khó, thương yêu những đứa con của mình,... - Học sinh có thể lựa chọn một trong những đặc điểm trên để phân tích. - Lựa chọn các bằng chứng tiêu biểu, kết hợp lí lẽ để làm rõ nét tính cách của nhân vật. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.</p> <p>Hướng dẫn chấm - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).</i> - <i>Lập luận tương đối chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: có lí lẽ tương đối xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,5 điểm)</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> <i>Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	1,0
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn</p> <p>Hướng dẫn chấm: - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; dẫn được danh ngôn, tục ngữ, ca dao.</i> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.</i></p>	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến về lối sống đẹp.	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Trình bày ý kiến về lối sống đẹp.</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p>	2,5

	<p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: Sống đẹp là sống có lí tưởng, sống phù hợp với hoàn cảnh, tích cực, lạc quan, phù hợp với pháp luật, chuẩn mực đạo đức. Biểu hiện của lối sống đẹp: + Sống khoan dung, yêu thương và biết quan tâm mọi người xung quanh. + Sống tích cực, vui vẻ, lạc quan, yêu đời. + Sống đúng với lương tâm của mình, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc. + Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. - Bàn luận: + Ý nghĩa của lối sống đẹp: + + Mỗi người sống đẹp sẽ nhận được tình yêu thương, quý trọng của mọi người xung quanh. + + Mỗi người sống đẹp sẽ góp phần xây dựng nên xã hội văn minh, hạnh phúc hơn. + Giải pháp/ Cách thức để trở thành một người có lối sống đẹp: Biết quan tâm, đồng cảm, sẻ chia nhiều hơn đến cuộc sống quanh ta. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. Hướng dẫn chấm - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).</i> - <i>Lập luận tương đối chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,75 điểm).</i> - <i>Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: có lí lẽ tương đối xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,5 điểm)</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).</i> <i>Học sinh có thể trình bày quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - <i>Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,25
	<p>đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; dẫn được danh ngôn, tục ngữ, ca dao.</i> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu trở lên: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
	TỔNG ĐIỂM	10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 5

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THUỐC ĐĂNG

(Cho Ngọc Trâm)

*Con sốt thiêu con trên giàn lửa
Cha cũng có thể thành tro nữa
Thuốc đăng không chờ được rồi
Giữ tay con
Cha đỡ
Ngậm ngùi thả lòng chén vơi...*

*Con ơi! Tì tách sương rơi
Nhọc nhằn vất qua đêm lạnh
Và những cánh hoa mỏng mảnh
Đưa hương phải nhờ rế cay.*

*Mồ hôi keo thành chai tay
Mùa xuân tràn vào chén đắng
Tuổi cha nước mắt lặng lặng
Sự thật khóc oà vu vơ.*

*Con đang ăn gì trong mơ
Cha để chén lên cửa sổ
Khi lớn bằng cha bây giờ
Đáy chén chắc còn bão tố.*

(Mai Văn Phan, in trong *Giọt nắng*,

Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hải Phòng xuất bản, 1992)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ:

*Và những cánh hoa mỏng mảnh
Đưa hương phải nhờ rế cay.*

Câu 3. Trình bày hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của *người cha* với *con* trong văn bản.

Câu 4. Nêu sự vận động cảm xúc của chủ thể trữ tình trong văn bản trên.

Câu 5. Từ lời tâm sự của nhân vật trữ tình người cha với con về những khó khăn thử thách trong cuộc sống, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ về tầm quan trọng của ý chí nghị lực trong cuộc sống với mỗi người (Trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tình cảm, cảm xúc của người cha trong ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống của giới trẻ hiện nay.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 5 - ĐÁP ÁN

Phân	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Số chữ trong các dòng không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của văn bản.	0,5
	2	Biện pháp tu từ ẩn dụ: <i>Cánh hoa mỏng mảnh, rễ cay</i>	0,5
	3	Hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của <i>người cha</i> với <i>con</i> -Tạo giọng điệu tâm tình, giải bày cảm xúc. -Thể hiện tình cảm yêu thương, lo lắng của người cha.	1,0
	4	Nêu sự vận động cảm xúc của chủ thể trữ tình trong văn bản: - Cảm xúc băn khoăn, trăn trở của chủ thể trữ tình về việc làm của mình - Nhấn nhủ đến con mình phải trưởng thành mạnh mẽ để vượt qua những giông tố của cuộc đời.	1,0
	5	Từ lời tâm sự của nhân vật trữ tình người cha với con về những khó khăn thử thách trong cuộc sống, thí sinh bày tỏ suy nghĩ về tầm quan trọng của ý chí nghị lực trong cuộc sống với mỗi người. Có thể theo hướng: giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách, động lực để kiên trì theo đuổi ước mơ...	1,0
II		VIẾT	
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích tình cảm, cảm xúc của người cha trong ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.	2,0
		a) <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> <i>Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ).</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Tình cảm, cảm xúc của người cha trong văn bản	0,25
		c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu.</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Lo lắng khi thấy con ốm nặng, sốt cao (<i>thieu con trên giàn lửa</i>) - Thương yêu con trước hành động của mình (<i>Ngậm ngùi thả lòng chén vôi</i>). - Hi vọng, vui mừng và mong mỗi con khỏe mạnh (<i>Mùa xuân tràn vào chén đắng/sự thật khóc òa vu vơ</i>). - Trăn trở, và mong con thấu hiểu việc làm và tình cảm của cha (<i>Khi lớn bằng cha bây giờ/Đáy chén chắc còn bão tố</i>).	1,0
		d. <i>Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		Đ. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống của giới trẻ hiện nay	4,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống của giới trẻ hiện nay.	0,5
		c. <i>Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i>	2,5

	<p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích: mục tiêu là những điều cụ thể, là một dự định, một ý tưởng về tương lai, một mong muốn của một cá nhân hay một nhóm người đã hình dung ra, lên kế hoạch và cam kết để đạt được thông qua hành động.</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Biểu hiện của việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống của giới trẻ hiện nay: đa số giới trẻ hiện nay còn hời hợt với việc xác định mục tiêu trong cuộc sống, thậm chí có một bộ phận giới trẻ không xác định được mục tiêu cho bản thân.</p> <p>+ Ý nghĩa của việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống: không bị mất phương hướng; có thêm động lực; cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn; tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, tránh được rủi ro, sai lầm không đáng có;...</p> <p>- Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác.</p> <p>* Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.</p> <p><i>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 6

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(Lược dẫn: Hộ là một văn sĩ nghèo mang trong mình nhiều hoài bão, ước mơ, có lí tưởng sống cao đẹp. Hộ ước mơ có những tác phẩm lớn, có giá trị vượt thời gian. Nhưng từ khi cứu vớt cuộc đời Từ, cưới Từ về làm vợ, anh phải lo cho cuộc sống của cả gia đình chỉ với những đồng tiền ít ỏi của nghề viết văn.)

Hộ đã rơi vào tình trạng khốn khổ, luẩn quẩn, bế tắc...

[...] Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hắn chỉ có một mình. Đối rét không có nghĩa lí gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tầm mùn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhep, vô nghĩa lí, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo, gọi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều, hắn ruồng rẫy chúng, hắn hi sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia: “Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ”. Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng: Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hi sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỷ đi; nhưng hắn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người: hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Và lại hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa?... Hắn tự bảo: “Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu!”. Từ khi đưa con này chưa kịp lớn lên, đưa con khác đã vội ra, mà đưa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc méo suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Hộ điên người lên vì phải xoay tiền. Hắn còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh để cho hắn viết hay đọc sách. Hắn thấy mình khổ quá, bức bối quá. Hắn trở nên cau có và gắt gỏng. Hắn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bức tức ở trong nhà, hắn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mặt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hắn đi lang thang, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng

ngươi bỏ đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hấn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hấn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngó ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên ký mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hấn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hấn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hấn thừ mặt ra như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hấn cũng nhớ nhưng một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hấn lắc đầu tự bảo: “Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi” ...

(Nam Cao, “Đời thừa”, trích *Ngữ văn 11 Nâng cao*, Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.203, 204)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra một số câu văn có sự đan xen giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong văn bản trên.

Câu 2. Theo nhân vật Hộ, văn chương chỉ dung nạp những người như thế nào?

Câu 3. Nêu tác dụng điểm nhìn của người kể chuyện trong văn bản.

Câu 4. Đoạn văn “Đói rét không có nghĩa gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hấn đẹp. Đầu hấn mang hoài bão lớn. Hấn khinh những tũn mủn lo lắng về vật chất” cho thấy khát vọng của nhân vật Hộ với nghề viết như thế nào?

Câu 5. Nêu một thông điệp rút ra từ văn bản có ý nghĩa nhất đối với anh/chị và lí giải lựa chọn đó.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật Hộ trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của tuổi trẻ đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 6 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC	4,0
	1	Một số đoạn văn có đan xen giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật: - Hấn tự bảo: “Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Tù đã có một số vốn con đẻ làm ăn! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu!” - Hấn lắc đầu tự bảo: “Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng đứt rồi” ...	0,5
	2	Theo nhân vật Hộ, văn chương chỉ dung nạp những người <i>“biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có...”</i>	0,5
	3	- Người kể chuyện trong văn bản đặt điểm nhìn vào nhân vật Hộ, kể qua cái nhìn, tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật Hộ. - Tác dụng: giúp nhà văn vừa kể chuyện vừa đi sâu vào phân tích tâm lí nhân vật Hộ; giúp nhà văn diễn tả một cách cụ thể những suy nghĩ cảm xúc của nhân vật Hộ. <i>(Học sinh có thể có những cách biểu đạt tương tự nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục.)</i>	1,0
	4	Đoạn văn <i>“Đói rét không có nghĩa gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hấn đẹp. Đầu hấn mang hoài bão lớn. Hấn khinh những tũn mủn lo lắng về vật chất”</i> cho thấy khát vọng của nhân vật Hộ với nghề viết: + Có đam mê, hoài bão lớn lao. + Sẵn sàng chấp nhận khó khăn, thử thách để theo đuổi lí tưởng. + Xem thường đời sống vật chất <i>(Học sinh trả lời được 2 trên 3 ý tương tự, GV vẫn cho điểm tối đa)</i>	1,0
	5	- Học sinh có thể tự do diễn đạt theo cảm nhận của riêng mình nhưng phải diễn giải hợp lí, giàu giá trị biểu cảm, có sức thuyết phục. - Gợi ý thông điệp rút ra từ văn bản: + Sống có lí tưởng, đam mê, khát vọng cao đẹp. + Sống nhân nghĩa, sẵn sàng sẻ chia yêu thương, giúp đỡ người khác + Trân trọng sự sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ. ... <i>(GV linh hoạt trong cách chấm điểm).</i>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật Hộ trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.	2,0

		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn.</i> Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành,...	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tâm trạng của nhân vật Hộ trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Ban đầu, Hộ là một người trẻ tuổi đầy hoài bão, lí tưởng và say mê nghệ thuật. Tuy nhiên, khi phải gánh vác trách nhiệm gia đình, Hộ rơi vào tình trạng khốn khổ, vật lộn với những khó khăn mưu sinh. - Hộ cảm thấy bất lực và tự trách mình vì không thể làm gì lớn lao, không thể hoàn thành ước mơ trở thành một nhà văn vĩ đại. Anh cảm thấy mình là một kẻ vô dụng, một “kẻ bất lương”. - Sự đau đớn trong tâm hồn anh càng tăng lên khi anh phải lựa chọn giữa trách nhiệm đối với gia đình và khát vọng nghệ thuật. Mâu thuẫn này khiến Hộ rơi vào trạng thái tự hủy hoại, chán nản với chính mình. → Tâm trạng của Hộ thể hiện rõ bi kịch của một con người có lí tưởng nhưng lại bị cuốn vào vòng xoáy của cuộc sống thực tế, mất đi khả năng sống với đam mê và lí tưởng của bản thân.	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của tuổi trẻ đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập.		4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn.</i> Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vai trò của tuổi trẻ đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập	0,5
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận * Thân bài: - Giải thích: + Bản sắc văn hóa dân tộc: là những giá trị biểu hiện vật chất cũng như tinh thần mang đặc trưng văn hóa mà mỗi dân tộc	2,5

	<p>tích lũy qua thời gian, tạo nên sự khác biệt của mỗi quốc gia, từ ngôn ngữ, phong tục, truyền thống, sáng tạo nghệ thuật đến lối sống và tư duy của con người...</p> <p>+ Giữ gìn là bảo lưu, trân trọng những nét tốt đẹp, còn phát triển là tiếp thu, cải biến để các giá trị văn hóa tiếp tục được khẳng định.</p> <p>+ Thời kì hội nhập là thời kì mà các quốc gia dân tộc không còn tồn tại một cách tách biệt riêng lẻ tuyệt đối mà phụ thuộc lẫn nhau, tác động nhau, cùng tham gia vào sự phát triển, tiến bộ của xã hội.</p> <p>- Bàn luận: <i>Vì sao tuổi trẻ có vai trò quan trọng đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập?</i></p> <p>+ Tuổi trẻ những chủ nhân tương lai của Đất nước, những con người tự tin, có tri thức.</p> <p>+ Tuổi trẻ có khát vọng, hoài bão, đam mê, có thể gánh vác trọng trách, sứ mệnh lịch sử to lớn.</p> <p>+ Tuổi trẻ tràn đầy nhiệt tình, tích cực, năng động tham gia vào các hoạt động cộng đồng và sự phát triển kinh tế cũng như văn hóa xã hội của Đất nước.</p> <p>+ Người trẻ có cơ hội đi hiểu, hòa nhập với thế giới để nhận thức và tự hào về đẹp bản sắc văn hóa dân tộc mình, quảng bá nền văn hóa dân tộc đến bạn bè năm châu.</p> <p>+ ...</p> <p>- Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác:</p> <p>+ Bên cạnh những người trẻ có ý thức trân trọng, giữ gìn văn hóa dân tộc, thì còn tồn tại một bộ phận giới trẻ có những biểu hiện quay lưng lại với bản sắc văn hóa dân tộc, chạy theo những thứ không phù hợp làm mai một, đánh mất vẻ đẹp bản sắc dân tộc, thiếu tình yêu quê hương Đất nước.</p> <p>+ Cần phân biệt giữ gìn không có nghĩa là bế quan tỏa cảng bởi văn hóa không mở rộng thì không có cơ hội phát triển.</p> <p>+ Cần loại bỏ những nếp tục không phù hợp, thiếu nhân văn trong cuộc sống dân tộc, đi ngược lại với quan điểm tiến bộ của nhân loại...</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>+ Thế hệ trẻ cần phải ý thức được vai trò và ý nghĩa của bản sắc dân tộc. Học tập là nền tảng cơ bản để từ đó có thể bắt đầu đi vào việc tìm hiểu và nghiên cứu về lịch sử, truyền thống, và giá trị văn hóa của dân tộc mình.</p> <p>+ Người trẻ cần rèn luyện lối sống, những hành động tích cực như tham gia vào các hoạt động văn hóa và cộng đồng, để bảo lưu và phát huy những giá trị đậm đà bản sắc dân tộc.</p> <p>+ ...</p> <p>* Kết bài: Khẳng định lại vấn đề <i>(Học sinh có thể có những cách diễn đạt khác nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục.)</i></p>	
	<p>d. Diễn đạt</p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết đoạn.</p>	<p>0,25</p>

		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM			10,0

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 7

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HUYỀN DIỆU

(Trích)

Xuân Diệu

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của du dương
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiện hiện hoa và phảng phát hương...
Hãy nghe lẫn lộn ghé bên tai
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người;
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
Ngọt ngào kêu gọi thuở xa khơi.
Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hãy vưng ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài, như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.

(Theo Hoài Thanh - Hoài Chân, in trong *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2016, tr.122)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra 01 yếu tố tượng trưng được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh trong khổ 1.

Câu 2. Chủ thể trữ tình cảm nhận thế giới xung quanh bằng những giác quan nào trong khổ 2?

Câu 3. Nêu tác dụng biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong câu thơ *Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người*.

Câu 4. Phân tích sự thay đổi của âm thanh qua ba khổ thơ.

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về cách cảm nhận cuộc sống của tác giả?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong đoạn trích sau:

UỐNG TRĂNG¹

Hàn Mặc Tử

Gió lùa mặt nước rung rinh
Lòng ta khát miếng chung tình từ lâu...
Uống đi cho đỡ khô hầu²,
Uống đi cho bớt cái sầu miên man...
Có ai nuốt ánh trăng ngàn,
Có ai nuốt cả bóng nàng Tiên Nga.

(Theo Trần Quang Chu, in trong *Thơ văn Hàn Mặc Tử sưu tầm và khảo cứu*, NXB Văn học, 2018, tr.196)

Chú thích:

¹In trong tập thơ *Gái quê* của Hàn Mặc Tử, xuất bản năm 1936.

²Hầu: cô hợm.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề áp lực đồng trang lứa mà giới trẻ ngày nay đang phải đối mặt.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 7 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Yếu tố tượng trưng được sử dụng trong khổ 1: <i>Khúc nhạc hường</i> .	0,5
	2	Các giác quan được tác giả sử dụng trong khổ 2: Thính giác và vị giác.	0,5
	3	Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê: - Nhấn mạnh sự lẫn lộn của các âm thanh xung quanh; thể hiện sự đa dạng của âm thanh trong đời sống. - Tạo tính nhịp điệu cho câu thơ.	1,0
	4	Sự thay đổi của âm thanh qua ba khổ thơ: - Âm thanh chuyển đổi: du dương, nhẹ nhàng – lẫn lộn – im lìm, (trầm lặng). - Dùng âm thanh để diễn tả cảm xúc, tâm trạng của chủ thể trữ tình: Tìm đến sự bình yên để suy tư, cảm nhận về con người, cuộc đời.	1,0
	5	Suy nghĩ về cách cảm nhận cuộc sống của tác giả: - Cảm nhận cuộc sống bằng tất cả các giác quan (thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác). - Cảm nhận từ những điều nhỏ nhất nhất diễn ra xung quanh mình, khao khát giao cảm với thiên nhiên, thấu hiểu mọi ngóc ngách của cuộc sống. - Quan trọng nhất là cảm nhận trái tim, lắng nghe bản thân.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong đoạn trích <i>Uống trắng</i> của Hàn Mặc Tử.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong đoạn trích <i>Uống trắng</i> của Hàn Mặc Tử.	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Sử dụng từ láy và biện pháp tu từ (lập cấu trúc) để bộc lộ cảm xúc... - Kết hợp các từ ngữ một cách độc đáo tạo nên yếu tố siêu thực (<i>khát miếng chung tình, nuốt ánh trăng vàng...</i>). - Đánh giá: hình ảnh và từ ngữ sử dụng tinh tế, mới lạ; mang dấu ấn cá nhân; thể hiện tài năng của tác giả.	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
		2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề áp lực đồng trang lứa mà giới trẻ ngày nay đang phải đối mặt.
	<i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i>	0,25	

	Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Áp lực đồng trang lứa mà giới trẻ ngày nay đang phải đối mặt.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * <i>Mở bài:</i> Giới thiệu vấn đề nghị luận * <i>Thân bài</i> - Giải thích vấn đề. - Bàn luận: + Nguyên nhân ++ Do sự phát triển của mạng xã hội, nơi mọi người thường chỉ chia sẻ những mặt tích cực, hào nhoáng của cuộc sống mà giấu đi khó khăn, thất bại. ++ Sự kì vọng từ gia đình, xã hội cũng khiến giới trẻ đặt áp lực cao lên bản thân, muốn chứng tỏ mình không thua kém bạn bè. + Hậu quả/các mặt tiêu cực ++ Khiến nhiều bạn trẻ cảm thấy tự ti, căng thẳng, và thậm chí rơi vào trạng thái trầm cảm. ++ Một số người vì muốn chứng tỏ bản thân mà rơi vào lối sống chạy theo thành tích, khoe mẽ, hoặc tiêu xài vượt quá khả năng. + Đề xuất giải pháp khắc phục ++ Học cách nhận thức rõ giá trị bản thân. ++ Tạo được sự tự tin và thái độ biết ơn với những gì mình đang có. - Trao đổi ý kiến trái chiều: Thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích giới trẻ nỗ lực hơn để hoàn thiện bản thân. * <i>Kết bài</i> - Khẳng định vấn đề. - Rút ra bài học/thông điệp. * <i>Lưu ý:</i> Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật.	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	ĐIỂM TỔNG	10,0

-----HẾT-----

ĐỀ SỐ 8

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

CHUYỆN CON CHÓ CÓ NGHĨA CỦA MỘT NHÀ NGHÈO

(Bản gia nghĩa khuyến truyện - Trích)

(Lược một đoạn: Đào Cảnh Long, hiệu là Vân Hiên cư sĩ, là một học trò nghèo sống vào cuối đời Lê Chiêu Thống, đức độ rộng rãi, tính tình chất phác, trọng danh nghĩa, chuộng khí khái. Năm Bình Thịn, vì nhà thiếu ăn, chàng phải đi dạy học thuê cho một nhà giàu).

Ở chỗ dạy học, anh có nuôi một con chó già, sớm hôm chơi đùa với nó. Anh đi đâu, nó cũng đi theo. Anh ngồi đâu, nó cũng đứng chầu bên cạnh. Anh đặt tên nó là Hàn Lư. Anh thường đùa với nó:

- Mà được ta chăm nuôi, mà có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

Mấy tháng sau, anh có việc phải trở về quê hương. Con chó phải ở lại. Nó quanh quẩn ra vào ở cửa phòng học. Ban ngày xua đuổi gà lợn, ban đêm phòng giữ kẻ gian. Nhiều khi bọn trẻ lãng quên, không cho ăn, tiếng sủa của con chó không còn được sang sảng nữa.

Bấy giờ, trong làng có một phú ông họ Trương thấy vậy, thương hại, đem com đến cho ăn. Vừa bước vào cửa phòng học, liền bị con chó cắn phải. Ông trách mắng:

- Hàn Lư! Hàn Lư! Vì thương mà đối lâu nay, nên ta đến đưa com cho mà ăn. Ta đâu phải là kẻ bất nhân! Mà tuy là giống vật, nhưng cũng biết suy nghĩ chút ít. Sao mà lại lấy oán trả ân?

Ông chưa dứt lời, con vật chồm lên, nhe răng, giơ vuốt, nói bằng tiếng người:

- Ngày chủ tôi đi có căn dặn tôi phải bảo vệ phòng học, trông nom bọn trẻ. Ngăn chặn kẻ ác, cảm đoán kẻ gian là trách nhiệm của tôi. Ông tới đột ngột, lại không có chủ tôi đón tiếp, thì bị cắn một miếng là đúng lẽ thôi! Thế mà còn trách mắng nặng lời gì nữa!

Thấy con chó biết nói tiếng người, lại nói đúng lẽ, phú ông thăm nghĩ trong bụng nó là con vật kì lạ, ý muốn dụ dỗ, bèn nói:

- Ông chủ của mà bản chất là thầy đồ nghèo. Mình hẳn chẳng đủ miếng ăn, lấy đâu ra dành cho mà nữa. Bây giờ chỉ bằng mà bỏ chỗ tối, tới chỗ sáng, bỏ nhà nghèo, tới nhà giàu, tìm nơi no đủ, sung sướng suốt đời, có phải hơn không? Tội gì mà phải chịu khổ mãi?

Con chó nói:

- Ôi! Ông cũng là người, sao nỡ mở miệng buông lời như thế. Kẻ sĩ trung nghĩa, không vì cùng hay thông mà thay đổi ý chí, cho nên đến mùa rét mới biết rõ bách tùng¹ tươi tốt hơn các cây khác, gặp gió mạnh mới hay cây đứng được vững chắc. Giống súc vật tuy khác với loài người, song vẫn có tính trời phú, biết giữ vững khí tiết đối với chủ của mình. Huống hồ ông chủ của tôi lại là một người luôn biết giữ lòng chân chính, sống nghề quang minh, trung để thờ vua, tín để kết bạn, hiếu với cha mẹ, hòa thuận họ hàng, trờ sắp giao cho trách nhiệm quan trọng, cho nên bắt phải cùng khổ thiếu thốn, để trau dồi cho được thành công tốt đẹp đó thôi! Ông nói năng lung tung chẳng đúng gì, nên tôi tha thứ cho. Nếu không miệng này sẽ cắn cho một miếng nữa, chẳng ngần ngại gì! Hãy mau mau lui về, chớ để sau phải hối tiếc!

Phú ông nghe xong, sửng sốt ngây dại, hiểu rõ con vật có nghĩa, không thể giành giật được, đành mang com ra về.

Vài hôm sau, Đào Cảnh Long trở về, con chó mừng rỡ ra cửa đón tiếp, hình dáng tiêu tụy khôn xiết. Nghe xóm giềng kể lại câu chuyện, Đào Cảnh Long cảm động lắm, ngậm ngùi lấy làm lạ mãi. Anh kiểm tra lại phòng sách, thì khóa cửa không di chuyển, giường chiếu còn y nguyên, đều là nhờ con chó hết sức canh giữ.

Lời bình: Ôi! Con chó là loài súc vật, mà còn biết giữ lòng tiết nghĩa thờ chủ. Dù dùng lời đường mật dụ dỗ, cũng không thể lay chuyển lòng dạ sắt đá của nó. Huống gì con người ăn lộc nhà vua, nếu giữ vững đầy đủ cái lòng tiết nghĩa ấy để đền ơn nước, xông ra đánh giặc, giặc nào chẳng tan; cố sức giữ thành, thành nào chẳng vững...

Than ôi! Sao mà lòng người chẳng còn được như xưa, thói đời đổi thay nhiều dạng? Lúc nước nhà yên vui thì bợ đỡ cầu vinh, lúc cuộc đời rối ren thì trở mặt đổi giọng, bán nước kiếm

ăn, theo thời cầu lợi, không còn chút liêm sỉ, thật là quá quắt!

Vì vậy, tôi cho rằng ở đời nhiều kẻ không bằng con Hàn Lư đấy! Nhân ghi lại mẩu chuyện để răn bảo người đời.

(Phạm Quý Thích², in trong *Truyện truyền kì Việt Nam*, Vũ Ngọc Khánh - Nguyễn Quang Ân sưu tầm, tuyển chọn, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.320 – 332)

Chú thích:

¹ *Bách tùng*: (cây tùng, cây bách) các loại cây thuộc họ thông, thường dùng để ví cho lòng kiên trinh.

²Phạm Quý Thích (1760-?) là một danh sĩ người xã Hoa Đường, huyện Đường An, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Ông đỗ Hương cống năm 18 tuổi và sau đó đỗ Tiến sĩ, được bổ nhiệm chức Hiệu thảo Viện Hàn lâm và Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc dưới triều Lê. Thời Tây Sơn, ông ở ẩn, nhưng sau đó tiếp tục tham gia triều Nguyễn, giữ chức Thị trung Học sĩ và tước Thích An hầu. Phạm Quý Thích được đánh giá là tác gia tiêu biểu, là người nối kết ba triều đại Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn. Tâm trạng của ông phản ánh tâm tư của nhiều nhà nho cùng thời, đặc biệt qua thơ văn, ông thể hiện những suy nghĩ sâu sắc của mình về thời cuộc. Truyện “*Bản gia nghĩa khuyến truyện*” là một số những tác phẩm thể hiện tư tưởng trung quân của ông trước thời buổi triều đại loạn lạc.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Tóm tắt các sự kiện trong đoạn trích trên.

Câu 2. Xác định 01 chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 3. Phân tích sự trung thành của con chó trong đoạn trích trên.

Câu 4. Anh/ Chị hiểu như thế nào về lời bình của người kể chuyện ở cuối đoạn trích?

Câu 5. Truyện “*Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo*” gợi cho anh/ chị những bài học gì trong cuộc sống? (Trình bày khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vai trò của chi tiết kì ảo được sử dụng trong truyện *Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo* (Phạm Quý Thích).

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về những thách thức mà tuổi trẻ cần vượt qua trong thời đại mới.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 8 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	<p>Các sự kiện trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Đào Cảnh Long, một thầy đồ nghèo, nuôi một con chó tên Hàn Lư và rất yêu quý nó. ● Khi anh về quê, con chó ở lại trông giữ phòng học, dù bị đói khát và không được ai chăm sóc. ● Phú ông họ Trương thấy vậy, đem cơm đến cho nó ăn nhưng bị nó cắn. ● Con chó Hàn Lư biết nói tiếng người, tranh luận với phú ông về lòng trung nghĩa. ● Phú ông dụ dỗ nó theo mình để hưởng cuộc sống giàu có, nhưng con chó từ chối, khẳng định lòng trung thành với chủ. ● Khi Đào Cảnh Long trở về, con chó mừng rỡ, dù tiêu tụy nhưng vẫn hoàn thành nhiệm vụ giữ nhà. 	0,5
	2	Yếu tố kì ảo trong đoạn trích: chú chó Hàn Lư biết nói tiếng người.	0,5
	3	<p>Sự trung thành của con chó được thể hiện qua nhiều biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng trung nghĩa và tận tụy với chủ: + Dù bị đói khát, vẫn không bỏ nhiệm vụ bảo vệ phòng học. + Khi phú ông mang cơm đến, nó cắn ông ta vì nghĩ ông là kẻ lạ, thể hiện sự trung thành tuyệt đối. + Khi phú ông dụ dỗ, nó không dao động, lập luận sắc bén để bảo vệ quan điểm trung nghĩa. - Hàn Lư trung thành với Đào Cảnh Long không chỉ vì tình cảm mà còn vì nhận thức rõ giá trị của khí tiết, giống như con người có lí tưởng. 	1,0
	4	<p>Lời bình ở cuối văn bản thể hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm cảm phục của người kể chuyện đối với lòng trung thành và nghĩa khí của con chó. - Đồng thời, lời bình cũng phê phán những con người dễ dàng thay đổi lòng dạ vì lợi ích cá nhân trong xã hội loạn lạc. Điều này phản ánh sự lên án thái độ vô liêm sỉ và thiếu trung thực của một số người trong xã hội đương thời. 	1,0
	5	<p>HS có thể nêu một số bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chúng ta cần giữ vững khí tiết, lòng trung nghĩa trong bất kì hoàn cảnh nào. + Không được thỏa hiệp với cái xấu, cái ác, đánh mất lòng trung nghĩa vì lợi danh. + Cần đề phòng những cám dỗ trong cuộc đời. 	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vai trò của chi tiết kì ảo được sử dụng trong truyện " <i>Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo</i> " (Phạm Quý Thích).	
		<p>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. - Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch hoặc tổng - phân - hợp. 	0,25
		<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>Vai trò của chi tiết kì ảo được sử dụng trong truyện "<i>Chuyện con chó</i>"</p>	0,25

	<i>có nghĩa của một nhà nghèo” (Phạm Quý Thích).</i>	
	<p><i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý: + Khái niệm chi tiết kì ảo trong truyện truyền kì. + Xác định một số chi tiết kì ảo trong truyện. + Phân tích tác dụng của chi tiết kì ảo: *) Giúp tác giả bộc lộ quan điểm về lòng trung nghĩa, trung thành. *) Đồng thời, qua đó cũng góp phần phê phán lối sống bất nghĩa của nhiều con người trong xã hội. *) Tạo ra sự sinh động, khiến câu chuyện thêm hấp dẫn, thú vị, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc. <p>- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.</p>	1,0
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liệt kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về những thách thức mà tuổi trẻ cần vượt qua trong thời đại mới.	4,0
	<p><i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i></p> <p>Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài</i></p> <p>Những thách thức mà tuổi trẻ cần vượt qua trong thời đại mới</p>	0,5
	<p><i>c. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận – những thách thức mà tuổi trẻ cần vượt qua trong thời đại mới. * Thân bài: - Giải thích vấn đề - Bàn luận: + Phân tích những thách thức mà tuổi trẻ cần vượt qua trong thời đại mới. *) Tôn thờ chủ nghĩa vật chất, lối sống hưởng thụ *) Sử dụng công nghệ chưa phù hợp *) Kiên trì, quyết tâm thực hiện ước mơ ... + Đánh giá ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề với tuổi trẻ. - Trao đổi với ý kiến khác * Kết bài: Khẳng định lại vấn đề và liên hệ bản thân. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữ lí lẽ và bằng chứng. <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i>	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 9

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NGƯỜI ĐÀN BÀ NGỒI ĐÀN

Ý Nhi

*Giữa chiều lạnh
Một người đàn bà ngồi đàn bên cửa sổ
Vẻ vừa nhẫn nại vừa vội vã
Nhẫn nại như thể đó là việc phải làm suốt đời
Vội vã như thể đó là lần sau chót*

*Không một lần nào chị ngẩng nhìn lên
Chị đang qua những phút giây trước lần gặp mặt
Hay sau buổi chia ly
Trong môi đàn kia ẩn giấu niềm hân hoan hay
nỗi lo âu
Trong đôi mắt kia là chán chường hay hi vọng*

*Không thở dài
Không mỉm cười
Chị đang giữ kín đau thương
Hay là hạnh phúc
Lòng chị đang tràn đầy niềm tin
Hay là ngờ vực*

*Giữa chiều lạnh
Một người đàn bà ngồi đàn bên cửa sổ
Dưới chân chị
Cuộn len như quả cầu xanh
Đang lăn những vòng chậm rãi*

(Bài thơ sáng tác tháng 1/1984, in trong tập *Tuyển tập Ý Nhi*, NXB Hội Nhà văn, 2011)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Liệt kê trong văn bản các từ ngữ, hình ảnh được dùng để phán đoán tâm trạng của người đàn bà.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ điệp cấu trúc ở khổ thơ đầu và khổ thơ cuối văn bản.

Câu 4. Nêu ý nghĩa của nhan đề *Người đàn bà ngồi đàn*.

Câu 5. Qua việc đọc văn bản, hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất đối với anh/chị và lí giải vì sao.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong bài thơ *Người đàn bà ngồi đàn* (Ý Nhi).

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của tuổi trẻ với sự phát triển của quê hương, đất nước.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 9 - ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của văn bản: số tiếng/ số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng tên thể thơ: 0,25 điểm. - Học sinh lời đúng dấu hiệu nhận biết thể thơ: 0,25 điểm.	0,5
	2	Các từ ngữ, hình ảnh được dùng để phán đoán tâm trạng của người đàn bà trong văn bản: - vừa nhẫn nại, vừa vội vã - Không thờ dài - Không mỉm cười - giữ kín đau thương hay là hạnh phúc - tràn đầy niềm tin hay là ngờ vực - niềm hân hoan hay nỗi lo âu - chán chường hay hi vọng Hướng dẫn chấm: - Học sinh liệt kê được từ 4 từ ngữ, hình ảnh: 0,5 điểm. - Học sinh được từ 4 từ ngữ, hình ảnh: 0,25 điểm.	0,5
	3	- Biện pháp tu từ điệp cấu trúc: <i>Giữa chiều lạnh</i> <i>Một người đàn bà ngồi đan bên cửa sổ</i> - Hiệu quả: + Nhấn mạnh hình ảnh người đàn bà ngồi đan trong không gian bên cửa sổ, vào thời gian một buổi chiều lạnh. Hành động lặp đi lặp lại, âm thầm mà mạnh mẽ. + Gợi những liên tưởng về cuộc sống: sự sống là tuần hoàn, tiếp nối liên tục; mỗi con người luôn cô đơn trong hành trình sống của mình,... + Tạo ra kết cấu đầu cuối tương ứng cho văn bản, tạo sự liên kết cho mạch cảm xúc của bài thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh chỉ ra được dấu hiệu của BPTT: 0,25 điểm. - Học sinh nêu được 3 tác dụng: 0,75 điểm; 2 tác dụng: 0,5 điểm; 1 tác dụng: 0,25 điểm.	1,0
	4	Ý nghĩa của nhan đề <i>Người đàn bà ngồi đan</i> : - Nhan đề mở ra hình tượng chính của văn bản: người đàn bà ngồi đan - hình ảnh rất quen thuộc, bình thường của cuộc sống. - Nhan đề giàu sức gợi, mở ra nhiều tầng ý nghĩa: + <i>Người đàn bà</i> tượng trưng cho những con người bình thường; hành động <i>ngồi đan</i> tượng trưng cho những việc làm hết sức bình thường trong cuộc sống. + Người đàn bà kiệm lời, chăm chú làm việc, ở chị có thể chứa đựng rất nhiều trạng thái cảm xúc vui, buồn, phong phú, khó nắm bắt như chính bản chất phức tạp của cuộc sống. - Nhan đề góp phần thể hiện tư tưởng, quan niệm của tác giả về cuộc sống: cuộc sống đang diễn ra, đang vận động; bề mặt có thể bình lặng, yên ổn nhưng bên trong nó luôn có những sự vận động, đấu tranh, âm thầm mà quyết liệt. Hành trình sống của con người là một hành trình có vẻ đơn giản nhưng đầy nhẫn nại, nghị lực. Hướng dẫn chấm:	1,0

		- Học sinh trả lời được 3 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	
	5	HS đưa ra thông điệp và lí giải. Gợi ý thông điệp: - Bản chất sự sống: thay đổi, bất định, khó nắm bắt... - Không vội vàng phán xét hay kết luận về các hiện tượng cụ thể của sự sống. - Biết trân trọng từng giây phút của sự sống. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được thông điệp: 0,5 điểm. - Học sinh lí giải được thông điệp: 0,5 điểm.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong bài thơ <i>Người đàn bà ngồi đan</i> (Ý Nhi).	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Bảo đảm yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Nét đặc sắc về nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong bài thơ <i>Người đàn bà ngồi đan</i> (Ý Nhi).	0,25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Từ ngữ: + động từ mô tả hành động của người đàn bà - những hành động có ý nghĩa biểu tượng + tính từ: gợi ra, mô tả đặc điểm của đối tượng: <i>chiều lạnh, cuộn len như quả cầu xanh</i> ; phán đoán tâm trạng của người đàn bà: được tổ chức theo cặp đối lập → gợi mở bản chất của sự sống: sự sống là sự vận động của những mặt đối lập + từ phủ định <i>không</i> - Hình ảnh: người đàn bà ngồi đan – giàu ý nghĩa biểu tượng - BPTT: phong phú: điệp cấu trúc, so sánh, liệt kê Nhận xét: - Hình thức thơ tự do, ngôn từ vừa gân gỏi vừa hàm súc làm cho hình ảnh, giai điệu trong bài thơ vừa quen thuộc, vừa mở ra những thế giới ý nghĩa phong phú, bí ẩn, trừu tượng. - Góp phần thể hiện nét phong cách thơ Ý Nhi: nhỏ nhẹ, kín đáo, nữ tính nhưng cũng rất mực tài hoa, dữ dội,...	1,0
		d. Diễn đạt Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.	0,25

	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vai trò của tuổi trẻ với sự phát triển của quê hương, đất nước.</i>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài: - Giải thích: + Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người, nơi mỗi người cất tiếng khóc chào đời, nơi đó có gia đình, người thân, bạn bè, tình làng nghĩa xóm, nơi chứa đựng những kỷ niệm, những ký ức tuổi thơ; nơi luôn bảo bọc, chở che, lặng lẽ ngắm nhìn, lặng lẽ chứng kiến sự trưởng thành của mỗi chúng ta. + Tuổi trẻ gắn liền với sức khỏe, trẻ trung, năng động, luôn khao khát những điều mới mẻ.... Với sự trẻ trung, sức lực và sự sáng tạo thì tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển của quê hương, đất nước. - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: <i>Tuổi trẻ cần phải có trách nhiệm với quê hương đất nước vì:</i> + Quê hương tươi đẹp như ngày hôm nay phải đánh đổi bằng bao nhiêu xương máu các thế hệ cha anh đi trước, + Quê hương, đất nước đã cho ta hình hài, sương máu, góp phần tạo nên bản sắc cá nhân của mỗi người, + Tuổi trẻ là những người năng động, sáng tạo, sống có hoài bão, có lí tưởng,... trở thành trụ cột của quê hương, đất nước. ... <i>Để thể hiện trách nhiệm với quê hương, đất nước tuổi trẻ cần phải:</i> + Có tình yêu, niềm tự hào, sự biết ơn,... đối với quê hương, đất nước + Tích cực học tập, rèn luyện bản thân để cống hiến tài năng cho đất nước. + Tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác. ... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện... * Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.</p>	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

----- HẾT -----

ĐỀ SỐ 10

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nếu có những chữ này kẻ thật đẹp vào một cái bảng để trước chỗ chúng tôi ngồi có lẽ những người đi đường mới thêm để ý và chúng tôi mới thoát khỏi nạn ngồi giờ mặt cho ruồi bâu. Theo lời mẹ làm nghề đưa người ở, tôi đã ra góc phố Amiral Courbet từ 7 giờ. Thoạt đầu chỉ có bọn bầy đưa chúng tôi ở hàng cơm ra. Về sau, cứ mỗi lúc lại thấy một vài đứa nữa, không biết từ đâu mà chui ra, để ở trên cao rơi xuống cũng chưa biết chừng, cũng đến họp ở ngã tư này, như ruồi thấy mùi mật vậy. Vì chúng tôi không cần có việc nên tôi thản nhiên được mà nhìn bọn người đến tranh cơm cướp áo nhau trong bọn họ. Còn cái thằng quít đã thức suốt đêm với tôi hôm qua ở hàng cơm thì mỗi lúc thấy một ai, bất cứ đực hay cái, đến giữ chỗ, là lại càu nhàu:

- Giời ơi! Lại cứ thêm thêm mãi thì bao giờ cho tôi mới có việc đây!

Thật vậy, bất cứ ở bậc thang nào trong xã hội, một kẻ đồng nghiệp cũng là một kẻ đáng ghét. Mẹ vú già cũng cầm câu chửi một câu bằng quơ:

- Tiên nhân nhà nó ra! Cứ ùn mãi người lên thế này!

Cả đám người ấy ngồi tản mạn thành từng tốp nhỏ nhỏ. Trẻ với trẻ, già với già, đàn bà với đàn bà, con trai với con trai. Mà mẹ đưa người thì không ngồi, chỉ đi đi lại lại, nhìn người này, nhìn người nọ như một viên võ quan lúc điểm binh và mấp máy cái mồm, không hiểu là đếm hay là đánh giá những kẻ chịu lụy mẹ. Người ta nói chuyện rì rầm huyền thuyên lên, cái đó đã cố nhiên. Người ta lại chửi nhau cho vui, và bắt chấy cho nhau cắn đỡ đối.

Tôi thấy mẹ trùm ế hàng mà tôi lo cho bọn khốn nạn kia. Còn chính mẹ, mẹ lại ra ý sung sướng, tôi chưa hiểu vì lẽ gì. Rồi tôi nghĩ đến bọn thất nghiệp ở Cảng, hẹn nhau một chỗ nhất định, họp đông hơn đám biểu tình. Đàng này, Hà thành không có sự tổ chức, đám dân hạ lưu chia nhau ra khắp các phố, thành thử những người lịch sự tưởng Hà thành lịch sự, mà các nhà xã hội học - cũng tưởng là Hà thành không có chuyện gì bi thương...

Chính ra, nó rất là thương tâm...

Nó đã cất tiếng gọi dân quê bỏ những nơi đồng khô cỏ héo để đến đây chết đói một lần thứ hai sau khi bỏ cửa bỏ nhà. Nó đã làm cho giá con người phải ngang hàng với giá loài vật; nó đã làm cho một bọn trẻ đực vào nhà Hỏa lò và một bọn trẻ cái làm nghề mãi dâm!

Muốn bán mười sáu người!

Cả buổi sáng hôm nay không có một khách hàng nào muốn mua.

Vậy 16 kẻ kia đáng giá như thế nào? Đó là tại bán đắt nên ế hàng hay là bán rẻ mà cũng vẫn ế?

(Trích *Cơm thầy cơm cô*, Vũ Trọng Phụng*, NXB Văn học, 2016)

Chú thích:

***Vũ Trọng Phụng** (1912 - 1939): nhà văn, nhà báo, quê ở làng Hào, huyện Mĩ Hào, tỉnh Hưng Yên, sống ở Hà Nội từ nhỏ; là một trong những đại diện xuất sắc nhất của trào lưu hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng bao gồm: truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết và phóng sự, luôn đề cập đến những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của xã hội đương thời với cái nhìn bao quát sâu rộng và giọng văn sắc sảo, có phần đắng cay, chua chát: phóng sự *Kĩ nghệ lấy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936), *Lục xì* (1937); tiểu thuyết *Số đỏ* (1936), *Giông tố* (1936)... (Theo *Từ điển Văn học*, Bộ mới, NXB Thế giới, 2004).

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản trên.

Câu 2. Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh miêu tả *đám người ngồi chờ việc* trong văn bản.

Câu 3. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản.

Câu 4. Phân tích tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

Câu 5. Từ nội dung của văn bản trên, anh/ chị trình bày suy nghĩ về giá trị của bản thân mỗi người trong cuộc sống.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) so sánh bức tranh mùa thu của Anh Thơ và Tế

Hành qua hai đoạn thơ sau:

Trước cảnh chiều thu Anh Thơ viết:

*Mây sẫm lại trên ao đầy khói lớt
Bụi chuối vàng run đón gió bay qua
Tiếng dế kêu rì rào bên rãnh nước
Nhịp chuông chiều văng vẳng mái chùa xa.*

(Trích *Chiều thu*, Anh Thơ, *Bức tranh quê*, NXB Hội Nhà văn, 1995)

Còn nhà thơ Tế Hanh lại cảm nhận:

*Trời xanh một màu xanh mênh mông
Chiều thu lúa gặt phẳng phiu đồng
Phương tây ánh nắng vừa li biệt
Đã thấy trăng chào sáng phía đông.*

(Trích *Chiều thu*, Tế Hanh, *Khúc ca mới*, NXB Văn học, 1966)

Câu 2. (4,0 điểm)

Hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho bạn bè, trao đổi về phương pháp học tập tốt một môn học mà anh/ chị yêu thích.

-----HẾT-----

ĐỀ SỐ 10 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể loại: phóng sự	0,5
	2	Từ ngữ, hình ảnh miêu tả <i>đám người ngồi chờ việc</i> trong văn bản là: <i>ngồi tằn mạn thành từng tốp nhỏ nhỏ; trẻ với trẻ, già với già, đàn bà với đàn bà, con trai với con trai; nói chuyện rì rầm huyền thuyên; chửi nhau cho vui; bắt chấy cho nhau cắn đỡ đỡ.</i>	0,5
	3	Cảm hứng chủ đạo: Nhà văn lên án xã hội thực dân nửa phong kiến tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người khiến họ rơi vào thảm cảnh bất công, đau đớn. Qua đó bày tỏ niềm xót thương, ái ngại đối với những kiếp người nghèo khổ trong xã hội.	1,0
	4	- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, xưng “tôi” - Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể: Người kể chuyện xưng “tôi” đã trực tiếp kể lại những gì mình chứng kiến, trải qua. Ngôi kể giúp phản ánh chân thực, chi tiết hiện thực đời sống của người dân nghèo trở thành nạn nhân của bọn buôn người ở xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.	1,0
	5	- Nội dung của văn bản: Phản ánh giá trị rẻ rúng của người dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Suy nghĩ về giá trị bản thân của mỗi người trong cuộc sống: HS trình bày suy nghĩ của cá nhân. Có thể theo hướng sau: + Mỗi người sinh ra đều có những giá trị khác nhau, vì vậy không thể so sánh giữa người này với người khác. + Giá trị bản thân không đơn thuần là điểm mạnh của bản thân mà còn là sự đóng góp, là vai trò của mỗi người với mọi người xung quanh. + Giá trị bản thân không phụ thuộc vào địa vị hay tiền bạc và phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người trong cuộc sống.	1,0
II		VIẾT	6,0
		Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) so sánh cảm bức tranh mùa thu của Anh Thơ và Tế Hanh qua hai đoạn thơ trên.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i> Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> So sánh bức tranh mùa thu của hai tác giả trong hai đoạn thơ.	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Sau đây là một số gợi ý: * Giống nhau: bức tranh chiều thu hiện lên bình dị, gần gũi với những hình ảnh thiên nhiên quen thuộc của mùa thu ở nông thôn Việt Nam. * Khác nhau - <i>Chiều thu</i> của Anh Thơ là một bức tranh màu tối sẫm, có tiếng chuông chùa, thời gian như ngưng đọng, con người vắng bóng; chứa nỗi buồn man mác. - <i>Chiều thu</i> của Tế Hanh là bức tranh bầu trời xanh cao; thời gian vận động, chiều thu chứa đựng niềm vui hân hoan.	1,0

	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo những quy tắc về chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Hãy viết một bức thư gửi cho bạn bè, trao đổi về phương pháp học tập tốt một môn học mà anh/ chị yêu thích.	4,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Bức thư gửi cho bạn bè, trao đổi về phương pháp học tập tốt một môn học mà anh/ chị yêu thích.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn đảm bảo các yêu cầu sau</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng; trình bày được hệ thống các ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở đầu: Nêu địa điểm, thời gian viết thư, danh tính người nhận, lời chào mở đầu. * Nội dung: + Giới thiệu về môn học mà mình yêu thích và hiệu quả học tập môn học ấy. + Chỉ ra một số khó khăn của việc học môn học này (nêu rõ những hạn chế, khó khăn đối với học sinh...). + Trao đổi một số phương pháp hiệu quả mà bản thân đã áp dụng (có minh chứng cụ thể, xác thực, rõ ràng...). + Trao đổi về những lưu ý khi thực hiện phương pháp trên. * Kết thúc: Gửi lời chúc và lời cảm ơn, nêu danh tính người viết thư <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ quan điểm, suy nghĩ riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 11

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THẾ GIỚI QUẢ LÀ RỘNG LỚN VÀ CÓ RẤT NHIỀU VIỆC PHẢI LÀM

Ngoài kia là cả một thế giới rộng lớn đang chờ bạn và ở đó rất nhiều việc phải làm. Bạn phải tìm những nơi chưa ai từng đến và phải làm những việc chưa ai từng làm. Lịch sử chính là do những con người quyết tâm làm những điều chưa ai từng làm tạo nên.

Đi tiên phong dĩ nhiên gặp nhiều nguy hiểm, nhưng đó là điều không thể tránh khỏi. Những người đi tiên phong chọn những con đường chưa được khai phá, họ thậm chí phải chịu nhiều gian khổ. Nhưng nguy hiểm và sự công kích không làm những con người ấy bận tâm; họ lao lên phía trước, mở ra những con đường mới và nhiều thành công mới, cuối cùng người ta sẽ ca ngợi họ về những gì mà họ đã làm.

Lịch sử đã minh chứng rằng sự phũ phàng của các dân tộc được tạo nên nhờ tinh thần tiên phong và sự lụi tàn là do tinh tự mãn, lờn tránh bổn phận. Liệu Hoa Kỳ có được cường thịnh và hùng mạnh như vậy không nếu không có được tinh thần của những người tiên phong? Khi khai phá mảnh đất miền Tây, chính phủ đã giao đất cho những người muốn khai thác và điều đó đã góp phần động viên mạnh mẽ tinh thần tiên phong của họ. Tinh thần tiên phong đã có tác động lớn trong việc làm cho nước Mỹ được như ngày hôm nay, đó là điều không ai có thể bãi bỏ được. Thế còn Tây Ban Nha thì sao? Họ đã ủng hộ một người “mộng tưởng” là Columbus và ông ta đã phát hiện ra cả một thế giới mới. [...]

Bạn là thanh niên. Vậy hãy trở thành người đi tiên phong. Đi tiên phong mới là cách sống thực sự. Thế giới đang trở nên khá nhỏ để có thể gọi nó là “Cái làng địa cầu”, nhưng vẫn còn rất nhiều nơi để việc nhưng vẫn có rất nhiều việc chưa ai từng làm. Hãy nghĩ đến cả khám phá. Hành tinh chúng ta có rất nhiều người đang làm rất nhiều thế giới và có những dự định to lớn, mà đừng sợ thất bại. Con đường của người tiên phong là con đường đơn độc, nhưng bạn phải tự mở đường cho tương lai của chính mình. Đó là tất cả những gì gọi là cuộc sống thật sự.

(Trích *Thế giới quả là rộng lớn và có rất nhiều việc phải làm*, Kim Woo Choong, dịch từ bản tiếng Anh, NXB Văn hoá Thông tin, 2003, tr.156-160)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra hai luận điểm của văn bản.

Câu 3. Nêu tác dụng của việc sử dụng các dẫn chứng trong văn bản.

Câu 4. Anh/ Chị hãy đánh giá sự phù hợp giữa nội dung nghị luận và nhan đề của văn bản.

Câu 5. Anh/ chị có đồng ý với quan niệm sau của tác giả không: *Con đường của người tiên phong là con đường đơn độc, nhưng bạn phải tự mở đường cho tương lai của chính mình?* Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/ chị về cách ứng xử của tuổi trẻ trước cái mới trong thời đại công nghệ số.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích những đặc sắc trong ngôn ngữ của người kể chuyện ở đoạn trích sau:

[...]

Đám cứ đi...

Đến huyết, lúc hạ quan tài, cậu tú Tân luôn thụt trong chiếc áo thụng trắng đã bắt bẻ từng người một, hoặc chống gậy, hoặc gục đầu, hoặc cong lưng, hoặc lau mắt như thế này, như thế nọ... để cậu chụp ảnh kỷ niệm lúc hạ huyết. Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngôi ma khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau.

Xuân Tóc Đỏ đứng cầm mũ nghiêm trang một chỗ, bên cạnh ông Phán mọc sừng. Lúc cụ Hồng ho khạc máu và ngất đi, thì ông này cũng khóc to “Hút!... Hút!... Hút!...”

Ai cũng để ý đến ông cháu rể quý hoá ấy.

Ông ta khóc quá, muốn lặng đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chạt vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng loè xòe, ông phán cứ oạt người đi, khóc mãi không thôi.

- Hút!... Hút!... Hút!...

Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách ra chợt thấy ông Phán dúi vào tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư... Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy, rồi đi tìm cụ Tăng Phú lạc trong đám ba trăm người đương buồn rầu và đau đớn về những điều sơ suất của khô chủ. [...]

(Trích *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng*, in trong *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, NXB Văn học, 2015, tr.228-237)

Chú thích:

***Vũ Trọng Phụng** (1912 - 1939): nhà văn, nhà báo, quê ở làng Hảo, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, sống ở Hà Nội từ nhỏ; là một trong những đại diện xuất sắc nhất của trào lưu hiện thực trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng bao gồm: truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết và phóng sự, luôn đề cập đến những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của xã hội đương thời với cái nhìn bao quát sâu rộng và giọng văn sắc sảo, có phần đắng cay, chua chát: phóng sự *Kỹ nghệ lấy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936), *Lục xì* (1937); tiểu thuyết *Số đỏ* (1936), *Giông tố* (1936)... (Theo *Từ điển Văn học*, Bộ mới, NXB Thế giới, 2004).

Số đỏ là một trong những tiểu thuyết xuất sắc trong nền văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

Đoạn trích nằm ở phần cuối chương XV của tiểu thuyết *Số đỏ* nói về cái chết của cụ cố tổ và cảnh tang gia trong gia đình cụ cố Hồng. Đoạn trích thể hiện một số nét đặc trưng trong ngôn ngữ tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 11 - ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Luận đề của văn bản: Thanh niên phải trở thành người đi tiên phong. - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm	0,5
	2	Hai luận điểm của văn bản : - Đi tiên phong dĩ nhiên gặp nhiều nguy hiểm, nhưng đó là điều không thể tránh khỏi. - Bạn là thanh niên. Vậy hãy trở thành người đi tiên phong. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng hai luận điểm: 0,5 điểm - Trả lời được một luận điểm: 0,25 điểm - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm	0,5
	3	- Những dẫn chứng được sử dụng trong đoạn trích: + Sự hùng mạnh của đất nước Hoa Kì (Mĩ) nhờ có tinh thần của những người tiên phong khi khai phá mảnh đất miền Tây. + Đất nước Tây Ban Nha ủng hộ Columbus và ông đã phát hiện ra cả một thế giới mới (tìm ra châu Mĩ). - Tác dụng của các dẫn chứng: + Làm tăng tính thuyết phục, tính hấp dẫn cho lập luận. + Nhấn mạnh rằng sự phú cường của các dân tộc được tạo nên nhờ tinh thần tiên phong; củng cố hơn cho luận điểm của đoạn trích: Lịch sử chính là do những con người quyết tâm làm những điều chưa ai từng tạo nên. + Từ đó tác giả khuyên mỗi chúng ta cần có tinh thần tiên phong trong mọi lĩnh vực để mỗi người tự mở cánh cửa thành công của chính mình. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng như đáp án : 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý dẫn chứng: 0,25 đ, 2 ý : 0,5 đ - Trả lời được 1 tác dụng: 0,25; từ 2 tác dụng: 0,5 đ - Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 đ	1,0
	4	Đánh giá sự phù hợp giữa nội dung nghị luận và nhan đề của văn bản. - Nội dung nghị luận là: Khẳng định vai trò của tinh thần tiên phong và sứ mệnh tiên phong của thanh niên - Nhan đề của văn bản là: <i>Thế giới quả là rộng lớn và có rất nhiều việc phải làm</i> - Đánh giá sự phù hợp giữa nội dung nghị luận và nhan đề: Nội dung nghị luận hoàn toàn phù hợp và có mối liên hệ mật thiết với nhan đề của văn bản. Nhan đề là cơ sở để phát triển các mạch ý nội dung của văn bản. Nhan đề khẳng định sự rộng lớn của thế giới và có nhiều việc để con người phải làm, còn nội dung văn bản đã khẳng định vai trò của tinh thần tiên phong trong việc khám phá thế giới và phát triển đất nước, thế giới, từ đó khẳng định sứ mệnh của thế hệ trẻ trong việc đi tiên phong. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được nội dung và nhan đề: 0,5 điểm, 1 ý: 0,25đ	1,0

		- <i>Đánh giá: 0,5 điểm</i> - <i>Trả lời sai hoặc không trả lời: 0 điểm</i>	
	5	Anh/ chị đồng ý với quan niệm sau của tác giả không: “ <i>Con đường của người tiên phong là con đường đơn độc, nhưng bạn phải tự mở đường cho tương lai của chính mình</i> ”. Vì sao Trả lời: Đồng ý/ không đồng ý với quan niệm Lí giải thuyết phục, hợp lí: Hướng dẫn chấm: - <i>Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm</i> - <i>Hs trả lời đồng ý/ không đồng ý: 0,25 điểm</i> - <i>Lí giải hợp lí: 0,75 đ</i> - <i>Lí giải đúng nhưng chưa thuyết phục: 0,5 đ</i> - <i>Lí giải chung chung: 0,25 điểm</i> - <i>Lí giải sai hoặc không lí giải: 0 đ</i>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/ chị về cách ứng xử của tuổi trẻ trước cái mới trong thời đại công nghệ số.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Cách ứng xử của tuổi trẻ trước cái mới trong thời đại công nghệ số.	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Đề tiếp nhận cái mới hiệu quả cần: Biết phân biệt, hiểu rõ mặt tích cực và hạn chế của cái mới trong thời đại số, cũng như xác định mục đích sử dụng cái mới trong cuộc sống. - Tiếp nhận cái mới trong thời đại số nhưng không đánh mất giá trị của chính mình để cái mới hòa hợp với những giá trị cốt lõi và bản sắc văn hóa truyền thống. - Tránh những ứng xử bảo thủ, kỳ thị với cái mới hoặc hòa theo thái quá theo tâm lí đám đông.	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích những đặc sắc trong ngôn ngữ của người kể chuyện ở đoạn trích.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Những đặc sắc trong ngôn ngữ của người kể chuyện ở đoạn trích.	0,5
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần	2,5

	<p>nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</p> <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ của người kể chuyện ngôi thứ ba. - Sử dụng câu văn ngắn, các dấu chấm lửng, ngôn ngữ mang dấu ấn đời sống đô thị Việt Nam đầu thế kỉ XX (<i>Đám cứ đi...; tú Tân; ông Phán; giấy bạc;...</i>) - Phản ánh thái độ mỉa mai, châm biếm (<i>Ai cũng để ý đến ông cháu rể quý hoá ấy,...</i>) - Sự kết hợp ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật tạo nên sắc thái trào phúng độc đáo. - Đánh giá: Đoạn trích mang đặc trưng cho phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng: trào phúng, châm biếm, mỉa mai, sâu sắc. Ngôn ngữ người kể chuyện làm cho câu chuyện hấp dẫn, thu hút sự chú ý của độc giả. Đồng thời làm nổi bật được nội dung: lên án xã hội những năm đầu thế kỷ XX - xã hội Âu hóa, con người chạy theo đồng tiền, băng hoại về đạo đức, thiếu tình người đặc biệt tình ruột thịt. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <p>Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 12

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

BIỂN, NÚI, EM VÀ SÓNG

*Xin cảm ơn những con đường ven biển
Cho rất nhiều đôi lứa dẫn nhau đi
Cảm ơn sóng nói thay lời dào dạt
Hàng thùy dương nói hộ tiếng thầm thì*

*Anh như núi đứng nghìn năm chung thủy
Không ngại đầu dù chạm tới mây bay
Yêu biển vô dới chân mình dào dạt
Dẫu đôi khi vì sóng núi hao gầy...*

*Anh như núi đứng suốt đời ngóng biển
Một tình yêu vươn chạm tới đỉnh trời
Em là sóng nhưng xin đừng như sóng
Đã xô vào xin chớ ngược ra khơi*

*Cảm ơn em dịu dàng đi bên cạnh
Biển ngoài kia xanh quá nói chi nhiều
Núi gần quá - sóng và em gần quá
Anh đủ lời để tỏ một tình yêu.*

(Theo Đỗ Trung Quân, *Biển, núi, em và sóng*,
<http://tapchisonghuong.com.vn>, ngày 30/01/2013)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Chỉ ra chủ thể trữ tình trong văn bản

Câu 2. Xác định đề tài của văn bản

Câu 3. Phân tích tác dụng phép tu từ so sánh trong khổ được in đậm

Câu 4. Lí giải ý nghĩa của lời cảm ơn trong khổ thơ mở đầu và khổ thơ cuối.

Câu 5. Anh/chị hãy nhận xét tình cảm của chủ thể trữ tình được thể hiện trong văn bản.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh chị hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ cảm nhận về đẹp tâm hồn nhân vật “anh” trong khổ thơ in đậm ở văn bản phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm):

Trước những áp lực của cuộc sống hiện đại, nhiều bạn trẻ lựa chọn sống trong vùng an toàn nhưng cũng có nhiều bạn bước ra khỏi vùng an toàn để khám phá thế giới rộng lớn ngoài kia.

Là một người trẻ, anh/chị lựa chọn cách sống nào? Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) lí giải cho sự lựa chọn đó.

- HẾT

ĐỀ SỐ 12 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Chủ thể trữ tình: “anh”	0,5
	2	Đề tài: tình yêu	0,5
	3	- Phép so sánh: <i>anh như núi, em là sóng</i> - Tác dụng: + Tăng tính sinh động, gợi hình, gợi cảm cho đoạn thơ + Khẳng định một tình yêu cao cả, thủy chung, bền chặt bất chấp vật cản, bất chấp thời gian	1,0
	4	Ý nghĩa của lời cảm ơn trong khổ thơ mở đầu và khổ thơ cuối: - Bài thơ mở đầu bằng lời <i>cảm ơn những con đường ven biển</i> và kết thúc bằng lời <i>cảm ơn em</i> . - <i>Những con đường ven biển</i> vừa là nhân chứng của tình yêu, vừa góp phần điểm tô cho tình yêu thêm ý nghĩa. <i>Cảm ơn em</i> bởi dù có sóng gió bất chợt, thì cuối cùng, em vẫn dịu dàng bên anh, anh cảm nhận được tình em rộng lớn và sâu sắc như tình biển. - Cách mở đầu và kết thúc như vật tạo nên sự nhất quán trong mạch cảm xúc của bài thơ, đem lại cho người đọc những suy ngẫm, ấn tượng sâu sắc về một tình yêu thủy chung, trọn vẹn.	1,0
	5	- Tình cảm của chủ thể trữ tình: + Niềm yêu mến, sự trân trọng, biết ơn đối với cảnh vật, thiên nhiên tuyệt đẹp. + Tình yêu, sự biết ơn, lòng chung thủy đối với <i>em</i> . - Nhận xét: Tình yêu chất chứa sâu thẳm trong lòng chủ thể trữ tình tuy nhẹ nhàng nhưng không kém phần tinh tế và sâu sắc	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về đẹp tâm hồn nhân vật “anh” trong khổ thơ in đậm.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu hình thức và dung lượng của đoạn văn</i> - Dung lượng đoạn văn: khoảng 200 chữ - Hình thức: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, phối hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Về đẹp tâm hồn nhân vật “anh” trong khổ thơ in đậm.</i>	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: Về đẹp tâm hồn nhân vật “anh” - Kiên định, chung thủy và nhất quán trong tình yêu, tin tưởng vào một tình yêu lâu bền - Tâm hồn nhạy cảm, nỗi lo mơ hồ trong tình yêu, từ quy luật của sóng cứ xô vào lại lặng ra xa, nhân vật trữ tình pháp phòng, lo sợ những bất trắc có thể xảy đến cho tình yêu bất cứ lúc nào. Tình yêu của núi với sóng biển, của anh với em là kiên định.	0,5
		<i>d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</i>	0,25
		<i>đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i>	0,25
	2	<i>Trước những áp lực của cuộc sống hiện đại, nhiều bạn trẻ lựa</i>	4,0

	<p>chọn sống trong vùng an toàn nhưng cũng có nhiều bạn bước ra khỏi vùng an toàn để khám phá thế giới rộng lớn ngoài kia.</p> <p>Là một người trẻ, anh/chị lựa chọn cách sống nào? Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) lí giải cho sự lựa chọn đó.</p>	
	a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) của bài văn	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Lựa chọn cách sống.	0,5
	<p>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</p> <p>Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>* Thân bài</p> <p>- Giải thích: <i>Vùng an toàn</i> được định nghĩa là một trạng thái tâm lí thỏa mãn về mặt cảm xúc khiến cho bản thân người đó cảm thấy thoải mái, quen thuộc với môi trường hiện tại mà không muốn đi ra khỏi môi trường đó.</p> <p>- Bàn luận: Lựa chọn cách sống và lí giải:</p> <p><i>Học sinh có thể chọn một trong 2 hướng sau hoặc kết hợp cả 2, song cần đảm bảo tính thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p> <p>+ Chọn sống trong vùng an toàn vì:</p> <p>++ Mỗi người có một năng lực, sở trường nhất định. Khi ở trong môi trường thuận lợi với mình, họ sẽ phát huy được hết năng lực để khẳng định bản thân</p> <p>++ Mang lại cảm giác bảo đảm và yên tâm, giúp cá nhân ổn định cuộc sống.</p> <p>+ Chọn cách sống bước ra khỏi vùng an toàn vì:</p> <p>++ Việc dũng cảm dần bước, rời khỏi vùng an toàn của mình sẽ mang lại cho người trẻ nhiều cơ hội mới trong công việc và cuộc sống.</p> <p>++ Khám phá được những năng lực mới của bản thân</p> <p>++ Mang đến nhiều mối quan hệ mới, mở mang hiểu biết về thế giới</p> <p>- Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác.</p> <p>* Kết bài: khái quát vấn đề nghị luận</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	2,5
	d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	TỔNG ĐIỂM: I + II	10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 13

Đọc văn bản sau:

ÁO

Tặng Mẹ

*Những tấm áo xưa con nhớ lắm
Mũi chỉ đường kim tay mẹ dịu dàng,
Tuổi thơ đâu những trưa hè xanh thắm
Tuổi thơ nằm trong áo nhỏ yêu thương*

*Con lớn thêm áo cũng lớn thêm
Mỗi bận mùa đông đi, trời bớt lạnh
Mưa xuân rơi, hoa cải vàng sắc nắng
Mẹ dành tiền may áo mới cho con*

*Con chỉ biết vui mỗi độ trăng tròn
Mỗi Tết đến nghe áo hoa sột soạt
Chưa biết mẹ thêm nếp nhăn đuôi mắt
Bởi lo lắng nhiều vất vả sớm hôm*

*Nhà đông anh em, áo thường xuống gấu
Mẹ còn chặt chiu từng mụn vá vai
Đâu những tối mẹ ngồi khâu lại áo
Khi bên thêm xào xạc gió heo may*

*Ngày tháng thoi đưa, con đã cao hơn mẹ
Chẳng hồn nhiên khi lòng con biết nghĩ
Áo dài hơn, tuổi mẹ cũng nhiều hơn
Dấu vá vai, màu bạc, chỉ sòn
Nhưng trong áo ấm đường khâu mẹ vá
Yêu mẹ nhiều nên áo cũ con thương.*

(In trong *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, Lưu Quang Vũ,
NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.11-12)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những điều người con “chỉ biết” và “chưa biết” trong văn bản.

Câu 3. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ điệp từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*Tuổi thơ đâu những trưa hè xanh thắm
Tuổi thơ nằm trong áo nhỏ yêu thương.*

Câu 4. Nhận xét tình cảm của chủ thể trữ tình dành cho mẹ được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Từ phát hiện của người con trong câu thơ: *Áo dài hơn, tuổi mẹ cũng nhiều hơn*, hãy nêu suy nghĩ của anh/ chị về những điều mỗi người cần làm cho mẹ.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh *những tấm áo* trong đoạn thơ sau:

*Những tấm áo xưa con nhớ lắm
Mũi chỉ đường kim tay mẹ dịu dàng,
Tuổi thơ đâu những trưa hè xanh thắm
Tuổi thơ nằm trong áo nhỏ yêu thương*

*Con lớn thêm áo cũng lớn thêm
Mỗi bận mùa đông đi, trời bớt lạnh*

*Mưa xuân rơi, hoa cải vàng sắc nắng
Mẹ dành tiền may áo mới cho con*

(Trích Áo, Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi,
Luu Quang Vũ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.11)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của tình cảm gia đình đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hiện đại.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 13 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ tự do.	0,5
	2	- Những điều người con chỉ biết: <i>vui mỗi độ trăng tròn; mỗi Tết đến nghe áo hoa sột soạt.</i> - Những điều người con chưa biết: <i>mẹ thêm nếp nhăn đuôi mắt - Bời lo lắng nhiều, vất vả sớm hôm.</i>	0,5
	3	Tác dụng: - Nhấn mạnh nỗi nhớ của chủ thể trữ tình về những kí ức sâu đậm trong tuổi thơ: tuổi thơ gắn với không gian, thời gian đẹp đẽ, tuổi thơ ấm áp vì có <i>áo nhỏ yêu thương</i> được may bằng <i>tay mẹ dịu dàng</i> ; gợi cảm xúc hoài niệm thân thương của CTTT khi nghĩ về những tháng năm êm đềm thời thơ ấu. - Tạo âm hưởng nhẹ nhàng, giọng điệu tha thiết, góp phần tạo nên sự liên kết lô-gích cho đoạn thơ,...	1,0
	4	- Tình cảm chủ thể trữ tình dành cho mẹ được thể hiện qua nỗi xúc động khi nhớ về tấm áo, về mẹ: + Tình yêu tha thiết đối với người mẹ dịu dàng, tảo tần đã chắt chiu trong từng miếng vá, từng mũi chỉ đường kim để khâu lại tấm áo rách cũ cho con, dành dụm tiền để con có được niềm vui mặc áo mới ngày Tết. + Sự thấu hiểu, biết ơn bao nỗi vất vả, sự hi sinh, bao nhiêu yêu thương mẹ dành cho con; là sự day dứt, xót xa khi nhận ra lúc con đã trưởng thành, đã biết nghĩ về sự vô tư của mình, về nỗi vất vả của mẹ thì mẹ đang ngày một già đi. - Tình cảm chủ thể trữ tình dành cho mẹ được thể hiện sâu sắc, chân thành, xúc động,...	1,0
5	- Phát hiện của người con trong câu thơ: sự trưởng thành của con tỉ lệ thuận với tuổi già của mẹ, con ngày một trưởng thành thì mẹ cũng ngày một già đi, ... - Điều mỗi người cần làm cho mẹ: + Biết ơn, trân trọng những gì mẹ đã làm cho các con, nâng niu kỉ niệm thuở ấu thơ và những ngày tháng bên mẹ. + Dành thời gian để về bên mẹ, thấu hiểu yêu thương, quan tâm, chăm sóc mẹ, ... + ...	1,0	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh những tấm áo trong đoạn thơ.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh <i>những tấm áo</i> trong đoạn thơ.	0,25
	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau: - Hình ảnh <i>những tấm áo</i> biểu tượng cho tình yêu, sự quan tâm, chăm sóc, hi sinh, ... của người mẹ dành cho người con; - Hình ảnh <i>những tấm áo</i> biểu tượng cho sự tự ý thức, niềm hạnh phúc, trân quý, ... của người con đối với tâm lòng, tâm tình của người mẹ dành	1,0	

	cho mình; - Hình ảnh <i>những tấm áo</i> biểu tượng cho tình yêu của người mẹ theo suốt hành trình sinh ra, lớn lên của người con. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, mẹ vẫn luôn dành tình cảm, những điều tốt đẹp nhất cho con. Thời gian, hoàn cảnh có thể thay đổi nhưng tình mẹ thì chẳng bao giờ đổi thay.	
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của tình cảm gia đình đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hiện đại.	4,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Sự cần thiết của tình cảm gia đình đối với tuổi trẻ trong cuộc sống hiện đại.	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Giải thích: + <i>Gia đình</i> : cộng đồng người sống chung, gắn bó với nhau bởi các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, tình cảm. + <i>Tình cảm gia đình</i> : tình cảm yêu thương, gắn bó, chia ngọt sẻ bùi của những người thân trong một gia đình, lớn hơn là một dòng họ. - Bàn luận: Trong cuộc sống hiện đại hôm nay, tình cảm gia đình có vai trò vô cùng quan trọng đối với thế hệ trẻ: + Cái nôi bồi dưỡng đạo đức, nhân cách. + Điểm tựa quan trọng cả về vật chất lẫn tinh thần. + Động lực thôi thúc thế hệ trẻ vượt qua thử thách, không ngừng vươn lên trong cuộc sống. + Tình cảm gia đình là hành trang quý báu để thế hệ trẻ sẵn sàng, tự tin hòa nhập với thế giới. - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 14

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

THAY ĐỔI SUY NGHĨ, THAY ĐỔI CUỘC ĐỜI

(1) Con người có vẻ như không có cách gì để ngăn cản được suy nghĩ của mình. Nhưng sự thật là có. Những ý nghĩ tiêu cực được tạo ra và nuôi dưỡng từ trí óc của ta. Chính vì vậy, chỉ có ta mới thay đổi được chúng. Thứ duy nhất cản trở tiến trình thay đổi này là bản thân chúng ta mà thôi.

(2) Để thay đổi cách suy nghĩ, chúng ta cần trải qua một quá trình gồm nhiều bước liên tục. Bước đầu tiên là sẵn sàng từ bỏ những kiểu suy nghĩ quen thuộc. Đây là bước từng khiến nhiều người trượt chân ngã sóng soài. Thật ra, khá nhiều người trong chúng ta không nhận ra suy nghĩ của mình là tiêu cực và mặc kệ nó. Nhưng một khi bạn bắt đầu nhận thấy lối suy nghĩ nào đó không phù hợp với mình nữa thì bước tiến quan trọng cần thiết là sẵn sàng thay đổi nó. Bước thứ hai là hình dung bạn đang sống trong một hoàn cảnh mới, thực hiện những vai trò mới, có thể là ở nơi làm việc, ở nhà hay ở giữa bạn bè. Hãy nhìn vào bản thân - đang vượt qua mọi thử thách từng gây trở ngại cho bạn trong quá khứ. Hãy chiêm nghiệm bản thân theo cách mà bạn muốn! Hãy tưởng tượng hình ảnh tương lai của bạn càng chi tiết càng tốt.

(3) Tôi sẽ chia sẻ với các bạn một kinh nghiệm nhỏ khi tôi hình dung ra mình trong tình huống sắp phải đối mặt. Đó là khoảng thời gian tôi chuẩn bị cho buổi bảo vệ luận văn tiến sĩ ở đại học Minnesota. Tôi tình cờ đọc được một bài báo trên tờ *Nội dung* bài báo xoay quanh cuộc thử nghiệm được tiến hành với các vận động viên trượt tuyết đang chuẩn bị cho kì thi Olympic. Họ chia các vận động viên thành hai nhóm. Một nhóm tập luyện trên đường đua dốc, mỗi ngày giống như những năm trước. Nhóm còn lại chỉ tưởng tượng họ đang tập luyện, tự cho rằng mình hoàn thành toàn bộ đường đua và vượt qua mọi địa hình phức tạp một cách xuất sắc. Vào thời điểm cuộc thi đấu thực sự bắt đầu, nhóm vận động viên chỉ đơn thuần tưởng tượng, họ thi đấu thành công đã ghi điểm tốt hơn hẳn nhóm còn lại. Cuộc nghiên cứu kết luận rằng, khi chúng ta hình dung ra mình hoàn thành xuất sắc một thứ nào đó, chúng ta có thể dựa vào hình ảnh đó, và dùng nó như người dẫn đường để đạt được thành công thực sự...

(Trích *Khi ta thay đổi thế giới sẽ đổi thay* - Karen Casey, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2: Chỉ ra những ý nghĩ tiêu cực được tạo ra và nuôi dưỡng được nêu trong văn bản.

Câu 3: Phân tích tác dụng của phép điệp trong đoạn văn sau:

Hãy nhìn vào bản thân - đang vượt qua mọi thử thách từng gây trở ngại cho bạn trong quá khứ. Hãy chiêm nghiệm bản thân theo cách mà bạn muốn! Hãy tưởng tượng hình ảnh tương lai của bạn càng chi tiết càng tốt.

Câu 4: Nhận xét quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.

Câu 5: Từ nội dung văn bản, anh/chị hãy nêu cách làm để thay đổi suy nghĩ của bản thân (trình bày khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của việc xác định mục đích trong cuộc sống.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/ Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong văn bản *Lá cuối năm* của tác giả Đặng Nguyễn Đông Vy.

Đó là buổi chiều đẹp nhất của năm. Ông ngoại tôi bảo vậy. Chiều 30 Tết. Tất cả mọi công việc phải hoàn tất trước khi trời tối. Bánh chưng đã gói xong. Nhà cửa đã dọn dẹp sạch sẽ. Điều mà ngoại bắt buộc mọi người phải làm vào chiều cuối năm là gom hết lá khô vào một góc sân, đốt lên rồi cả gia đình ngồi quây quần quanh đống để...chẳng làm gì cả. Ngoại gọi đó

là buổi chiều của những đứa con đi xa trở về, của những người đã khuất qua hồi ức người còn sống. Người lớn ngồi trầm ngâm. Bọn trẻ con bám tay nhau cười khúc khích trước vẻ nghiêm trang mà theo chúng là rất vô lí.

Gió se se lạnh. Lửa ấm áp nổ lách tách. Khói thơm nồng mùi lá khô. Cái thú của chúng tôi là hít hà và đoán xem đó là mùi của lá nào. Lá xoài cháy hăng hăng. Lá ổi thơm nhẹ nhẹ...

Bao giờ cũng vậy, ngoại chỉ lên tán lá xanh trên đầu và hỏi một đứa cháu:

– Vòm cây không thay đổi nhưng những chiếc lá thì thay đổi. Trên đó không còn chiếc lá nào của năm trước, phải không cháu?

Sau đó thì chắc chắn là đến phân “nghỉ thức” của chiều cuối năm.

– Con đã làm được gì trong một năm qua? – Ông ngoại hỏi mẹ tôi.

– Con đi dạy một ngày hai buổi. – Mẹ nghiêm trang trả lời. – Học trò của con năm nay không có đứa nào cá biệt. Chúng chăm học và rất ngoan. Con cũng đã quét vôi lại ngôi mộ của mẹ.

– Vậy là tốt. – Ông nói rồi quay sang tôi. – Còn cháu?

Tôi khẽ khàng:

– Cháu chẳng làm gì cả. Cháu chỉ đi học thôi.

– Vậy là tốt. Cháu biết rằng cháu đang đi học. Thế là tốt...

Cứ thế, lần lượt từng người một nói cho ông biết mình đã làm được gì. Lúc nhỏ, tôi vẫn nghĩ những câu hỏi của ông thật buồn cười. Tôi cũng không hiểu lắm câu chuyện những chiếc lá và vòm cây mà ông luôn kể mỗi chiều cuối năm.

Ngày ông hấp hối, tôi đứng cuối chân giường và khóc. Ông vẫy tôi lại, thều thào:

– Nay cháu, những chiếc lá thay đổi, nhưng vòm cây vẫn không thay đổi. Phải không?

Tôi méo máo gật đầu và trong khoảnh khắc đó tôi hiểu ra tất cả. Không có chiếc lá nào xanh trọn 365 ngày trong một đời lá. Những chiếc lá khô đi và rụng xuống nhưng vòm cây vẫn giữ nguyên vẻ mát xanh vững chãi. Hãy bình tâm sau mỗi lần mắt mát dù rằng chỉ những chiếc lá ở cạnh nhau mới thấy đau với khoảng trống khi chiếc lá ngay cạnh mình rơi xuống.

Từ khi ông mất, những chiều cuối năm không còn ai ngồi quanh đống lửa. Song, dù ở đâu, chúng tôi vẫn luôn nhớ quay về góc vườn cũ, thăm lại những hàng cây. Bao nhiêu mùa lá khô rơi nhưng vòm cây vẫn xanh và rì rầm trong gió. Tôi biết rằng trong vòm cây nguyên lành như chưa bao giờ biến đổi kia, có một chiếc lá đã rơi và để lại khoảng trống không gì bù đắp nổi. Chiếc lá ấy vẫn trở về trong trái tim những chiếc lá khác – vào mỗi chiều cuối năm.

(Lá cuối năm, Đặng Nguyễn Đông Vy (), Hạt giống tâm hồn,*

NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2019, tr.51-53)

() Đặng Nguyễn Đông Vy sinh năm 1979 tại Khánh Hòa. Với tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, thuần hậu đặc biệt của mình, Đặng Nguyễn Đông Vy vừa làm báo vừa viết văn và đã mang đến cho độc giả những sáng tác sâu lắng, thú vị, độc đáo. Tác phẩm tiêu biểu: *Hãy tìm tôi giữa cánh đồng, Làm ơn hãy để con yên* (biên dịch), *Những lối về ấu thơ*,...*

- HẾT -

ĐỀ SỐ 14 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Luận đề của văn bản: sự cần thiết thay đổi suy nghĩ Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	2	Những ý nghĩ tiêu cực được tạo ra và nuôi dưỡng từ trí óc của ta. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án : 0,5 điểm - HS trả lời sai hoặc không trả lời: Không cho điểm	0,5
	3	- Phép điệp: <i>Hãy nhìn vào bản thân ...Hãy chiêm nghiệm bản thân ...Hãy tưởng tượng hình ảnh tương lai ...</i> - Tác dụng: + Nhấn mạnh quan điểm của tác giả: cách thức để thay đổi suy nghĩ là yếu tố quan trọng để thay đổi cuộc đời + Khuyến mỗi người cần phải biết cách thay đổi suy nghĩ để hoàn thiện bản thân + Tạo cách diễn đạt ấn tượng, tăng sức gợi hình gợi cảm. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm. - HS nêu được dấu hiệu của phép điệp: 0,25 điểm - HS trả lời đúng mỗi ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,25 điểm. - Hs không trả lời hoặc trả lời sai: không cho điểm.	1,0
	4	- Quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản: Việc đẩy lùi suy nghĩ tiêu cực là cần thiết; muốn làm được điều đó con người cần có sự thay đổi. - Nhận xét: quan điểm đúng đắn, sâu sắc, thể hiện tinh thần, trách nhiệm của người viết. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời đủ ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm - HS trả lời đúng 1 ý trong đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 0,5 điểm - HS trả lời sai cả hai hoặc không trả lời: Không cho điểm	1,0
	5	HS có thể nêu cách làm để thay đổi suy nghĩ bản thân tùy theo quan điểm cá nhân (phải phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức) có thể theo một số gợi ý sau: nhận thức được tầm quan trọng của sự thay đổi suy nghĩ; luôn suy nghĩ theo chiều hướng tích cực, lạc quan, ... Hướng dẫn chấm: - HS nêu được cách làm và có lí giải thuyết phục: 1,0 điểm - HS nêu được cách làm nhưng lí giải chưa thuyết phục: 0,75 điểm - HS nêu được cách làm nhưng lí giải sơ sài: 0,5 điểm - HS nêu được bài học nhưng không lí giải: 0,25 điểm - HS không nêu bài học và không lí giải: không cho điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Anh/chị hãy viết 01 đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc xác định mục đích trong cuộc sống.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Đảm bảo yêu cầu hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận	0,25

	Ý nghĩa của việc xác định mục đích trong cuộc sống.	
	<p><i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục đích trong cuộc sống là việc đặt ra một hệ thống mục tiêu và định hướng cho cuộc đời. Những mục tiêu đó là kim chỉ nam hướng dẫn ta trong từng quyết định, hành vi, từ đó mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. - Khi xác định được mục đích trong cuộc sống mỗi người sẽ có sự chủ động, tự tin, có động lực để phấn đấu, có sự kiên định để vượt qua thử thách, khó khăn và cuộc sống trở nên có ý nghĩa hơn. - Việc xác định mục đích trong cuộc sống giúp chúng ta nhận diện sự thành công hay thất bại từ đó giúp mỗi người có thêm những kinh nghiệm và ngày càng hoàn thiện bản thân, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển. - Trong thực tế vẫn còn một số người sống không có mục đích hoặc hướng đến mục đích tầm thường nên lầm đường lạc lối, sống cuộc đời vô nghĩa, trở thành gánh nặng cho xã hội. 	1,0
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong văn bản <i>Lá cuối năm</i> của tác giả Đặng Nguyễn Đông Vy.	4,0
	<p><i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận:</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong văn bản <i>Lá cuối năm</i> của tác giả Đặng Nguyễn Đông Vy</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận bảo đảm các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về chủ đề và hình thức nghệ thuật của văn bản <i>Lá cuối năm</i> <ul style="list-style-type: none"> – Chủ đề của truyện: <ul style="list-style-type: none"> + Sự nâng niu, trân trọng đối với tình cảm gia đình cùng sự giữ gìn và phát huy những giá trị tinh thần tốt đẹp. + Sẽ có lúc ta mất đi điều quý giá trong cuộc đời, đặc biệt người thân. Vì vậy cần biết quan tâm, yêu thương chia sẻ và trân trọng những gì mình đang có, những người thân bên ta. Đồng thời câu chuyện cũng muốn gửi đến người đọc thông điệp: Hãy bình thản đón nhận những mất mát như một quy luật tất yếu của cuộc sống này. - Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật <ul style="list-style-type: none"> + Cốt truyện: đơn giản, theo trình tự thời gian + Cách thuật trần thuật: tự nhiên, sinh động; ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện xưng tôi,... 	2,5

	<p>+ Cách xây dựng nhân vật: gần gũi, tự nhiên, tạo sự đồng cảm với người đọc, giúp người đọc tự rút ra những bài học về cuộc sống.</p> <p>+.....</p> <p>* Kết bài: Đánh giá chung: Câu chuyện ngắn gọn nhưng đem đến nhiều bài học sâu sắc về cuộc sống.</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 15

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

HOA MƯỚP VÀNG

- Tô Thi Vân -

Áo nâu nón lá
Chiếc giỏ khoác vai
Ông lão xòe tay
Hoa mướp bay vàng chiều thu lặng

Xôn xao những cánh bèo
Mắt ông lão không chớp
Đấu cươc trên tay quay vòng
Ngọn trúc vút lên
Những cánh vàng tả tơi rụng xuống
Sóng lan vòng hoàng hốt một chùm tằm

Mắt mùa thu xa xăm
Cành tre ngơ ngác gió
Bước chân êm cọng cỏ
Ông lão làm lũi đi

Ông ơi! Ông về đâu?
Hoa mướp vàng đã nát
Ông ơi! Làng ông đâu?
Tiếng ếch giờ đã khác!

1993

(Tuyển tập thơ Việt Nam 1975 - 2000, tập III, NXB Hội Nhà văn, 2001, tr.707 - 708)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ láy được tác giả sử dụng trong khổ thơ thứ ba của bài thơ.

Câu 4. Nêu nội dung của khổ thơ thứ nhất trong bài thơ.

Câu 5. Anh/chị hãy rút ra một bài học có ý nghĩa cho bản thân sau khi đọc bài thơ trên.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của cấu tứ và hình ảnh thơ trong bài thơ *Hoa mướp vàng* của Tô Thi Vân ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Cuộc sống tốt đẹp hay tẻ tẹ chính là do cách bạn nhìn nhận về nó.

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về tuổi trẻ với cách nhìn nhận cuộc sống tích cực.

-----HẾT-----

ĐỀ SỐ 15 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Tự do	0,5
	2	Nhân vật trữ tình của bài thơ: ông lão	0,5
	3	- Các từ láy được tác giả sử dụng trong khổ thơ thứ ba của bài thơ: <i>xa xăm, ngơ ngác, lằm lũi</i> - Tác dụng: + Làm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu thơ + Khắc họa và làm nổi bật sự trống vắng của bức tranh thiên nhiên và hình ảnh cô đơn, đáng thương của ông lão. + Thể hiện cảm xúc buồn trước thiên nhiên, và niềm cảm thương đối với ông lão của chủ thể trữ tình.	1,0
	4	Nội dung của khổ thơ thứ nhất: - Hình ảnh ông lão câu ếch trong vẻ đẹp đơn sơ, bình dị - Không gian buổi chiều thu làng quê tĩnh lặng, đẹp nhưng man mác buồn. - Thể hiện cái nhìn sâu lắng của chủ thể trữ tình	1,0
5	Rút ra bài học sau khi đọc bài thơ <i>Gợi ý:</i> - Bài học: Thí sinh tự do rút ra bài học riêng, ý nghĩa và phù hợp đối với bản thân. Ví dụ: - Bài học về sự đồng cảm giữa con người với con người - Bài học về sự trân trọng cuộc sống bình dị - Bài học về sự trân trọng, nâng niu những giá trị truyền thống	1,0	
II		VIẾT	6,0
1		Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích vẻ đẹp của câu tứ và hình ảnh thơ trong bài thơ “ <i>Hoa mướp vàng</i> ” của Tô Thi Vân.	2,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i>	Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i>	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp của câu tứ và hình ảnh thơ của bài thơ.	0,25
	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i>	Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Câu tứ, hình ảnh của bài thơ được tổ chức theo mối quan hệ tương phản đối lập giữa động và tĩnh, giữa còn và mất - Câu tứ và hình ảnh thơ tạo sự cân đối, nhịp nhàng cho bài thơ và gợi cho người đọc những cảm xúc sâu lắng đồng thời góp phần làm nổi bật đề tài, chủ đề cũng như cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.	1,0
	<i>d. Diễn đạt</i>	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i>	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về tuổi trẻ với cách nhìn nhận cuộc sống tích cực.	4,0

	<p><i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Tuổi trẻ với cách nhìn nhận cuộc sống tích cực.</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận, có thể theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài: - Giải thích vấn đề nghị luận: - Bàn luận: Khi nhìn cuộc sống một cách tích cực: sẽ mang đến cho ta nguồn năng lượng tích cực; giúp ta thấy mọi thứ đều có cách giải quyết nhẹ nhàng; mọi điều xảy đến với ta đều là những bài học quý giá; giúp ta có thêm động lực để vượt lên chính mình mà bước tiếp để vươn tới thành công; sẽ luôn kết nối được với mọi người xung quanh để cùng hướng tới những điều tốt đẹp chung, ... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện, ... * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ quan điểm, suy nghĩ riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	2,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 16

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

PHI HÀNH GIA VALENTINA TERESHKOVA - BÓNG HỒNG ĐẦU TIÊN BAY VÀO VŨ TRỤ



“Con chim không thể bay chỉ bằng một cánh. Hành trình vào vũ trụ của con người không thể phát triển thêm nữa nếu không có sự tham gia tích cực của phụ nữ”.

Hành trình từ cô công nhân dệt may trở thành nhà du hành vũ trụ

Valentina Tereshkova sinh ra ở ngôi làng nhỏ Maslennikovo, nằm gần thành phố Yaroslavl, Nga vào ngày 6/3/1937. Cha bà là một người lái máy kéo, còn mẹ làm việc trong một nhà máy dệt. Khi học xong, bà làm việc ở một nhà máy dệt, sau đó đi học nghề kỹ sư.

Thích nhảy dù từ khi còn trẻ, Tereshkova bắt đầu học nhảy dù tại một câu lạc bộ bay địa phương. Bà thực hiện cú nhảy đầu tiên ở tuổi 22 vào tháng 5/1959.

Cùng lúc ấy ở Nga, sau chuyến bay của Yuri Gagarin vào năm 1961, Sergey Korolyov, kỹ sư trưởng của chương trình vũ trụ Liên Xô, nghĩ tới việc đưa một phụ nữ lên vũ trụ. Với niềm đam mê được khám phá bầu trời, Valentina Tereshkova nhanh chóng có tên trong danh sách gồm 58 cô gái trẻ đầu tiên đăng ký tham gia chương trình nghiên cứu không gian vũ trụ của Liên Xô.

[...] Rốt cuộc, Valentina Tereshkova đã vượt qua hơn 400 ứng cử viên để trở thành người thực hiện chuyến bay lịch sử trên tàu vũ trụ Vostok 6 vào ngày 16/6/1963. Vào thời điểm được chọn làm phi hành gia, bà vẫn đang làm công nhân dệt may ở một địa phương [...]

Chuyến bay lịch sử của “Chim mòng biển”

Sau khi tận mắt được chứng kiến buổi phóng của sứ mệnh Vostok-5 tại Sân bay vũ trụ Baikonur vào ngày 14/6/1963, Tereshkova bước vào giai đoạn hoàn tất việc chuẩn bị cho chuyến bay của chính mình.

Sáng 16/6/1963, Tereshkova cùng với Solovyova - phi hành gia dự bị của bà, đều mặc đồ du hành vũ trụ rồi được đưa đến bệ phóng bằng xe buýt.

Sau khi hoàn thành việc kiểm tra hệ thống liên lạc và hỗ trợ sự sống, Tereshkova tiến vào bên trong tàu vũ trụ, cố định vị trí. Trước lúc con tàu cất cánh, nhiều người vẫn còn nhớ những cảm xúc mãnh liệt của Tereshkova: “Hỡi bầu trời, hãy ngả mũ!”.

Sau 2 giờ đêm ngược, Vostok-6 cất cánh mà không gặp bất kỳ sự cố nào. Sau vài giờ, Tereshkova đã liên lạc được với nhà du hành Bykovsky thuộc sứ mệnh Vostok-5. Đây là lần thứ 2 trong lịch sử hai tàu vũ trụ có người lái ở trong không gian cùng một lúc. Với ký hiệu cuộc gọi vô tuyến là “Chaika” (chim mòng biển), Tereshkova đã trở thành người phụ nữ đầu tiên bay vào vũ trụ khi bà 26 tuổi.

Trong gần 6 thập kỷ kể từ khi Tereshkova lần đầu tiên mạo hiểm bước vào vũ trụ, đã có thêm 64 phi hành gia nữ tiếp bước bà, như một lời khẳng định cho tầm quan trọng và vị trí của “phái đẹp”. Cho đến nay, phụ nữ đã chiếm hơn 10% tổng số các phi hành gia vũ trụ.

(Theo <https://dantri.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/phi-hanh-gia-valentina-tereshkova-bong-hong-dau-tien-bay-vao-vu-tru-20230308051546629.htm>)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Chỉ ra các yếu tố hình thức của văn bản thông tin được thể hiện qua văn bản trên.

Câu 2. Nêu thông tin chính mà văn bản đề cập đến.

Câu 3. Nhận xét hiệu quả của cách tổ chức thông tin trong văn bản.

Câu 4. Phân tích mối liên hệ giữa các phần trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

Câu 5. Theo anh/chị, sự kiện “Valentina Tereshkova - bóng hồng đầu tiên bay vào vũ trụ” có ý nghĩa gì đối với ngành khoa học vũ trụ nói riêng và nhân loại nói chung?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của niềm đam mê đối với tuổi trẻ ngày nay.

Câu 2 (4,0 điểm)

BÀ MÁ HẬU GIANG (Tố Hữu)

Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
Phèn la kêu, trống giục vang đồng
Đường quê đỏ rực cờ hồng
Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời
Quyết một trận, quét đời nô lệ
Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!

Hỡi ôi! Việc chưa thành công
Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang
Giặc lung, giặc đốt xóm làng
Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà
Một vùng trắng bãi tha ma
Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.

Có ai biết, ai ngờ trong đó
Còn chơ vơ một ổ lều con
Đạn bom qua, hãy sống còn
Núp sau lưng rộng một hòn đá to.
Có ai biết trong tro còn lửa
Một má già lần lửa không đi
Ở đây sóng gió bất kì
Má ơi, má ở làm chi một mình?

Rừng một dải U Minh tối sớm
Má lom khom đi lượm củi khô
Ngày đêm củi chất bên lò
Ai hay má cắt củi khô làm gì?
Hay má lẫn quên vì tuổi tác
Hay má liều một thác cho yên?
[...]
Lưỡi gươm lạnh toát kẻ hông
“Các con ơi! Má quyết không khai nào!”
Sức đâu như ngọn sóng trào
Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây
Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết bay, có các con tao trăm vùng!
Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng đước mạnh, như rừng chàm
thơm!
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”
Thương ôi! Lời má lưỡi gươm cắt rồi!
Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!
Nước non muôn quý ngàn yêu
Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.
(Bà má Hậu Giang, Tố Hữu, thivien.net)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá văn bản trên.

Chú thích:

“Bà má Hậu Giang” viết năm 1941, in trong phần “Xiềng xích” của tập *Từ ấy*. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền sông Hậu kiên gan trước họng súng quân thù, quyết nuôi, giúp đỡ những người cách mạng.

Tố Hữu (1920-2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh ra tại thành phố Huế, là con út trong gia đình. Ông là một nhà thơ cách mạng, ở ông có sự thống nhất đẹp đẽ giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ, giữa lí tưởng trong trái tim và những câu thơ trên đầu bút. Chặng đường thơ của Tố Hữu là chặng đường lịch sử của cả một dân tộc. Ông được coi là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến.

ĐỀ SỐ 16 - HƯỚNG DẪN CHẤM

Phân	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin được thể hiện trong văn bản: nhan đề, đề mục, sapo, phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh) Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời được 2 yếu tố hình thức đúng: 0,25 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	2	Thông tin chính mà văn bản đề cập đến: Valentina Tereshkova – người phụ nữ đầu tiên bay vào vũ trụ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm <i>Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là diễn đạt đúng ý vẫn cho điểm tối đa.</i>	0,5
	3	- Cách tổ chức thông tin trong văn bản: Tổ chức thông tin theo trình tự thời gian. - Hiệu quả của cách tổ chức thông tin này: + Cho người đọc nắm được đặc điểm về hành trình cuộc đời và hành trình bay vào vũ trụ của Valentina Tereshkova: Từ cô công nhân trở thành một nhà du hành vũ trụ; từ khi bà chuẩn bị cho chuyến bay vào vũ trụ đến khi hoàn thành chuyến bay. + Cho chúng ta biết được một số thông tin về lịch sử bay vào vũ trụ của nữ giới kể từ lần đầu tiên của Valentina Tereshkova. Hướng dẫn chấm: - HS chỉ ra được cách tổ chức thông tin trong văn bản: 0,25 điểm. - HS trả lời được 2 ý hiệu quả: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý hiệu quả thứ nhất: 0,5 điểm - Trả lời được 1 ý hiệu quả thứ hai: 0,25 điểm. - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Các phần trong văn bản có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: Phần sa-pô khái quát nội dung chính của văn bản, phần hai thông tin về cuộc đời của Valentina Tereshkova, phần ba thông tin về chuyến bay vào vũ trụ của Valentina Tereshkova và phần bốn là phần kết luận về số lượng những chuyến bay vào vũ trụ của nữ giới. Cả bốn phần đều tập trung làm sáng tỏ thông tin chính của văn bản: nói về người phụ nữ đầu tiên bay vào vũ trụ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/2 số ý: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời tương đương như đáp án được 1/3 số ý: 0,25 - 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Ý nghĩa của sự kiện “Valentina Tereshkova - bóng hồng đầu tiên bay vào vũ trụ”: - Đối với ngành khoa học vũ trụ, những ghi chép về chuyến bay của bà đã đem lại những thông tin mới về vũ trụ, đưa hành trình khám phá vũ trụ lên những bước tiến mới; là động lực thúc đẩy ngành khoa học vũ trụ phát triển. - Đối với nhân loại: Góp phần đẩy mạnh sự bình đẳng giới trong xã hội, thúc đẩy vai trò của nữ giới trong ngành khoa học vũ trụ	1,0

		nói riêng và các ngành khoa học nói chúng; giáo dục về sức mạnh của lòng đam mê và sự quyết tâm của con người,...	
		Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời 2 ý như đáp án nhưng còn chung chung: 0,75 điểm - Trả lời 1 ý như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, miễn là lí giải hợp lí, thuyết phục thì vẫn cho điểm)	
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của niềm đam mê đối với tuổi trẻ ngày nay.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ). Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của niềm đam mê đối với tuổi trẻ ngày nay.	0,25
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: Khẳng định niềm đam mê thực sự cần thiết đối với tuổi trẻ ngày nay: - Khi có niềm đam mê, chúng ta sẽ có sự nhiệt tình, cháy hết mình trong công việc, học tập, do đó có thể phát huy được một cách tốt nhất năng lực của mình để vươn đến thành công. - Nhờ có đam mê, chúng ta sẵn sàng dấn thân, vượt qua những khó khăn, trở ngại để thực hiện điều mình theo đuổi. - Đam mê còn là điều kiện cần thiết giúp con người biết vượt lên giới hạn của bản thân để làm nên những việc lớn lao, kì diệu. - Việc tìm ra niềm đam mê thực sự khiến con người cảm thấy cuộc sống này thật thú vị, ý nghĩa biết bao! - Những đam mê tích cực sẽ giúp con người góp phần cống hiến cho xã hội, làm cho xã hội phát triển văn minh, tốt đẹp hơn. (Chứng minh về niềm đam mê của tuổi trẻ ngày nay) - Mở rộng: Theo đuổi đam mê là cần thiết nhưng cần biết lựa chọn đam mê phù hợp với khả năng, hoàn cảnh, tránh mù quáng, cảm tính, mê muội, hoặc tuyệt đối hóa vai trò của đam mê ... Cần phân biệt đam mê lành mạnh và đam mê làm lạc, đam mê quá độ.	1,0
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá đoạn trích trong bài thơ Bà má Hậu Giang của Tố Hữu.	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Bà má Hậu Giang (Tố Hữu).	0,5
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu: Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận, có thể theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận	2,5

	<p>* Thân bài: Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ:</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Chủ đề: Bài thơ ca ngợi người mẹ miền sông Hậu kiên gan trước họng súng quân thù, quyết nuôi, giúp đỡ những người cách mạng.</p> <p>+ Mạch cảm xúc:</p> <p>Bài thơ đi từ khái quát phong trào đấu tranh của nhân dân Hậu Giang trước cách mạng tháng Tám 1945 đến ngợi ca tấm lòng yêu nước, tinh thần quả cảm, bất khuất sẵn sàng hi sinh vì cách mạng của bà má Hậu Giang.</p> <p>++ Khổ thơ thứ nhất: Khí thế sục sôi chiến đấu, quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến đang kìm kẹp, bóc lột người dân.</p> <p>++ Khổ thơ thứ hai: Kết quả của phong trào đấu tranh: Phong trào cách mạng những ngày đầu vì còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm nên các cuộc khởi lần lượt bị thực dân Pháp dìm trong bể máu.</p> <p>++ Khổ thơ thứ ba và khổ cuối: giữa đau thương, đổ nát điêu tàn, sự sống hiện ra và nhen nhen niềm tin hi vọng qua căn lều và hình ảnh người má Hậu Giang: người má Hậu Giang là hiện thân của sự sống bất diệt của con người Việt Nam. Má trở thành biểu tượng sức mạnh, đức hi sinh tuy âm thầm mà vĩ đại của người mẹ Việt Nam.</p> <p>- Nghệ thuật:</p> <p>+ Thể thơ song thất lục bát với cách gieo vần chân xen lẫn vần lưng, vần bằng kết hợp vần trắc.</p> <p>+ Nhịp thơ linh hoạt: 3/4, 2/4, 4/4 tạo giọng điệu vừa hào hùng, vừa bi tráng để diễn tả không khí sục sôi cách mạng và sự quật khởi, kiên cường của người má Hậu Giang.</p> <p>+ Ngôn ngữ, hình ảnh thơ vô cùng chân thực mà giàu giá trị biểu cảm.</p> <p>+ Sử dụng nhiều biện pháp tu từ giàu giá trị biểu đạt: câu hỏi tu từ, so sánh...</p> <p>* Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 17

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

ANH ĐỘC THOẠI TRƯỚC CON ĐƯỜNG

Đoàn Trọng Hải

(1) Con đường lơ lửng chân trời
Con đường dài hơn số phận

Anh không sợ nỗi cô đơn trong suốt cuộc hành
trình đơn độc

Anh chỉ sợ gặp lại những dấu chân mình

(2) Đã bao lần bóng anh mất hút
Đã bao lần tâm hồn anh bệnh tật
Đã bao lần anh ngã gục trên đường

...
(5) Anh sẽ là anh khi bước trên đường
Những dấu chân đằng sau không còn dấu vết
Những dấu chân có lấp đầy trở hoa nước mắt
Phía trước anh là những bước lối ban mai

(3) Nhưng trước con đường
Bàn chân anh vẫn bước
Như trước cuộc đời
Anh mãi còn có em

(6) Anh sẽ là anh với những chuyến đi dài
Con đường trước anh là hơi thở
Anh yêu từng dấu chân mới mẻ

(4) Anh không sợ gai cuộc đời găm vào
chân đau đốn

Như yêu cuộc đời và như đã yêu em.

(Tập chí Văn nghệ Quân đội, số 1033, tháng 3-2024, trang 37)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình của đoạn trích trên.

Câu 2. Chỉ ra những hình ảnh diễn tả sự đau đốn, thất bại của nhân vật trữ tình ở đoạn thơ (2).

Câu 3. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ lặp cấu trúc: “Anh sẽ là anh ...”.

Câu 4. Phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “con đường” được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 5. Anh/Chị có đồng tình với suy nghĩ: “Anh chỉ sợ gặp lại những dấu chân mình” của tác giả không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích mạch cảm xúc của bài thơ *Anh độc thoại trước con đường* của Đoàn Trọng Hải ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Thời gian gần đây, trào lưu “chữa lành”¹ (healing) đang nở rộ trong giới trẻ. Không chỉ trên các diễn đàn mạng xã hội mà trong các buổi cà phê, gặp mặt tán gẫu, cụm từ “đi chữa lành” cũng trở thành câu cửa miệng mỗi khi có chuyện không hài lòng.

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thể hiện quan điểm của mình về trào lưu *chữa lành* hiện nay.

Chú thích:

¹ “Chữa lành” là thuật ngữ dùng để thể hiện các biện pháp trong việc hàn gắn, phục hồi sức khỏe, thể chất cũng như cảm xúc, tâm lí, tình cảm con người sau các thương tổn. (theo <https://www.tuyengiao.vn/>)

- HẾT -

ĐỀ SỐ 17 – ĐÁP ÁN

Phân	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên là: <i>Anh</i>	0,5
	2	Những hình ảnh diễn tả sự đau đớn, thất bại của nhân vật trữ tình trong khổ 02: <i>bóng mắt hút, tâm hồn bệnh tật (tổn thương), ngã gục trên đường.</i>	0,5
	3	Hiệu quả của biện pháp tu từ lặp cấu trúc: “Anh sẽ là anh ...” - Lời nhấn mạnh, khẳng định và thể hiện quyết tâm sẽ luôn là chính mình; luôn vững bước trên đường đời, tiến về phía trước trong bất kì hoàn cảnh nào (dù gặp khó khăn thử thách) để thành công, để không lặp lại mình. - Góp phần tạo sự liên kết (về nội dung lẫn hình thức) và âm hưởng mạnh mẽ cho đoạn thơ.	1,0
	4	Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “con đường”: là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho: - <i>Con đường đời xa xăm, vô định (khổ 1);</i> - <i>Hành trình đầy chông gai, thử thách (khổ 2,3), đưa ta đến thành công (khổ 5,6)</i>	1,0
	5	- Học sinh có thể: đồng tình hoặc không đồng tình. - Lí giải phù hợp với quan điểm của bản thân.	1,0
II		LÀM VĂN	6,0
	1	Anh/Chị hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề của bài thơ <i>Anh độc thoại trước con đường</i> của Đoàn Trọng Hải.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Phân tích, đánh giá chủ đề của bài thơ <i>Anh độc thoại trước con đường</i> của Đoàn Trọng Hải.	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: + Bài thơ là lời độc thoại của tác giả với chính mình, thể hiện quyết tâm, ý chí vượt qua những gian khổ, thất bại trên đường đời xa xăm, vô định để tiến về phía trước. + Chủ đề của bài thơ được thể hiện qua nhan đề; hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng “con đường”; hình tượng nhân vật trữ tình: một chàng trai đang đi con đường đời của mình, dù phải trải qua gian khổ, thất bại, mất phương hướng nhưng vẫn kiên định, quyết tâm “anh không sợ”, và luôn là chính mình “anh sẽ là anh”,... + Chủ đề quen thuộc nhưng cấu tứ khá độc đáo đã mang đến những bài học, thông điệp nhân văn cho người đọc. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục theo kiểu đoạn văn	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25

	<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thể hiện quan điểm của mình về trào lưu <i>chữa lành</i> hiện nay.	4,0
	<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: trào lưu chữa lành</i>	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu:</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận, có thể theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: trào lưu <i>chữa lành</i> * Thân bài: - Giải thích và nêu thực trạng: <i>Chữa lành</i> là thuật ngữ dùng để chỉ các biện pháp trong việc hàn gắn, phục hồi sức khỏe, thể chất cũng như cảm xúc, tâm lí, tình cảm của con người sau những tổn thương; Trào lưu đang là một hiện tượng được nhiều người hưởng ứng, tham gia, trở thành câu nói cửa miệng của nhiều người, nhất là giới trẻ; ...; đang biến tấu theo nhiều biểu hiện, hình thức khác nhau. - Bàn luận: + Những ích lợi và hậu quả của trào lưu này: ++ Xoa dịu được vết thương tâm lí, thoát khỏi lo âu, trầm cảm; tiếp thêm năng lượng để sống và làm việc; ++ Nhiều người sẵn sàng nghỉ việc để đi <i>chữa lành</i> khi chưa tổn thương; có thể sẽ làm bản thân trở nên tệ hơn: nổi đau bị khoét sâu, suy nghĩ tiêu cực; tạo thành thói quen xấu, ... + Nguyên nhân: xuất phát từ nhu cầu thật sự của bản thân; hiệu ứng đám đông; tâm lí a dua đua đòi; ... + Giải pháp: Mỗi người cần nhìn vào bên trong, lắng nghe cơ thể và tâm hồn mình; Tìm cách <i>chữa lành</i> khi thật sự bị tổn thương; tạo đề kháng cho sức khỏe tinh thần bằng lối sống lạc quan, yêu đời, ... - Trao đổi với ý kiến khác hoặc quan điểm trái chiều. - Bài học nhận thức và hành động cho bản thân. * Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận.	2,5
	<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. - <i>Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt hoặc mắc ít lỗi: 0,25 điểm</i> - <i>Mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt: 0 điểm</i>	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 18

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NÓI CÙNG ANH

(Trích)

[1] Chẳng có gì quan trọng lắm đâu
Như không khí như màu xanh lá cỏ
Nhiều đến mức tưởng như chẳng có
Trước cuộc đời rộng lớn mênh mang.

[2] Nhưng lúc này anh ở bên em
Niềm vui sướng trong ta là có thật
Như chiếc áo trên tường như trang sách
Như chùm hoa nở cánh trước hiên nhà

[3] Em hiểu rằng mỗi lúc đi xa
Tình anh đối với em là xứ sở
Là bóng rợp trên con đường nắng lửa
Trái cây thơm trên miền đất khô cằn

[4] Đấy tình yêu, em muốn nói cùng anh:
Nguồn gốc của muôn ngàn khát vọng
Lòng tốt để duy trì sự sống
Cho con người thực sự Người hơn.

(Xuân Quỳnh, *Nói cùng anh*, in trong *Xuân Quỳnh - Không bao giờ là cuối*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr.77-78)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra câu thơ có sử dụng yếu tố tượng trưng trong khổ thơ (3).

Câu 3. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản trên.

Câu 4. Phân tích sự khác biệt về ý nghĩa giữa hai từ “con người” và “Người” trong câu thơ: “Cho con người thực sự Người hơn.”

Câu 5. Từ văn bản đã cho, hãy rút ra một thông điệp ý nghĩa nhất đối với anh/chị và giải thích vì sao thông điệp đó có ý nghĩa đối với bản thân.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày cảm nhận về lí tưởng sống của nhân vật Hộ trong đoạn trích sau:

Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lí gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh thường những lo lắng tụn mồn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn mỗi ngày thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi khổ đau của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhep, vô nghĩa lí, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in

nhiều cuốn văn viết vôi vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách, hay một đoạn văn kí tên mình, hắn lại đổ mắt lên, cau mày, nghiến răng, vò nát sách mà mắng mình như một thằng khốn nạn...

(Trích *Đời thừa*, Nam Cao, in trong *Nam Cao tác phẩm và lời bình*, NXB bản Văn học, 2013, tr.60-61)

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ), trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: Thói quen ỷ lại – căn bệnh đang dần hủy diệt sức trẻ.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 18 – ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Văn bản trên viết theo thể thơ tự do.	0,5
	2	Câu thơ có yếu tố tượng trưng trong khổ (3): <i>Là bóng rợp trên con đường nắng lửa</i> <i>Trái cây thơm trên miền đất khô cằn</i>	0,5
	3	Cảm hứng chủ đạo: Niềm vui sướng và khát vọng trong tình yêu.	1,0
	4	Sự khác nhau giữa từ “con người” và từ “Người”: + “Con người”: biểu đạt một loài; dùng để nói về con người nói chung trong sự phân biệt với các động vật khác. + “Người”: nhằm biểu đạt con người của tư tưởng, cảm xúc, con người của những phẩm chất tốt đẹp, cao cả, biết sống vì nhau, yêu thương nhau.	1,0
	5	Thí sinh được tự do bày tỏ quan điểm cá nhân nhưng phải lí giải thuyết phục và không trái với pháp luật, đạo đức.	1,0
II		VIẾT	
	Câu 1	Viết đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày cảm nhận về lí tưởng sống của nhân vật Hộ trong đoạn trích.	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> lí tưởng sống của nhân vật Hộ trong đoạn văn bản.	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: Một số gợi ý: - Hộ có hoài bão lớn, có lí tưởng sống cao đẹp. - Hộ yêu nghệ thuật, nghệ thuật có thể vượt lên trên những khó khăn, những khó khăn vật chất. -...	1,0
		<i>d. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận: có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	Câu 2	Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ), nêu suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.	4,0
		<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Thói quen ỷ lại là căn bệnh đang dần huỷ diệt sức trẻ.	0,5
		<i>Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i>	2,5
		Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai	

	<p>theo hướng:</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích</p> <p>+ <i>Ý lại</i>: là tự bản thân không có ý thức trách nhiệm, không cố gắng trong cuộc sống mà dựa dẫm, trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác một cách thái quá.</p> <p>+ <i>Căn bệnh đang hủy diệt sức trẻ</i>: là cách nói hình ảnh diễn tả tác hại của thói ý lại đến thể hệ trẻ, khiến họ trở nên thụ động, không có khả năng đối phó với những thử thách trong cuộc sống.</p> <p>- Ý nghĩa: Câu nói nhấn mạnh đến tác hại của thói ý lại và cảnh báo về một hiện tượng trong đời sống: thói ý lại đang là căn bệnh nguy hiểm đối với con người, đặc biệt là thế hệ trẻ.</p> <p>- Thực trạng</p> <p>+ Nhiều bạn trẻ sống ý lại, dựa dẫm vào người khác. Họ thờ ơ với cuộc sống, công việc học tập của chính mình, không suy nghĩ cho tương lai, để mặc bố mẹ sắp đặt mọi việc</p> <p>- Bàn luận:</p> <p>+ Nguyên nhân:</p> <p>++ Do sự lười biếng trong cả vận động và tư duy. Họ thích sống dựa vào người khác, thiếu đi tính độc lập, tự chủ cần có.</p> <p>++ Do được gia đình nuông chiều. Bố mẹ gần như quyết định hộ con cái mọi thứ và nhiệm vụ của đứa con chỉ là ngoan ngoãn làm theo ý cha mẹ, nếu có vấn đề gì thì cha mẹ sẽ là người chịu trách nhiệm.</p> <p>+ Tác hại:</p> <p>++ Thiếu năng lực đưa ra quyết định trong những hoàn cảnh cần thiết; không làm chủ được cuộc đời, không có bản lĩnh, không có sáng tạo... dễ gặp thất bại trong mọi việc.</p> <p>++ Trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.</p> <p>++ Tương lai của đất nước không thể phát triển tốt đẹp nếu những chủ nhân tương lai của đất nước đều lười biếng, ý lại như vậy.</p> <p>+ Giải pháp - Bài học nhận thức và hành động</p> <p>++ Thế hệ trẻ cần học cách tự đứng trên đôi chân của mình, không được tự biến mình thành cây tầm gửi trong cuộc sống.</p> <p>++ Gia đình, nhà trường, xã hội cần thay đổi quan niệm về tình yêu thương và giáo dục, không nuông chiều hay quá bao bọc, cần hình thành và rèn luyện tính tự lập cho con em mình.</p> <p>++ Bản thân mỗi chúng ta cần tích cực rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng sống thật tốt để luôn là người có bản lĩnh, có chính kiến và chủ động đưa ra những quyết định tỉnh táo, sáng suốt trong mọi việc.</p> <p>...</p> <p>- Trao đổi với ý kiến khác hoặc quan điểm trái chiều.</p> <p>* Kết bài: Khẳng định lại vấn đề nghị luận.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i>: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i>: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 19

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là giữ được đức tính khiêm tốn của bản thân mình. Tuy nhiên, nhiều người thường đánh đồng đức tính khiêm tốn với sự yếu đuối. Thật ra phải nói ngược lại mới đúng. Khiêm tốn như thói nam châm thu hút thiện chí của mọi người và làm nên giá trị của con người.

Khiêm tốn không phải là một hành động, mà là một thái độ. Đó là thái độ biết tôn trọng người khác hơn là đề cao bản thân. Người khiêm tốn là người biết lắng nghe một cách chân thành. Họ quan tâm đến người khác mà không bận tâm đến các yếu tố xung quanh như địa vị, sang hèn, thành công, thất bại... Đối với họ, lắng nghe để hiểu tâm tư tình cảm, hoàn cảnh của người khác là một mong muốn tự thân, là một quá trình của cảm xúc chứ không phải chỉ là một hành động đơn thuần biểu hiện ra bên ngoài.

(Trích Điều kì diệu của thái độ sống, Mac Anderson, ThuVienSach.vn, NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích đề cập đến đức tính nào của con người?

Câu 2. Theo tác giả, người có đức tính khiêm tốn có những đặc điểm gì?

Câu 3. Việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu: *Khiêm tốn như thói nam châm thu hút thiện chí của mọi người và làm nên giá trị của con người* có tác dụng như thế nào?

Câu 4. Anh/chị hiểu ý kiến sau như thế nào: *Khiêm tốn không phải là một hành động, mà là một thái độ?*

Câu 5. Từ nội dung đoạn trích, anh/chị rút ra bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của đức tính khiêm tốn đối với thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn trích sau:

*Xuân trẻ, xuân non, xuân lịch sự
Tôi đều nhận thấy trên môi em
Làn môi mong mỏng tươi như máu
Đã khiến môi tôi mấp máy thêm*

*Từ lúc tóc em bỏ trái đào
Tới chừng cặp má đỏ au au
Tôi đều nhận thấy trong con mắt
Một vẻ ngây thơ và ước ao*

*Lớn lên em đã biết làm duyên
Mỗi lúc gặp tôi che nón nghiêng
Nghe nói ba em chưa chịu nhận
Cau trầu của khách láng giềng bên.*

(Hàn Mặc Tử¹ – *Gái quê*, NXB Hội Nhà văn, 1995)

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn.
Hai người sống giữa cô đơn,
Nàng như cũng có môi buồn giống tôi.
Giá đừng có giậu mồng tơi,*

*Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.
Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng...
Có con bướm trắng thường sang bên này.
Bướm ơi! Bướm hãy vào đây!
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi...
Chả bao giờ thấy nàng cười,
Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên,
Mắt nàng đăm đăm trông lên...
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi!*
(Nguyễn Bính² – *Người hàng xóm*, NXB Văn học, 1940)

Chú thích:

¹ Tác giả Hàn Mặc Tử: Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào Thơ mới. Tác phẩm của ông thể hiện tình yêu đau đớn và phức tạp hướng về cuộc sống thường nhật. Bài thơ *Gái quê* được in trong tập thơ cùng tên, là tập thơ đầu tay của Hàn Mặc Tử.

² Tác giả Nguyễn Bính: Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của thi ca Việt Nam. Ông được mệnh danh là “nhà thơ của tình quê” với giọng điệu thơ rất riêng, mang sắc thái quê mùa, dân dã khó trộn lẫn. Bài thơ *Người hàng xóm* được in trong tập thơ *Tâm hồn tôi*, xuất bản 1940.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 19 – ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đức tính được nhắc đến trong đoạn trích: Đức tính khiêm tốn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	2	Theo tác giả, Người khiêm tốn là người biết lắng nghe một cách chân thành. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 1 ý cho 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	- BPTT: So sánh (So sánh tính khiêm tốn với thời nam châm) - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: + Làm cho câu văn có tính hình tượng và sinh động hơn, hấp dẫn, giàu hình ảnh... + Nhấn mạnh và giúp người đọc hiểu rõ vai trò và ý nghĩa của đức tính khiêm tốn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương hoặc như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh nêu được tác dụng nội dung: 0,5 điểm - Học sinh nêu được tác dụng nghệ thuật: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	4	Câu văn <i>Khiêm tốn không phải là một hành động, mà là một thái độ</i> , có thể hiểu là: - Khiêm tốn không chỉ là một hành động bề ngoài hay một việc làm cụ thể mà ta có thể thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn. - Khiêm tốn được coi là một thái độ sống, một phẩm chất nội tâm tồn tại sâu sắc và liên tục trong con người. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương hoặc như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý : 0,5 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	5	Học sinh tự do bày tỏ quan điểm, miễn lí giải hợp lí. Một số gợi ý: - Cần phải khiêm tốn. - Biết lắng nghe, hiểu và chia sẻ với mọi người. - ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh nêu được quan điểm của mình và có lí giải hợp lí: 1,0 điểm - Học sinh nêu quan điểm nhưng không lí giải: 0,5 điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Từ đoạn trích trong phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết của đức tính khiêm tốn đối với thế hệ trẻ hiện nay.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, phối hợp móc xích hoặc song hành.	0,25

		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : Sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.	0,25
		c. <i>Viết được đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo được những nội dung sau: * Giải thích: Khiêm tốn là gì? Có rất nhiều định nghĩa cũng như cách hiểu về “khiêm tốn” nhưng chung quy lại, <i>khiêm tốn là biết kính trên nhường dưới, không tự mãn về những gì mình có, không kiêu ngạo về những gì mình làm, luôn cẩn thận gìn giữ những giá trị mình nhận được.</i> * Bàn luận: - Khiêm tốn là một đức tính cần thiết mà mỗi người cần rèn luyện, đặc biệt là ở thế hệ trẻ. - Khiêm tốn là nền tảng để chúng ta đạt được những thành công bền vững và ý nghĩa trong cuộc đời. - Sự khiêm tốn giúp chúng ta luôn biết nhìn nhận bản thân một cách khách quan từ đó xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong xã hội; ... * Mở rộng: - Cần phân biệt khiêm tốn với tự ti. - Người không có tính khiêm tốn sẽ dễ sinh tự phụ, chủ quan...	1,0
		d. <i>Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		đ. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ.	4,0
		a. <i>Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> So sánh điểm tương đồng và khác biệt của hai đoạn thơ: chủ đề về tình yêu.	0,5
		c. <i>Viết được bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * <i>Mở bài</i> : Giới thiệu khái quát về tác giả Hàn Mặc Tử, đoạn trích <i>Gái quê</i> ; tác giả Nguyễn Bính, đoạn trích <i>Người hàng xóm</i> và vấn đề nghị luận * <i>Thân bài</i> : So sánh hai đoạn trích - Điểm giống nhau: + Về nội dung: Đề tài: viết về tình yêu đôi lứa Cảm hứng chủ đạo: ca ngợi tình yêu và sự đồng cảm, chia sẻ Tư tưởng: khẳng định sự cần thiết và ý nghĩa của tình yêu đôi lứa đối với mỗi người + Về nghệ thuật: Kết hợp giữa biểu cảm với tự sự; nhân vật trữ tình giàu cảm xúc; sử dụng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ; ngôn ngữ hàm súc; giọng điệu tâm tình...	2,5

	<p>- Điểm khác nhau:</p> <p>+ Đoạn thơ trong bài Gái quê (<i>Hàn Mặc Tử</i>): Nhà thơ mượn hình ảnh mùa xuân xinh tươi, tràn đầy sức sống để nói lên tình yêu giản dị, chân thành dành cho cô gái quê.</p> <p>+ Đoạn thơ trong bài Người hàng xóm (<i>Nguyễn Bính</i>): Nhân vật trữ tình: “tôi”, “nàng” và chứng nhân là “con bướm trắng” để diễn tả cách nói ẩn dụ cho một mối tình vừa chớm nở, rất duyên và đáng yêu.</p> <p>- Lí giải</p> <p>+ Thời điểm sáng tác khác nhau</p> <p>+ Phong cách sáng tác của hai nhà thơ khác nhau</p> <p>* <i>Kết bài</i></p> <p>- Hai đoạn thơ có điểm tương đồng về đề tài, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng và hình thức thể hiện.</p> <p>- Viết về đề tài tình yêu đôi lứa của nhà thơ Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính – đại diện cho nhà thơ tình yêu của thơ ca hiện đại.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p> <p>Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có ý tưởng riêng phù hợp với vấn đề nghị luận; có cách lập luận, diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 20

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHIA TAY NGƯỜI HÀ NỘI

Bùi Thanh Tuấn

*Hà Nội mùa này vắng những cơn mưa,
Cái rét đầu đông giạt mình bật khóc.
Hoa sữa thôi rơi những chiều tan học,
Cổ Ngự¹ xưa lặng lẽ dấu chân buồn.*

*Trúc Bạch² giận hồn phía cuối hoàng hôn,
Để con nước thả trôi câu lục bát.
Quán cóc³ liêu xiêu dăm ba tiếng nhạc,
Phía Hồ Tây vọng lại một câu Kiều.*

*Hà Nội trời buồn nhớ mắt người yêu,
Nhớ góc phố nhớ hàng me kỷ niệm.
Nhớ buổi chia tay mắt đầy hoa tím,
Ngõ hoa giờ hút dấu gót hài xưa*

Hà Nội mùa này nhớ những cơn mưa...

(Bài thơ này được đăng trên tạp chí Tuổi xanh năm 1992, sau đó đã được nhạc sĩ Trương Quý Hải phổ nhạc thành bài hát Hà Nội mùa vắng những cơn mưa).

Chú thích:

¹Cổ Ngự: Đường Cổ Ngự, trước đây là đường Thanh Niên. Theo Sách “Long thành dật sử” thì Cổ Ngự là hai tiếng Cổ Ngự (nghĩa là giữ vững) mà ra. Đường bắt đầu từ đầu ô Yên Hoa (nay là đầu phố Yên Phụ) kéo xuống đến đền Quán Thánh (Hà Nội).

²Trúc Bạch: Hồ Trúc Bạch là một hồ thuộc quận Ba Đình, thủ đô Hà Nội, Việt Nam, nguyên là một phần hồ Tây.

³Quán cóc: (Khẩu ngữ) quán (bán hàng) nhỏ, có tính tạm bợ, ven đường. Quán thường có ghế nhỏ và thấp, có thể ngồi xỏm. Quán cóc cũng là một nét riêng của Hà Nội.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2. Tìm những chi tiết nói về “Hà Nội mùa này”.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp điệp từ ở khổ ba của bài thơ.

Câu 4. Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 5. Từ tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ ba và câu thơ cuối, anh/ chị hãy bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của việc nâng niu kỷ niệm đối với mỗi con người (Trả lời trong khoảng 5-7 dòng).

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về hình ảnh “Hà Nội mùa này” trong hai khổ đầu của bài thơ ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Trong bài thơ “Lưu biệt khi xuất dương”, nhà thơ Phan Bội Châu có viết:

*Muốn vượt Biển Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiến ra khơi.*

Từ khát vọng của Phan Bội Châu qua hai câu thơ trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để bàn luận về chủ đề: Khát vọng dân thân của tuổi trẻ hôm nay.

(Dẫn thân: là hành động lao vào công việc hoặc một hoạt động nào đó, bất chấp cả những khó khăn và chông gai có thể được thấy trước).

- HẾT -

ĐỀ SỐ 20 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	- Thể thơ tám chữ. - Dấu hiệu nhận biết: mỗi dòng thơ đều có tám chữ.	0,5
	2	- Những chi tiết nói về “Hà Nội mùa này” : vắng những cơn mưa; cái rét đầu đông; hoa sữa thôi rơi; dấu chân buồn đường Cổ Ngư; hoàng hôn Trúc Bạch; quán cóc liêu xiêu; câu Kiều vọng phía Hồ Tây... <i>(Trả lời 3- 4 ý cho tối đa 0,5 điểm).</i>	0,5
	3	- Biện pháp điệp từ ở khổ ba của bài thơ : điệp từ “nhớ”. <i>(0,25)</i> - Tác dụng : + Nhấn mạnh nỗi nhớ da diết của nhân vật trữ tình về ngày đã xa: nhớ mắt người yêu, nhớ góc phố, nhớ buổi chia tay... <i>(0,5)</i> + Tạo âm hưởng da diết, khắc khoải. <i>(0,25)</i>	1,0
	4	- Sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ : + Những cảm nhận về Hà Nội trong hiện tại “Hà Nội mùa này” (hai khổ đầu). + Nhớ người yêu gắn liền với những kỉ niệm về Hà Nội trong quá khứ (khô ba và câu thơ cuối).	1,0
	5	- Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong khổ ba và câu thơ cuối : nhớ người yêu gắn liền với những kỉ niệm về Hà Nội trong quá khứ-> Nỗi nhớ khiến cho câu thơ thêm khắc khoải, kỉ niệm đâu có buồn nhưng vẫn là một phân kí ức đầy cảm xúc <i>(0,25)</i> . - Ý nghĩa của việc nâng niu kỉ niệm (0,75) : + Biết trân trọng quá khứ, những kỉ niệm vui làm con người thêm vui vẻ, ấm áp, kỉ niệm buồn mang lại những bài học cho cuộc sống hiện tại. + Tâm hồn của con người trở nên phong phú, sâu sắc hơn. + Khích lệ con người vượt qua khó khăn, thử thách, hướng tới những điều tích cực, lạc quan. Từ đó, biết trân trọng mỗi giây phút của hiện tại. <i>(Học sinh có thể trả lời khác đáp án, vẫn cho điểm tối đa nếu hợp lí)</i>	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về hình ảnh “Hà Nội mùa này” trong hai khổ đầu của bài thơ ở phần Đọc hiểu.	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : hình ảnh “Hà Nội mùa này” trong hai khổ đầu của bài thơ.	0,25
		c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - “Hà Nội mùa này” đẹp nhưng hiu hắt buồn, gợi hồn, mang những nét đặc trưng mà chỉ riêng Hà Nội mới có khi đông bắt đầu chạm ngõ: <i>vắng những cơn mưa, cái rét đầu đông, hoa sữa thôi rơi, quán cóc liêu xiêu...</i>	1,0

	<p>- Vẻ đẹp đậm chất văn hóa, giàu chất thơ và bình yên: <i>những tên đường, tên hồ... mang vẻ đẹp văn hóa của phố phường Hà Nội; hình ảnh con nước thả trôi câu lục bát, quán cóc liêu xiêu dăm ba tiếng nhạc, phía Hồ Tây vọng lại một câu Kiều...</i></p> <p>- Những từ ngữ giàu giá trị biểu cảm, nghệ thuật nhân hóa, âm điệu câu thơ đa diết, khắc khoải càng tô đậm vẻ đẹp riêng, nhiều cảm xúc, như khắc chạm vào trái tim con người của “Hà Nội mùa này”.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo.</p>	0,25
2	<p>Trong bài thơ “Lưu biệt khi xuất dương”, nhà thơ Phan Bội Châu có viết: “<i>Muốn vượt bể Đông theo cánh gió. Muôn trùng sóng bạc tiến ra khơi</i>”. Từ khát vọng của Phan Bội Châu qua hai câu thơ trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) để bàn luận về chủ đề: Khát vọng dẫn thân của tuổi trẻ hôm nay.</p>	4,0
	<p><i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i></p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Khát vọng dẫn thân của tuổi trẻ.</i></p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: - Ý nghĩa hai câu thơ của Phan Bội Châu: Khát vọng lên đường cứu nước của tác giả- một khát vọng lớn lao, mang tầm vóc vũ trụ. Đây cũng chính là khát vọng dẫn thân của thế hệ cha ông thời kì đất nước bị xâm lược. - Bàn luận về khát vọng dẫn thân của tuổi trẻ hôm nay: + Giải thích: dẫn thân là hành động lao vào công việc hoặc một hoạt động nào đó, bất chấp cả những khó khăn và chông gai có thể được thấy trước. + Tuổi trẻ hôm nay cần có khát vọng dẫn thân: để phát huy được giá trị của bản thân, để cuộc sống có ý nghĩa, có ích đối với cộng đồng... + Khát vọng dẫn thân của tuổi trẻ hôm nay được thể hiện: không ngừng học tập, tu dưỡng đạo đức; xung phong đến những nơi đầu sóng ngọn gió, nơi biên cương để bảo vệ sự bình yên của Tổ quốc; đi đầu trong các lĩnh vực mới và khó (khoa học, công nghệ thông tin); luôn tìm tòi, sáng tạo, vượt ra khỏi vùng an toàn của chính mình, dám thay đổi (vượt ra khỏi những hủ tục lạc hậu, đi ngược lại cách chọn nghề theo số đông để bứt phá)... + Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác (còn có những người trẻ sống thờ ơ, lười biếng, ỷ lại, hay sợ hãi; khát vọng dẫn thân phải dựa trên việc hiểu rõ về bản thân, nghiên cứu tình hình thực tế chứ không phải liều lĩnh, bốc đồng; dẫn thân làm những điều tích cực chứ không phải những việc làm tiêu cực...).</p>	2,5

	<p>+ Tuổi trẻ hôm nay cần phải nuôi dưỡng khát vọng, ước mơ, trau dồi trí tuệ, học tập tấm gương của những người đi trước... để có thể bước vào tương lai trong một tư thế mạnh mẽ, chủ động, tích cực.</p> <p>* Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận.</p> <p><i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	
	<p>d. <i>Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p>đ. <i>Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 21

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(Lược đoạn đầu: Từ nhỏ tới lớn, Tâm luôn cảm thấy mình và cha như có bức tường chắn vô hình, Tâm là đồ bỏ trong mắt cha. Nhưng khi còn hôm nay ở nhà rồi mai Tâm nhập ngũ, hai cha con anh đã cùng ngồi tâm sự với nhau. Trước đó, ba lần cha không chịu kí vào đơn để Tâm được đi bộ đội.)

Ông từ chối ký đơn tình nguyện nhập ngũ của Tâm. “Học hành cho xong đi. Muốn trở thành một quân nhân thì trước tiên phải có học thức”, ông nói vậy, không buồn nhìn lá đơn. Ông không biết và không hề muốn biết rằng ở phòng tuyển quân của Khu đội người ta đã gần như nhắm mắt con trai ông. Hết lần đơn này tới lần đơn khác của Tâm đều bị gạt. Cay đắng, tủi phận, song Tâm vẫn nhẫn nại. Lượng người xung phong vào bộ đội không phải là ít, lắm bữa đông nườm nượp, có cả phụ nữ, hầu hết đều được toại nguyện.

Chỉ trừ Tâm. Con trai một, lại đang học dở cấp ba. Đơn tình nguyện không có chữ ký của phụ huynh. Thêm nữa... Một cán bộ ở Ban tuyển quân do phải tiếp Tâm quá nhiều lần đã đành thực tình nói thẳng: “Thực tiễn chiến trường chưa cần phải huy động tới học trò con một”. Ông động viên: “Bù lại cậu có tinh thần cao. Thế là tốt, cứ yên tâm. Chẳng chóng thì chầy. Ngay lập tức thì khó, nhưng gì chứ đi đánh Mỹ thì chẳng lo hết lượt”.

Vào lứa tuổi của Tâm, nổi sần muộn có thể giúp người ta phát triển dài người ra như là được bón thúc. Chân, tay, tóc tai, cổ và cằm, các đốt xương. Mình mẩy mọc thêm nhiều thứ, thừa thãi, bơ phờ. Và vừa bãi hoại. Về đêm thì ngủ mê, nói mớ và rên rỉ, một mình vật vã trên gác xép... Mẹ Tâm mua lá ở hàng thuốc nam, sắc lên, ép anh uống, ngày một bát. Mẹ bảo:

- Chịu khó uống. Cho dịu mộng mị, con ạ. Cho khuây đi...

Như vậy là chẳng những không ký đơn cho Tâm, cha anh còn giấu biệt không để mẹ biết việc anh xin nhập ngũ. Khiên cho mẹ nghĩ rằng vì Loan. Mẹ đã gán cho Tâm nỗi đau tình ái. Mẹ nghĩ rằng anh tương tự cô gái dưới gầm cầu thang.

(Lược một đoạn: Loan là hàng xóm và cũng là bạn cùng lớp với Tâm nhưng hai người khá lạnh nhạt với nhau. Khi bố Loan mất, Loan tham gia lực lượng thanh niên xung phong. Mặc dù lý lịch của cô đầy uẩn khúc nhưng đơn tình nguyện của cô lại được chấp thuận, còn của Tâm thì không nên lòng anh rất buồn. Rồi từ lúc Loan đi, Tâm bỗng nhiên chao đảo và có tình cảm với cô)

Mẹ anh có lẽ đã âm thầm hiểu thấu lòng anh hơn cả bản thân anh. Chính là mẹ đã thuyết phục cha ký vào lá đơn tình nguyện thứ tư. “Đừng nên ngăn nữa mình ạ. Nó mong đi bộ đội cơ mà. Và nó thương nhớ con bé ấy. Yêu nước thì cũng như là yêu nhau, có khác gì đâu mà ngăn. Mà ngăn làm sao được hờ mình”. Mặc dù cha mẹ nói chuyện rất khế tiếng, nhưng vì nằm ngủ ở gác xép ngay sát bên trên nên vào lúc nửa đêm khi bất chợt thức giấc, Tâm nghe thấy.

Cha mẹ cùng ký. Và cả đêm, Tâm nghe tiếng mẹ khóc khe khẽ. Tiếng cha rầu rầu an ủi mẹ. Tỉnh thoảng lại bật ho.

Sáng hôm sau cha cùng Tâm tới Khu đội. Dọc đường, ông bảo: “Cha mẹ muốn con học lên, vào đại học, với lại thấy sức vóc con yếu ớt, tâm tính cũng còn non dại, nên dùng đảng không ký đơn cho con. Giờ cha thấy lòng con đã quyết... Vậy cũng là phải thôi con ạ. Làm trai sinh ra gặp thời loạn lạc không thể đứng đung với vận nước. Nước mất thì nhà tan, ấy là châm ngôn truyền đời... Có điều, con ạ, cha không hoàn toàn an tâm. Cha sẽ chỉ an tâm nếu như biết chắc được rằng con quyết ý ra đi là bởi con thật sự thấy con đường mình chọn là đúng với đời con chứ không phải chỉ vì con muốn thoát khỏi tai tiếng gia đình, muốn chạy khỏi những phiền muộn riêng tư...”.

Chiếc đồng hồ treo tường thông thả gõ chuông. Ông chủ quán Định Mệnh bật công tắc đèn. Ngọn đèn đỏ đồng đọc, trông rõ sợi tóc trong bóng. Ngoài trời, màn mưa mờ mỏng như lớp sương vàng nhạt sa phủ trên thành phố, làm nhòa ánh sáng những vệt đèn đường.

- Ta về thôi con nhi - cha Tâm nói và vẫn ngồi yên - Thế là đã qua mất một ngày... Và vậy là mai con đi. Mai con đi rồi...

Cái buổi chiều tối ấy, cái quán cà-phê ấy và nói chung, tất cả những ngày xưa cũ ấy sống mãi suốt đời Tâm, nhưng chắc chắn là anh sẽ không bao giờ muốn nhớ lại làm gì nếu như không vì muốn có một lần trở về với tình cha con xưa cũ và nhiều đau đớn của một thời.

(Trích *Vô cùng xưa cũ*, Bảo Ninh, in trong *Những truyện ngắn*, NXB Trẻ, 2020)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Trong câu chuyện trên, tâm trạng của Tâm ra sao khi đơn xin nhập ngũ không được chấp thuận?

Câu 2. Theo văn bản, điều gì khiến cha của Tâm cảm thấy yên tâm khi con trai mình đi nhập ngũ.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của phép điệp được sử dụng trong lời thoại sau: “- *Ta về thôi con nhi - cha Tâm nói và vẫn ngồi yên - Thế là đã qua mất một ngày... Và vậy là mai con đi. Mai con đi rồi...*”.

Câu 4. Nhận xét sự kết nối giữa lời nhân vật và lời người kể chuyện trong đoạn văn: “*Mẹ anh có lẽ đã âm thầm hiểu thấu lòng anh hơn cả bản thân anh. Chính là mẹ đã thuyết phục cha ký vào lá đơn tình nguyện thứ tư. “Đừng nên ngăn nữa mình ạ. Nó mong đi bộ đội cơ mà. Và nó thương nhớ con bé ấy. Yêu nước thì cũng như là yêu nhau, có khác gì đâu mà ngăn. Mà ngăn làm sao được hở mình”. Mặc dù cha mẹ nói chuyện rất khẽ tiếng, nhưng vì nằm ngủ ở góc xếp ngay sát bên trên nên vào lúc nửa đêm khi bất chợt thức giấc, Tâm nghe thấy.*”

Câu 5. Từ nội dung đoạn trích, anh/ chị hiểu thêm được điều gì về thế hệ trẻ trong thời kì chiến tranh của đất nước ta.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về nhân vật Tâm trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về những cơ hội và thách thức đối với tuổi trẻ hiện nay.

- HẾT -

ĐỀ SỐ 21 - ĐÁP ÁN

Phân	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Tâm trạng của Tâm khi đơn xin nhập ngũ không được chấp thuận: <i>bài hoai. Về đêm thì ngủ mê, nói mơ và rên rỉ, một mình vật vờ trên gác xép</i>	0,5
	2	Điều khiến cha của Tâm cảm thấy yên tâm khi con trai mình đi nhập ngũ: <i>Cha sẽ chỉ an tâm nếu như biết chắc được rằng con quyết ý ra đi là bởi con thật sự thấy con đường mình chọn là đúng với đời con chứ không phải chỉ vì con muốn thoát khỏi tai tiếng gia đình, muốn chạy khỏi những phiền muộn riêng tư...</i>	0,5
	3	Hiệu quả của phép điệp ngữ “ <i>mai con đi</i> ”: <ul style="list-style-type: none"> • Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, tạo giọng điệu tha thiết và truyền cảm tới người đọc. • Nhấn mạnh được tình cảm sâu sắc, gắn bó, niềm lưu luyến và có chút lo lắng của người cha dành cho nhân vật Tâm khi con nhập ngũ. 	1,0
	4	Lời nhân vật: “ <i>Đừng nên ngăn...hở mình</i> ”. Lời người kể chuyện: các câu còn lại Nhận xét sự kết nối giữa lời nhân vật và lời người kể chuyện: lời người kể chuyện và lời nhân vật được kết nối một cách tự nhiên, linh hoạt, khéo léo, giúp thể hiện rõ được tình yêu thương, quan tâm lo lắng sâu sắc của người mẹ dành cho nhân vật Tâm.	1,0
5	<i>Gợi ý:</i> - Đó là thế hệ sống có lý tưởng cao đẹp, sẵn sàng xung trận đánh đuổi giặc thù bảo vệ tổ quốc. - Họ rất dũng cảm, có lòng tự trọng khi không bị bắt đi nhưng không để bạn bè ra trận mà mình được sống yên ổn ở nhà.	1,0	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ): trình bày suy nghĩ về nhân vật Tâm trong đoạn trích	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: suy nghĩ về nhân vật Tâm trong đoạn trích	0,25
	<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Tâm là người thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp. Xung phong nhập ngũ là đi vào nơi tử địa nhưng anh vẫn khát khao được ra trận. - Anh là người kiên định với mục tiêu. Dù anh được vào diện miễn đi ra trận, rồi bị cha không kí cho đi nhưng vẫn kiên nhẫn để được nhập ngũ. - Anh là người con ngoan, có tâm hồn nhạy cảm. Dù bị cha ngăn cản ra trận nhưng anh không hề oán thán hay ghét bỏ cha. Những	1,0	

	<p>kỉ niệm gắn bó cùng cha đã trở thành kỉ niệm sâu sắc trong suốt cuộc đời của anh.</p> <p>- Nhân vật được xây dựng kết hợp giữa điểm nhìn bên trong (tâm lý nhân vật) và điểm nhìn bên ngoài (các sự kiện), kết hợp với tình huống truyện độc đáo đã làm bật lên lí tưởng sống cao đẹp của nhân vật.</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	<p>Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về những cơ hội và thách thức đối với tuổi trẻ hiện nay.</p>	4,0
	<p><i>a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Những cơ hội và thách thức đối với tuổi trẻ hiện</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận * Thân bài: - Giải thích vấn đề nghị luận: + Cơ hội: là lợi thế mà con người có thể tận dụng để đạt được mục tiêu hoặc thay đổi tình huống hiện tại theo hướng tích cực + Thách thức: là những khó khăn, thách thức đòi hỏi con người phải có sự cố gắng, nỗ lực để vượt qua. - Bàn luận + Việc tiếp cận thông tin dễ dàng qua internet giúp tuổi trẻ mở rộng kiến thức, tìm hiểu về nhiều lĩnh vực khác nhau và phát triển bản thân. Cơ hội học tập, làm việc và kinh doanh thuận lợi hơn bao giờ hết. + Áp lực từ xã hội, gia đình và bản thân khiến cho tuổi trẻ phải đối diện với stress và lo lắng liên tục. Cuộc sống hiện đại đầy cạnh tranh khiến họ phải chịu áp lực lớn về việc thành công trong công việc. Những áp lực đó ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe và tinh thần của tuổi trẻ. + Để vượt qua khó khăn và tận dụng cơ hội hiện có, tuổi trẻ cần rèn luyện cho bản thân: lòng kiên trì, sự tự tin, ý chí mạnh mẽ..... ... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,... * Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật</i></p>	2,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i></p>	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 22

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRÊN XUẤT SẮC

Phạm Sông Hồng

Tiếng thằng bé vút qua tai tôi khi nó vừa nói như hét vừa lao vào nhà, cả người chúi về phía trước: Mẹ ơi, con được *Học sinh xuất sắc*, được thưởng một cái hộp xếp hình.

Tôi chưa kịp khen thì vừa tháo quai cặp khỏi vai, nó lại hỏi tiếp: Mẹ ơi thế tiên tiến với xuất sắc thì cái gì hơn?

Tôi trả lời chưa dứt câu, nó dồn ngay: Thế trên xuất sắc là gì hả mẹ?

Tôi đành xin khát đến hôm sau.

*

Tôi không muốn trả lời con một cách cho xong việc. Sự trong trắng của trẻ con như tờ giấy trắng, nó đòi hỏi ta phải cẩn trọng, phải bản khoăn khi có lời. Tôi thường hỏi hộp khi ngồi vào bàn viết trước một trang giấy quá trắng.

*

Không hiểu có phải tôi bắt đầu già nên thời gian gần đây tôi hay nghĩ về kỉ niệm tuổi thơ. Và tôi thấy tuổi thơ của một người hình như có thể gói gọn trong một hình ảnh nhiều khi như rất nhỏ nhoi, vô nghĩa... với kẻ khác

Qua những câu chuyện của cha về bãi biển Quy Nhơn với những ngôi nhà đủ kiểu trên cát, tôi bỗng hiểu những hạt cát ướn kia chính là tuổi thơ cha. Và cái ngôi nhà rộng, người lạ đến mang hết đồ đạc đi, và tiếng rơi bát chọt của cái thìa nhôm hàng ngày bà ngoại đã bón com cho dì, cậu tôi... bỗng âm vang lạ lùng trên nền nhà vắng... là tuổi thơ mẹ.

Tuổi thơ của tôi là gì?

*

Nhưng tôi còn phải trả lời con tôi.

Tôi không hài lòng lắm với câu tôi đã định trả lời, tôi bỗng cảm thấy nó có vẻ nông cạn và công thức. Càng ngày tôi càng hiểu những câu hỏi bao giờ cũng thú vị cũng hấp dẫn hơn những câu trả lời. Hình như một trong những cái khổ của người lớn là hay phải trả lời.

*

Trên xuất sắc nghĩa là từ những miếng nhựa này, con xếp được nhiều thứ nhất.

Thằng bé như muốn được “trên xuất sắc” ngay, nó ôm thật nhanh cái hộp vào góc nhà và bắt đầu xếp...

Lúc tôi đến bên thì thằng bé đang xếp một hình gì đó thật khó hiểu: nó gồm các miếng nhựa chồng lên nhau, mỗi “tầng” một miếng cao ngất ngưỡng, trên cùng là một miếng vuông.

Con xếp gì đấy? Nhà đây mẹ ạ. Đây không phải là nhà con ạ. Nói rồi tôi định dỡ “ngôi nhà” kì cục kia, xếp mẫu cho nó xem, nhưng nó đã gạt tay tôi ra một cách quyết liệt: Nhà của con, có sân bay trên nóc đấy!

Tôi ngỡ người không phải vì cái gạt tay quyết liệt nhưng yếu ớt kia mà vì mấy tiếng rất đĩnh đạc, rất người lớn của thằng bé: Nhà của con.

*

Tôi cũng đã từng xây nhà, những ngôi nhà cát ướn, trong có những vỏ ốc làm chén bát, những cuống lá làm thìa để “ngôi nhà” khỏi trông trải. Mọi người đã cười những “ngôi nhà cát” kì quặc và rồ dại ấy vì hình dáng của chúng chỉ giống mỗi trí tưởng tượng của tôi.

Thế mà lúc chiều, suýt nữa tôi đã làm hỏng “ngôi nhà” tưởng tượng của nó.

Nó có vẻ giận tôi, bắt hợp tác...

Tôi lại lan man nghĩ đến tuổi thơ của mình.

*

Không hiểu bây giờ tôi là ai nếu hỏi ấy mẹ đồng ý khi tôi định bỏ học đi làm kiếm tiền giúp bố mẹ như nhiều nhà khác. *Nhà mình nghèo thật, nhưng bố mẹ sẽ cố hết sức để các con được đi học vì mẹ biết dù nói thế con vẫn rất muốn được đi học.* Và tôi sẽ là ai khác nữa nếu

hỏi ấy cha không đồng ý để tôi theo học một ngành rất “con trai”, ngành tự động học mặc dầu ông rất muốn con theo nghề viết.

Hay là cha mẹ không ép tôi vì đã dừng dưng trước tương lai của đứa con đầu lòng búng binh? Nếu vậy thì buồn quá!

Rồi chẳng hiểu con có gì lại đưa đẩy tôi trở về với nghiệp cha. Khi cầm tập truyện đầu tay của tôi, cha chỉ im lặng xoa đầu con gái, mắt cười đầy nước.

Tôi bỗng hiểu cha mẹ đã yêu tôi, đã hi sinh thầm lặng vì những *ngôi nhà của tôi* như thế nào.

*

Tôi thấy cần phải gặp con đã như một việc khẩn cấp để xin lỗi nó và để nói với nó rằng: Con đã làm được một việc trên xuất sắc vì con đã xây một ngôi nhà đúng là *nhà của con*.

Tôi nhìn ngôi nhà xếp kỉ quặc của nó sừng sững trên bàn, nấn ná mãi mới dặt được xe ra cửa...

(*Tiếng đáy* - Tập truyện ngắn của Phạm Sông Hồng, NXB Hội Nhà văn - Công ti sách Hà Nội, 2007, tr. 204 - 210)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

Câu 1. Xác định ngôi kể được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra một biểu hiện cho thấy sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản.

Câu 3. Nêu đặc điểm tính cách của nhân vật người con được thể hiện trong văn bản.

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về ý nghĩa các cụm từ “*nhà của con*” trong lời cậu bé và “*ngôi nhà của tôi*” trong lời người kể chuyện?

Câu 5. Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh/chị sau khi đọc văn bản trên. Lý giải.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nhận xét, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích “Trên xuất sắc” (Phạm Sông Hồng).

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến: *Người trẻ hiện nay nên sống với ước mơ của mình hay sống theo kỳ vọng của cha mẹ?*

- HẾT -

ĐỀ SỐ 22 – ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể: ngôi thứ nhất.	0,5
	2	Biểu hiện cho thấy sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản: - <i>Con xếp gì đấy? Nhà đây mẹ ạ. Đây không phải là nhà con ạ. Nói rồi tôi định dỡ “ngôi nhà” kì cục kia, xếp mẫu cho nó xem, nhưng nó đã gạt tay tôi ra một cách quyết liệt: Nhà của con, có sân bay trên nóc đấy!</i> - <i>Không hiểu bây giờ tôi là ai nếu hỏi ấy mẹ đồng ý khi tôi định bỏ học đi làm kiếm tiền giúp bố mẹ như nhiều nhà khác. Nhà mình nghèo thật, nhưng bố mẹ sẽ cố hết sức để các con được đi học vì mẹ biết dù nói thế con vẫn rất muốn được đi học.</i> Lưu ý: HS chỉ cần nêu một biểu hiện.	0,5
	3	- Đặc điểm tính cách của nhân vật người con được thể hiện trong văn bản: - Có tâm hồn trong sáng, có ước mơ riêng. - Có suy nghĩ độc lập, mạnh mẽ, quyết đoán, bản lĩnh. ...	1,0
	4	- Ý nghĩa các cụm từ “nhà của con” trong lời cậu bé + Nghĩa đen: là mô hình thiết kế ngôi nhà đồ chơi bằng nhựa do cậu bé lắp ghép. + Nghĩa bóng: chỉ ước mơ, suy nghĩ, dự định, kế hoạch cuộc đời riêng của cậu bé. - Ý nghĩa cụm từ “ngôi nhà của tôi” trong lời người kể chuyện: ước mơ, mong muốn của người mẹ.	1,0
	5	- Thông điệp: con người sẽ được hạnh phúc nếu được sống với mong muốn suy nghĩ riêng của bản thân mình; và chỉ cần sống hết với khả năng của bản thân thì đã có thể trở thành người xuất sắc. - Lí giải (HS trình bày khoảng hai lí giải hợp lý, thuyết phục)	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) nhận xét, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích “Trên xuất sắc” (Phạm Sông Hồng).	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích</i>	0,25
		c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Nêu câu chủ đề (nghệ thuật kể chuyện) - Nhận xét, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích: (Gợi ý: ngôi kể thứ nhất, đặt điểm nhìn ở nhân vật một người mẹ, tăng tính chân thật, thể hiện suy nghĩ sâu sắc của người trải nghiệm...)	1,0

	<i>d. Diễn đạt:</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến: Người trẻ hiện nay nên sống với ước mơ của mình hay sống theo kỳ vọng của cha mẹ?	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Nghị luận xã hội.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Trình bày ý kiến về vấn đề: <i>Người trẻ hiện nay nên sống với ước mơ của mình hay sống theo kỳ vọng của cha mẹ?</i>	0,5
	<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: 1. Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. 2. Triển khai vấn đề nghị luận: * Giải thích * Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: - Mỗi người là một cá thể độc lập; cha mẹ và con cái thuộc hai thế hệ khác nhau, hoàn cảnh sống khác nhau, quan điểm về giá trị sống cũng không thể như nhau. Vì thế, người trẻ nên sống theo ước mơ của bản thân. - Sống với ước mơ của mình giúp người trẻ phát huy nội lực của bản thân; khiến họ vui vẻ, hạnh phúc, dễ thành công, góp phần cống hiến, xây dựng đất nước,... - Sống theo kỳ vọng của cha mẹ dễ khiến người trẻ trở nên thụ động, mất phương hướng, dễ rơi vào áp lực,.... - Phản biện: Cha mẹ thuộc thế hệ những người trưởng thành, kinh nghiệm vốn sống phong phú, người trẻ đôi khi còn nông cạn, thiếu nhiều kĩ năng, nên cần tham khảo ý kiến bố mẹ. - Cách ứng xử phù hợp: Người trẻ nên sống theo ước mơ của mình và lắng nghe kỳ vọng, mong muốn của cha mẹ - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện. * Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.	2,5
	<i>d. Diễn đạt:</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

- HẾT -

ĐỀ SỐ 23

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

DI TÍCH LỊCH SỬ CHIẾN KHU Đ: CĂN CỨ QUAN TRỌNG CỦA CÁCH MẠNG

Thùy Trang - Hồng Thuận

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Chiến khu Đ là căn cứ quan trọng của cách mạng ở miền Đông Nam bộ. Với những giá trị lịch sử gắn với vùng đất này, Chiến khu Đ đã được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia và là một trong những địa chỉ về nguồn ý nghĩa cho các thế hệ mai sau...

Lịch sử hình thành

(1) Chiến khu Đ được hình thành vào tháng 2-1946 với địa bàn ban đầu bao gồm 5 xã: Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An thuộc huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc TX.Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Trong từng giai đoạn lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc, phạm vi Chiến khu Đ lại có sự thay đổi. [...] Từ năm 1948 trở đi, Chiến khu Đ được mở rộng, lấy đường 16 từ phía tây và sông Đồng Nai từ phía nam làm ranh giới để mở rộng lên phía bắc tới Phước Hòa và phía đông tới sông Bé; sau đó tiếp tục vượt qua sông Bé phát triển mãi lên phía bắc và đông bắc. [...] Sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, từ phạm vi chiến khu cũ (chủ yếu nằm trên địa bàn Tân Uyên), ta chuyển dần trung tâm căn cứ lên phía đông bắc. Đến đầu năm 1975, căn cứ được xây dựng hoàn chỉnh, phạm vi mở rộng tới đa...

(2) Chiến khu Đ là nơi ra đời lối đánh đặc công, khởi đầu là trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên ở Tân Uyên ngày 19-3-1948, để từ đó hình thành bộ đội đặc công, phát triển lối đánh đặc công ra cả nước. Chiến khu Đ còn là nơi gắn liền với những chiến công vang dội của quân và dân miền Đông Nam bộ, trong đó có những trận đánh tiêu biểu, như: Trận Bảo Chánh (5-1947), Trận Táo (6-1947), Bảo Chánh 2 (6-1947), Bàu Cá (7-1947), Đồng Xoài (12-1947), La Ngà (3-1948), trận tấn công tiểu khu Phước Thành (9-1961), trận pháo kích vào sân bay Biên Hòa (10-1964)... Đặc biệt, đây là nơi xuất phát chiến dịch 12 ngày đêm (từ ngày 9 đến 21-4-1975) giải phóng thị xã Long Khánh, mở đường cho chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tồn tại gần 30 năm (1946-1975), Chiến khu Đ là một dấu son trong trang sử oai hùng của “Miền Đông gian lao mà anh dũng”.

Phát huy giá trị di tích

(3) Trong các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh, Chiến khu Đ là một trong những địa chỉ được nhiều người, các ban ngành, đoàn thể, các trường học... trong và ngoài địa phương thường chọn để tổ chức các chuyến về nguồn hay tổ chức các buổi sinh hoạt ý nghĩa khác. Bởi lẽ, với các thế hệ đi sau, đặc biệt là tuổi trẻ, lịch sử oai hùng của vùng đất Chiến khu Đ mãi là niềm tự hào để mỗi khi có dịp đến thăm, tìm hiểu về vùng đất lịch sử này họ sẽ khắc sâu thêm lòng tự hào dân tộc để tiếp tục ra sức phấn đấu trong lao động và học tập, góp phần tích cực vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng phát triển hơn.

(Theo <https://baobinhduong.vn/> Cập nhật: 22-08-2020)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Xác định hai thông tin chính của văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra cách trình bày thông tin của đoạn văn (2): “Chiến khu Đ là nơi ra đời lối đánh đặc công ... gian lao mà anh dũng”.

Câu 3. Những câu văn sau giúp anh/chị hiểu như thế nào về thái độ của người viết đối với di tích lịch sử Chiến khu Đ?

“Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Chiến khu Đ là căn cứ quan trọng của cách mạng ở miền Đông Nam bộ. Với những giá trị lịch sử gắn với vùng đất này, Chiến khu Đ đã được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia và là một trong những địa chỉ về nguồn ý nghĩa cho các thế hệ mai sau...”

Câu 4. Nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề và nội dung của văn bản trên.

Câu 5. Qua văn bản, hãy đề xuất một giải pháp để phát triển tình yêu lịch sử - văn hóa dân tộc cho học sinh trong trường học mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất hiện nay và giải thích lí do.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh /chị về sức mạnh của tinh thần lạc quan đối với mỗi người qua văn bản sau:

Ai đó nói rằng cách tốt nhất để hóa giải khó khăn là đi xuyên qua nó. Đi xuyên qua mây mù bằng giấc mơ phi công giữ gìn từ thơ bé. Đi xuyên qua gian khổ bằng lòng lạc quan. Đi xuyên qua u mê bằng khao khát hướng đến trí tuệ, thông sáng. Đi xuyên qua thất bại bằng sự điềm đạm trưởng thành. [...] Vì triệu năm đã là như thế, cuộc đời có hôm nắng đẹp, có ngày mưa dầm, có tuần mây đen như đè nặng, có khoảnh khắc u ám tối dạ, rỗng đầu, nhưng mặt trời vẫn mọc mỗi sớm mai. Không phải ai cũng trở thành phi công lái Airbus hay Boeing đúng y như giấc mơ tuổi nhỏ. Nhưng ai cũng có thể học cách giữ cho mình giấc mơ bay xuyên qua những tầng mây, đón nắng rọi sáng tâm hồn khiến nụ cười luôn nở trên môi.

(Trích *Bay xuyên những tầng mây*, Hà Nhân, NXB Văn học, 2016, tr. 98)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 600 chữ) cảm nhận về vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ sau:

DÁNG ĐỨNG VIỆT NAM

*Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhứt
Nhưng Anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng
Và Anh chết trong khi đang đứng bắn
Máu Anh phun theo lửa đạn cầu vồng.
Chợt thấy anh, giặc hốt hoảng xin hàng
Có thằng sụp xuống chân Anh tránh đạn
Bởi Anh chết rồi nhưng lòng dũng cảm
Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công
Anh tên gì hồi Anh yêu quý
Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng
Như đôi dép dưới chân Anh giẫm lên bao xác Mỹ
Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong
Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ
Anh chẳng để lại gì cho riêng Anh trước lúc lên đường
Chỉ để lại cái dáng-đứng-Việt-Nam tạc vào thế kỷ:
Anh là chiến sỹ Giải phóng quân.
Tên Anh đã thành tên đất nước
Ôi anh Giải phóng quân!
Từ dáng đứng của Anh giữa đường băng Tân Sơn Nhứt
Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân.*

(Theo *Ca Lê Hiến - Lê Anh Xuân toàn tập*, Nhiều tác giả, NXB Văn hóa - Văn nghệ, 2001, tr.195)

*Lê Anh Xuân tên thật là Ca Lê Hiến, sinh ngày 5 tháng 6 năm 1940 tại Bến Tre. Ông là một nhà thơ có tài năng thiên bẩm, một chiến sĩ dũng cảm. Ngay từ những bài thơ đầu tiên ra mắt bạn đọc, Lê Anh Xuân đã được đánh giá cao. Những vần thơ nồng đượm tình yêu đất nước, quê hương, ngập tràn lí tưởng cách mạng và vững vàng một niềm tin chiến thắng của Lê Anh Xuân đã trở thành những giai điệu nằm lòng một thời của nhiều thế hệ trẻ.

Dáng đứng Việt Nam là thi phẩm cuối cùng của nhà thơ - chiến sĩ Lê Anh Xuân, được viết tháng 3/1968 trong những ngày khói lửa của cuộc Tổng tiến công mùa xuân Mậu Thân.

---HẾT---

ĐỀ SỐ 23 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Hai thông tin chính của văn bản: - Cung cấp thông tin về lịch sử hình thành và vai trò của Chiến khu D trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. - Phát huy giá trị di tích lịch sử chiến khu Đ.	0,5
	2	- Cách trình bày thông tin của các đoạn văn (2): + Theo trình tự thời gian + Cách trình bày ý chính và ý chi tiết	0,5
	3	Thái độ người viết qua các câu văn: - Tự hào, ca ngợi về tầm quan trọng của chiến khu D trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta. - Niềm tin mãnh liệt về những giá trị của di tích lịch sử chiến khu Đ đối với thế hệ mai sau	1,0
	4	- Nhan đề và nội dung văn bản có mối quan hệ chặt chẽ. - Nhan đề phù hợp, khái quát được nội dung của văn bản. Nội dung các thông tin trong văn bản đều được trình bày hướng đến làm rõ nhan đề.	1,0
	5	- Đề xuất một giải pháp để phát triển tình yêu lịch sử - văn hóa dân tộc cho học sinh trong trường học mà HS thấy có ý nghĩa nhất hiện nay. <i>(HS có thể đề xuất một trong các giải pháp sau:</i> + Phát triển tình yêu lịch sử - văn hóa dân tộc thông qua các môn học; thông qua tìm hiểu, nghiên cứu sách vở, tài liệu, các trang tin điện tử, ... + Tổ chức và tham gia các hoạt động về nguồn, đền ơn đáp nghĩa + Tổ chức và tham gia các hoạt động dâng hương, tưởng niệm, ... + Giới thiệu với bạn bè ở các địa phương khác hoặc bạn bè quốc tế về các di tích lịch sử, văn hóa dân tộc, ...) - Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh của tinh thần lạc quan đối với mỗi người qua văn bản.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: về sức mạnh của tinh thần lạc quan đối với mỗi người.	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: + Tinh thần lạc quan vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người, giúp ta vượt qua được những khó khăn thử thách để vượt lên mọi hoàn cảnh.	1,0

	<p>+ Lạc quan giúp mỗi người sống vui vẻ, tận hưởng nhiều vẻ đẹp của cuộc sống.</p> <p>+ Lạc quan khiến mỗi người luôn tự tin, lan tỏa nguồn năng lượng tích cực đến những người xung quanh và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.</p> <p>...</p>	
	<p><i>d. Diễn đạt:</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p>	0,5
	<p><i>đ. Sáng tạo:</i> Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) cảm nhận về đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “Dáng đứng Việt Nam” của Lê Anh Xuân.	4,0
	<p><i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn. Thí sinh có thể trình bày bài văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp, móc xích hoặc song hành.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích hình tượng người lính anh hùng trong bài thơ <i>Dáng đứng Việt Nam</i> – Lê Anh Xuân</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: Gợi ý: + Vẻ đẹp bi tráng của người chiến sĩ giải phóng quân. Dù đối diện với mất mát hi sinh nhưng tinh thần quả cảm, bất khuất. Vẻ đẹp anh hùng khiến cho quân giặc khiếp sợ. + Vẻ đẹp giản dị, sáng trong của người chiến sĩ. Sẵn sàng đánh đổi mạng sống để lấy lại độc lập tự do cho quê hương. + “Dáng đứng Việt Nam” là bài thơ đặc sắc. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của người anh hùng giải phóng quân. Đó là hình tượng điển hình cho người lính trong thời đại chống đế quốc Mỹ với nhiều phẩm chất cao đẹp. ...</p>	2,5
	<p><i>d. Diễn đạt:</i> Bảo đảm chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

---HẾT---

ĐỀ SỐ 24

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

GIỤC GIÃ

Xuân Diệu¹

Mau với chứ, vôi vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! thời gian không đứng đợi.
Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới;
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết!
Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt;
Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài;
Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

Vừa xịch gói chăn, mộng vàng tan biến;
Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành.
Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh,
Quay mặt lại: cả lầu chiều đã vỡ
Vì chút mây đi, theo làn vút gió.
Biết thế nào mà chậm rãi, em ơi?
Sớm nay sương xê xích cả chân trời,
Giục hồng nhan thiên di về cõi bắc.
Ai nói trước lòng anh không phản trắc;
Mà lòng em, sao lại chắc trơ trơ?
- Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,
Đốt muôn nén sánh mặt trời chói lói;
Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
Em vui đi, răng nở ánh trăng rằm,
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.
Mau với chứ! Vôi vàng lên với chứ!
Em, em ơi! Tình non sắp già rồi...

(Bài thơ in trong tập *Gửi hương cho gió*, NXB Thời đại,

1945. Dẫn theo *Thi nhân Việt Nam*, bản in lần thứ hai mươi mốt, NXB Văn học, 2002, tr.130-131)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra các từ ngữ thể hiện sự giục giã trong 4 dòng thơ sau:

“Mau với chứ, vôi vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! thời gian không đứng đợi.”

Câu 3. Xác định chủ đề của văn bản trên.

Câu 4. Chỉ ra hiệu quả của biện pháp nhân hoá được thể hiện trong câu thơ sau”

“Mau với chứ! thời gian không đứng đợi.”

Câu 5. Qua văn bản, Anh/ chị hãy liên hệ với bản thân về thái độ sống tích cực của chủ thể trữ tình.

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) làm rõ quan niệm sống của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn thơ sau:

*Vì chút mây đi, theo làn vút gió.
Biết thế nào mà chậm rãi, em ơi?
Sớm nay sưng xê xích cả chân trời,
Giục hồng nhận thiên di về cõi bắc.
Ai nói trước lòng anh không phàn trắc;
Mà lòng em, sao lại chắc trơ trơ?
- Hái một mùa hoa lá thuở mặng tơ,
Đốt muôn nén sánh mặt trời chói lói;
Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
Em vui đi, rặng nở ánh trăng rằm,
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.
Mau với chứ! Vội vàng lên với chứ!
Em, em ơi! Tình non sắp già rồi...*

(Trích *Giục già*, Xuân Diệu)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về kĩ năng thích ứng của tuổi trẻ trong bối cảnh hội nhập phát triển của xã hội hiện nay.

Chú thích:

¹Xuân Diệu tên thật là Ngô *Xuân Diệu* (2 tháng 2 năm 1916 - 18 tháng 12 năm 1985), là nhà thơ, nhà báo, nhà văn viết truyện ngắn, nhà phê bình văn học và chính khách người Việt Nam. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới đầu thế kỷ XX. Được đánh giá là “nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới”, “Ông hoàng thơ tình”. Xuân Diệu nổi tiếng với tập *Thơ thơ* (1938), thể hiện một tiếng nói riêng biệt chịu ảnh hưởng văn hoá phương Tây, đặc biệt là chủ nghĩa tượng trưng Pháp. Ông là một trong những người đầu tiên áp dụng thủ pháp thơ phương Tây như *enjambment* vào thơ Việt Nam,... Trong khoảng thời gian từ năm 1936 đến năm 1944, thơ của ông đã thể hiện một triết lý bi quan, tuyệt vọng về tình ái nhưng lại có một mạch ngầm thúc giục, nhiều khi hùng hực sức sống. Nhờ đó, Xuân Diệu còn được mệnh danh là “ông hoàng thơ tình”

---HẾT---

ĐỀ SỐ 24 - ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Thể thơ: Tự do	0,5
	2	Những từ ngữ thể hiện sự giục giã trong 4 dòng thơ: <i>Mau với chú, vội vàng lên, thời gian không đứng đợi.</i>	0,5
	3	Chủ đề bài thơ: Thời gian trôi nhanh, tình yêu và cuộc đời không vĩnh viễn.	1,0
	4	Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa. <i>“Mau với chú! thời gian không đứng đợi.”</i> - Nhân hoá: Thời gian như con người biết đứng đợi - Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa * Tạo sự sinh động, cụ thể; giúp người đọc dễ hình dung về sự về mối quan hệ sự sống với thời gian; thời gian luôn trôi chảy không ngừng, bất tận mà con người không thể níu kéo chờ đợi. * Giúp người đọc dễ cảm nhận phong cách lãng mạn trong thơ Xuân Diệu; câu thơ thêm sinh động hấp dẫn, gợi hình gợi cảm.	1,0
	5	Gợi ý: Suy ngẫm về sự trân trọng những giá trị cao đẹp trong cuộc sống. Bài học nhận thức: Thí sinh lựa chọn bài học riêng, phù hợp Ví dụ: quý trọng tuổi trẻ; trân trọng cuộc sống; sống hết mình với những điều tốt đẹp.....	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ): về quan niệm sống của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn thơ.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: quan niệm sống của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn thơ	0,25
		<i>c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Sống hết mình, trân trọng cuộc sống, cuộc sống luôn thay đổi thay “Ai nóitrơ trơ” - Sống gấp gáp, sống có ý nghĩa, có giá trị; cuộc sống không phải sự tồn tại vô nghĩa “thà....” - Sống nồng nhiệt với tất cả sự trân trọng với thời gian (2 câu cuối)	1,0
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về kĩ năng thích ứng của tuổi trẻ trong bối cảnh hội nhập phát triển của xã hội hiện nay.	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục, dung lượng của bài văn nghị luận</i> Đảm bảo yêu cầu về bố cục và dung lượng (600 chữ) của bài văn.	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Kĩ năng thích ứng của tuổi trẻ trong bối cảnh hội nhập phát triển của xã hội hiện nay.</p>	0,5
	<p><i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu sau:</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích vấn đề nghị luận: - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Cần trau dồi hiểu biết về kĩ năng thích ứng trong cuộc sống; hiểu về bối cảnh hội nhập; + Cần có trải nghiệm thực tế: trong học tập; trong công việc; trong việc điều chỉnh cảm xúc để phù hợp với sự thay đổi của hoàn cảnh sống; + Cần có trải nghiệm trong quá trình giao tiếp tìm kiếm cơ hội phát triển bản thân. ... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện,... * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i></p>	2,5
	<p><i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

--- HẾT ---